

I THÁNG 6 NĂM 1970

BACH KHOA

năm mười bốn

VIỆT PHƯƠNG *phong trào tranh đấu của thanh-niên
Mỹ và đường lối ngoại giao của Hoa-kỳ* * KIM ĐỊNH
cần vận động gấp cho một nền giáo dục lương thiện *
LÊ HƯƠNG *bang giao Miên-Việt theo sử liệu Cao-miên*
* DƯƠNG ĐÌNH KHUÊ *vài nhận xét về loại truyện dị
thường của Tây phương và Việt-Nam* * LE QUANG
NGHIÊM *những tục thờ cúng đặc biệt và kỳ lạ của ngư
phủ tỉnh Khánh Hòa* * CUNG GIỮ NGUYỄN *con đường
cắt đoạn* * TRÙNG DƯƠNG *chàng Việt-nam* * HUỖNH
VĂN LANG *con cái ba con* * PHẠM NHUẬN *bên này
sông* * TƯ KẾ TƯỞNG *trẻ nhỏ* * NGUYỄN VĂN
TRUNG *nghĩ về phong trào sinh viên* * TỬ TRI
thời sự thế giới * TỬ DIỆP
thời sự khoa học * TRÀNG
THIÊN *thời sự văn nghệ*

322





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

- *associe* : : — L-LYSINE
— VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
— PANTOTHENATE DE CALCIUM
— GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard - PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA** - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON



223

B Á C H

K H O A

Số 321 ngày 1-6-1970

VIỆT PHƯƠNG phong trào tranh đấu của thanh niên Mỹ và đường lối ngoại giao của Hoa-kỳ.	5
KIM ĐỊNH cần vận động gấp cho một nền giáo-dục lương thiện	15
LÊ HƯƠNG việc bang giao giữa Cao-miên và Việt-nam từ ngày tiên-khởi đến ngày Pháp đô-hộ (viết theo sử-liệu của Cao-miên)	21
DƯƠNG ĐÌNH KHUÊ vài nhận xét về loại truyện dị thường của Tây phương và Việt-nam	29
LÊ QUANG NGHIÊM những tục thờ cúng đặc biệt và kỳ lạ của ngư phủ lưới đặng tỉnh Khánh-Hòa	37
CUNG GIỮ NGUYÊN con đường cắt đoạn (Toán số với cần khôn)	47
TRUNG DƯƠNG chàng Việt-nam (truyện)	51
HUYỀN VĂN LANG cạp cái ba con (hồi-ký)	61
PHẠM NHUẬN bên này sông (thơ)	70
TỰ KỂ TƯỞNG trẻ nhỏ (thơ)	71
SINH HOẠT	
TỪ TRÌ thời sự thế giới	76
TỬ DIỆP thời sự khoa học	80
TRẦN THIÊN, THU THỦY thời sự văn nghệ	82

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG LAI
133 Võ-Tánh Saigon
GIÁ : 40đ Công sở : 80 đ
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay

Sách Lá-Bối mới ấn hành :

- EM BÉ PHÙ TANG
Isoko Ichiro Hatano. Trương-đình-Cử dịch
- ĐẠO PHẬT NGÀY NAY (tái bản)
Nhất Hạnh
- ÁO EM CÀI HOA TRẮNG (hết, đang tái bản)
Võ Hồng
- NẸO VỀ CỦA Ỡ (tái bản)
Nhất Hạnh
- HEIDEGGER TRƯỚC SỰ PHÁ SẢN CỦA
TƯ TƯỞNG TÂY PHƯƠNG (*Lê-Tôn-Nghiêm*)
- PHONG TRÀO DUY TÂN
Nguyễn văn Xuân
- XÚ TRẦM HƯƠNG *Quách Tấn*
- LÚA SẠ MIỀN NAM (thơ) *Kiên Giang*
- HẢI ĐẢO THẦN TIÊN *Đặng-Trần-Huân*
- CÂM CA VIỆT NAM *Toan-Ánh*
- ✧ **Và hai cuốn sách cần thiết cho giáo viên
tại các trường tiểu học cộng-đồng :**
- GIAO-DỤC CỘNG-ĐỒNG
Vương Pên Liêm
- PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐIỂM TẠI TRƯỜNG
TIỂU HỌC CỘNG ĐỒNG *Vương Pên Liêm*

**Nhà xuất bản Lá-bối
120 Nguyễn-Lâm Chợ-lớn**

Phong trào tranh đấu của thanh niên Mỹ VÀ ĐƯỜNG LỐI NGOẠI-GIAO CỦA HOA-KỲ

Với quyết định của Tổng-thống Nixon đưa quân sang Cam-bốt, một làn sóng chống đối đã nổi lên ở Hoa-kỳ nhất là trong giới trẻ học đường. Không như các lần trước cuộc chống đối lần này có tính cách đại-quy-mô và lan rộng rất nhanh. Có tới hơn 400 trường Đại-học khắp Hoa-kỳ tham gia bãi khóa biểu tình. Thành phần tham gia lần này gồm có cả những thanh niên xưa nay chỉ biết chăm chỉ học hành, các giáo sư xưa nay vẫn có thái độ rất dè dặt đối với những phong trào quá khích của thanh niên. Trong tháng 5 này, Tổng-thống Nixon đã phải mất nhiều giờ cùng các cộng-sự-viên bàn luận kế-hoạch đối phó.

Những cuộc biểu-tình phản-đối phần nhiều là bất bạo-động. Thành thoảng mới có một cuộc biểu-tình đập phá, đốt hình nộm. Một trong những cuộc biểu-tình đó đi xảy ra đổ máu. Cảnh sát đã bắn vào nhóm sinh viên bạo động ở trường Đại-học Kent, tiểu-bang Ohio khiến cho 4 nam nữ sinh-viên mạng vong và nhiều người bị thương. Sự việc này xảy ra như là tưới dầu thêm vào lửa, làm cho phong trào chống đối chiến tranh càng bùng mạnh, đi đến một cuộc chống đối chế-độ. Người ta đã nghe thấy nhiều tiếng hò hét: "Lôi cổ Nixon xuống! Đả đảo Nixon! v.v." Mặc dầu với sự khôn-khéo cố-hữu của

ông, Tổng-thống Nixon mới chỉ xoa dịu được một phần nào bầu không khí phản-nộ đó bằng cách cam đoan sẽ rút hết quân đội Mỹ khỏi Cam-bốt vào cuối tháng 6 này...

Nhưng ông vẫn chưa dập tắt được ngọn lửa đấu tranh nếu ông không thực hiện đúng lời hứa của ông, nếu ông không chịu chấm dứt cuộc chiến tranh Việt-Nam trong một-thời gian ngắn, nếu ông không giải quyết được êm thấm những khủng hoảng trầm trọng của xã-hội Hoa-kỳ do chiến tranh Việt-Nam gây nên. Trái lại, ngọn lửa đấu tranh đó mỗi ngày một nung nấu thêm lên và đe dọa đốt cháy cả chế độ dân chủ Hoa kỳ. Nhiều học giả, thượng nghị sĩ, chính trị gia đã lên tiếng cảnh cáo Tổng-thống Nixon về những hậu quả mở rộng chiến tranh của ông. Chiến tranh Việt-Nam ngày nay đã trở nên một cái ung-nhọt mà xã-hội Hoa kỳ chịu đựng khó nổi. Cái nhà lãnh đạo Hoa Kỳ, lúng túng trước cơn khủng-hoảng trầm-trọng đó, đang bị một áp-lực mỗi ngày một mạnh trong giới thanh niên và thức-giả đề chấm dứt cuộc chiến này càng sớm càng hay.

Dưới đây chúng tôi xin nêu lên ý kiến của ông Steven Kelman viết trong tạp-chí Foreign Affairs số tháng 4-70,

liên-quan đến thái độ của thanh niên Hoa-kỳ đối với nền ngoại-giao của siêu cường này. Ta sẽ thấy rõ thanh-niên Mỹ ngày nay, nhất là giới thanh-niên cấp-tiến, càng ngày càng chú trọng hơn đến đường lối ngoại-giao của chính-phủ họ. Theo ông Kelman, trong những năm 60, cùng với phong-trào đề tóc dài, nghiện ma-túy, phong trào chống-đối chiến-tranh Việt-Nam đã trở nên tiêu biểu cho sự nổi loạn của giới trẻ Hoa-Kỳ.

Tuy nhiên sự nổi loạn đó không phải là một hiện-tượng phổ biến bao gồm tất cả mọi tầng lớp thanh niên. Đa số vẫn cắp sách đi học, hoặc lo lắng sinh kế, hoặc chiến đấu ngoài mặt trận. Nhưng có một điều chắc chắn, là cuộc nổi loạn đó là cuộc nổi loạn của những kẻ có ý - thức nhất, được giáo - dục cần thận nhất và tự tin nơi mình nhất. Bởi thế cho nên số-lượng của họ tuy ít nhưng ảnh-hưởng của họ rất lớn đối với các tầng lớp thanh niên khác. Đối với chiến-cuộc V.N, những ý kiến của thiểu số đó rất quan trọng vì vấn-đề đối-ngoại, không như vấn đề cơm áo, chỉ có một số ít người đề ý tới. Các nhà hoạch-định chính-sách đối-ngoại đều phải quan tâm đến những ý-kiến đó vì đó là ý-kiến của giới trẻ nói chung. Bước sang năm 70 này, với việc Hoa-kỳ chuẩn bị rút quân khỏi V.N, chúng ta cũng cần nên biết rõ thái-độ của giới trẻ đối với việc chỉ-đạo chính-sách ngoại-giao của Hoa-kỳ trong những năm tới. Theo tác giả, công kích những sai lầm dễ hơn là xây dựng một chính-sách, mà thanh niên thì đang bận học bành, chưa đủ chín chắn để suy-luận về chính trị. Chiến tranh VN đã làm đảo lộn tất cả mọi suy nghĩ nhất là về vai trò lãnh đạo của Hoa-kỳ nói chung. Giới thanh niên, với cuồng vọng phác

họa cho Hoa-kỳ một đường lối ngoại giao trong những năm tới, đã chịu ảnh hưởng nặng nề của sự đảo lộn đó.

Theo ông Kelman, phong-trào chống đối ở Hoa-kỳ hiện nay do 2 phái thanh niên làm nòng cốt: thứ nhất là phái tự-do (Campus liberalism) thứ hai là phái khuynh tả (Campus New Left), phái khuynh tả New left có một chương-trình tranh đấu rõ rệt hơn nên thường lôi cuốn được phái tự-do chạy theo.

Trước hết ta hãy nói đến giới thanh niên tự-do và chủ trương của họ. Người ta gọi như vậy là vì phái này chủ trương sống hoàn toàn theo tự nhiên. Họ phải đối tất cả những ràng buộc của xã hội văn minh máy móc. Họ thích sống trong cảnh thiên nhiên, làm mọi việc theo ý muốn, ăn ở tự do, làm tình tự do, dùng ma-túy để đẩy lạc thú đến cực độ, Muốn để cho khác người, họ ăn vận quái gở, để tóc dài, không chịu hòa nhập với đời sống bình thường. Họ chống chiến-tranh vì chiến tranh hủy diệt nhân-loại và trái với tôn-chỉ của họ. Vì thế cho nên họ là những người phản đối chiến tranh V. N. mạnh nhất. Họ thường luôn luôn nhắc tới câu: "All We Are Saying Is Give Peace A Chance", Câu này trích trong một bài hát do nhạc-sĩ John Lennon (thuộc nhóm Beatles) soạn ra và đã được hàng trăm ngàn thanh niên, biểu tình chống chiến-tranh ở Hoa-kỳ, đến ngày 15-11-1969, hát vang. Đối với họ, những cuộc biểu tình phản chiến được tổ chức tung bừng như những ngày hội: họ nhảy nhót, múa hát (kể cả thoát y) để phản đối nhà cầm quyền tiếp tục chiến tranh. Khẩu hiệu của họ là "Peace Now" (hòa bình ngay bây giờ).

Đề hiểu rõ cái-thái độ vừa vui nhộn vừa đấu tranh đó, ông Kelman nghĩ rằng vì họ sống trong một thời kỳ dồn dập quá nhiều sự-kiện quốc-tế nên bắt buộc họ phải suy nghĩ để tìm cách giải-quyết làm sao giữ cho nhân-loại sống trong cảnh thái-hoà. Họ thấy rằng chính các trật-tự xã-hội hiện-tại với những qui-điều cứng nhắc của nó đã là những hàng rào cản khiến cho các dân-tộc không thể hòa-đồng cùng nhau (coming together). Họ nghĩ đến câu nói của Freud: «Vì có những kìm hãm của xã-hội văn-minh mà cá-nhân con người trở nên đau khổ. Tuy nhiên nếu không có những kìm hãm đó, con người sẽ cấu xé lẫn nhau». Nhưng họ chỉ nhớ tới đoạn đầu của câu đó và đòi phải hủy bỏ tất cả những kìm hãm cứng nhắc của xã-hội để con người được sống tự do hạnh-phúc.

Trước kia trong những năm 60, thanh niên thường tham gia chính-trị dưới chiêu bài của một số lý-tưởng nào đó, do một nhóm, dù là vô danh, đề xướng. Ngày nay thanh niên chống lại tất cả mọi thứ giáo-điều lý-tưởng bởi vì họ cho rằng những giáo-điều đó cứng nhắc và làm cho nhân-loại ngăn cách nhau.

Nếu nhân-loại muốn sống hòa-đồng thì phải gạt bỏ những lý-tưởng đó đi. Những người ôm ấp một lý-tưởng, đều cứng nhắc và chật hẹp trong ý-nghĩ. Chính vì muốn phát triển và bảo vệ cái lý-tưởng đó mà người ta đã đi tới kết-quả khốc hại là chiến-tranh. Như thế lý-tưởng cũng không khác gì những qui-điều (conventions) chỉ có hậu-quả là ngăn cản con người không thể sống theo thiên-nhiên, không thể gần gũi nhau hơn, thương yêu nhau hơn..

Vì quan-niệm như vậy nên giới thanh-

niên tự do cho cuộc tranh chấp ý-thức-hệ Đông-Tây là một trong những nguyên-do của chiến-tranh và bạo-động. Những sự chỉ trích của họ đối với chiến tranh V.N thường là: « Hoa kỳ đang giết người V.N để bắt họ phải theo lối sống của mình». Hoặc giả «đề bắt họ phải theo lý-tưởng tự-do của mình». Họ chống đối kịch liệt lập-luận cho rằng Hoa kỳ sở dĩ không rút quân ngay khỏi V.N là vì thề-diện. Họ tức giận đặt câu hỏi: «Cứu vớt thề-diện, hay cứu vớt sinh-mạng, cái nào quan trọng hơn?».

Tất cả những mưu toan nhằm biện minh cho cuộc chiến tranh VN, hoặc để xây dựng một chính sách đối ngoại Hoa-kỳ căn cứ trên quyền lợi quốc gia, đều bị giới thanh-niên tự do chống đối kịch liệt, cho đó là những ý nghĩ cứng nhắc.

Đối với một câu hỏi do một sinh viên Mỹ thuộc nhóm bảo-thủ, ôn hòa đưa ra: « America-Love it or leave it » (Hoa kỳ - Ta nên yêu hay bỏ nó), có một số sinh viên đã trả lời « Good bye » hoặc « Tôi đang bỏ đây ».

Đối với thanh-niên tự-do chữ « ái-quốc » ngày nay không còn nghĩa gì nữa, vì nó cản trở nhân-loại hòa-đồng. Do đó ta có thể hiểu vì sao nhiều thanh niên Mỹ lại chống Mỹ, không thích sống ở Mỹ. Họ không thể chấp nhận được hình-ảnh những kẻ bảo-vệ vai trò của Mỹ trên thế-giới diễn-hành dưới một rùng cờ sao. Họ không thể ủng-hộ một chính-sách của chính-phủ Hoa-kỳ vì nó là chính-sách của nước họ. Họ chỉ có thể ủng hộ chính-sách đó nếu nó đúng. Đối với chiến-tranh V.N. họ phản đối, vì họ muốn rằng nước họ phải là nước tốt nhất thế-giới. Họ muốn việc Hoa-kỳ giao thiệp với các

nước khác trên thế-giới cũng giống như việc họ giao-thiệp với nhau. Ý-nghĩ đó có thể tóm tắt trong mấy câu thơ sau đây :

*Come on people now
Smile on your brother
Everybody get together*

Try to love one another right now.

Đại khái nghĩa là : Hãy đến với nhau, hãy cười với nhau, hãy yêu thương nhau ngay từ bây giờ.

Họ không tìm cách giải quyết những vấn-đề như : thế nào là xâm-lược, thế nào là dân-chủ, thế nào là không-can-thiệp. Họ muốn để cho mỗi người làm công việc của riêng mình (do your own thing), mỗi quốc-gia giải quyết công việc của riêng quốc-gia đó. Chủ-trương đó làm cho họ đi gần với chủ-trương biệt-lập xưa (isolationism)

Tóm lại, đối với họ, trong vấn đề V.N, Hoa-kỳ đã xử sự như một kẻ xấu chơi (a bad guy). Vấn đề họ đặt ra là Hoa-kỳ nên thôi chơi xấu. Họ cho rằng nếu Hoa-kỳ thôi dùng sức mạnh trên thế-giới, có lẽ mọi việc sẽ diễn biến hòa-bình và yên tĩnh hơn. Vì Hoa-kỳ đã dùng vũ-lực nên mọi việc đều đảo-lộn. Do đó họ đã đưa ra những đề-nghị rõ rệt nhất đối với những nước chậm tiến. Họ chú trọng đến những vấn đề nghèo đói, chủng tộc, hơn là những vấn-đề quốc-tế khác. Họ đề-nghị phải giúp đỡ những nước nhược-tiểu vì tình nhân-loại. Trái lại, họ rất ít chú ý đến Âu-Châu.

Tại trường Đại học Harvard, có từ 500 đến 800 sinh viên ghi tên học, về những vấn-đề khủng hoảng tại các đô-thị Hoa-kỳ, từ 100 đến 300 sinh viên

ghi tên học về vấn đề canh-tân thế-giới thứ ba, không tới 75 sinh viên ghi tên học những vấn-đề Âu-Châu hiện nay, mặc dầu có những giáo-sư nổi danh giảng dạy. Chỉ có 30 sinh viên ghi tên theo lớp chính-trị quốc-tế Tây-Âu mà thôi.

Khi nhận xét về chính-sách ngoại-giao của Hoa-kỳ, họ muốn rằng chính-sách đó được hoạch-định, không phải trên căn bản khuếch trương thế-lực Hoa-kỳ, mà trên căn-bản Hoa-kỳ có thể làm gì để giúp đỡ những nước nghèo khó trên thế-giới.

Các nhà hoạch-định chính-sách của Hoa-kỳ đang cố thuyết phục giới thanh niên là hai mục-tiêu này không mâu thuẫn nhau. Nhưng giới này thì vẫn nghĩ rằng nhà cầm quyền Hoa-kỳ đã sao lãng mục-tiêu thứ 2. Tình cảm của họ đều hướng về thế giới thứ ba và chống nạn nghèo đói và kỳ-thị chủng-tộc. Vì vậy mà họ chống đối chính sách hiện nay của chính-phủ họ.

oOo

Phái thứ hai mà ông Kelman nói tới là phái New left (Tân-tả phái). Phái này cũng có nhiều nhóm khác nhau, nhiều khi tranh luận nhau kịch liệt. Nhưng xu-hướng chung của họ đối với những vấn-đề quốc-tế nóng hổi tương đối rõ ràng hơn. Báo New-York Time gần đây nói tới một nhóm thanh-niên khuyến-tả lấy tên là «Students for a Democratic Society» viết tắt là S D S (Sinh viên tranh đấu cho một xã-hội dân-chủ). Nhóm này do David Dellinger lãnh đạo với khẩu-hiệu quyết-liệt : «Đem ngay chiến-tranh về nhà» (Bring The War Home Now).

Nhóm phản-chiến này chủ-trương ủng hộ những chế-độ cách-mạng ở thế-

giới thứ ba và chống đối tất cả những cải-cách dân-chủ ở các nước chậm tiến như Venezuela, Chili, Singapore, vì những cải cách này đã làm sai lạc con đường cách mạng. Đối với các nước tiên tiến, họ chủ-trương một nền chuyên-chế theo kiểu cộng-sản và chống đối chế-độ đa đảng với những quyền tự-do dân-chủ "tư-sản". Họ có cảm tình với chế độ Xôviết theo kiểu Staline hơn là chế độ Xôviết của các nhà cầm quyền Nga-sô hiện nay mà họ cho là tư-bản-hóa.

Mục đích của họ nhằm, không phải là thay đổi chính sách ngoại giao của Hoa-kỳ, mà là chiếm đoạt chính quyền bằng những cuộc cách-mạng. Trong khi chờ đợi, họ không muốn Hoa-kỳ có một chính sách ngoại-giao nào hết, vì họ cho rằng bản-chất chế-độ là xấu thì chính-sách đối-ngoại cũng phải xấu, không thể chấp nhận được. Thực ra, họ cũng có những lý lẽ của họ. Nếu Hoa-kỳ hành động, hoặc để giúp đỡ một nước đánh bại một cuộc chiến-tranh du-kích, hoặc để ủng hộ một chế-độ độc-tài phản động, hoặc để xây dựng một hệ-thống chống hỏa-tiến ABM, thì những hành động này chắc chắn sẽ bị cả 2 phe thanh niên tự-do và khuynh-tả chống đối. Nhưng phe Tả còn đi xa hơn nữa trong lý luận của họ: Ví dụ đối với việc Hoa-kỳ giúp đỡ một nước khác họ đã nghĩ như sau:

"Đừng tưởng việc Hoa-kỳ giúp đỡ một quốc gia đã có những cải cách ruộng đất và tịch thu tài sản ngoại-kiểu là một hành vi tốt. Ví dụ Hoa-kỳ giúp đỡ quốc-gia đó xây dựng một đập thủy-điện khiến cho nông dân vùng đó được tiêu thụ điện rẻ tiền hơn. Việc đó làm tăng giá uy-tí của Hoa kỳ, và như vậy chỉ làm cho cuộc cách-mạng chống đế-quốc chủ-nghĩa ở nước đó phải chậm bước

hơn mà thôi ».

Tại trường Đại-học Harvard, nhóm sinh viên SDS đưa ra một chương trình, ví dụ như làm thế nào giúp cho một quốc gia chậm tiến như Chili có thể đánh thuế một cách hữu-hiệu vào giới nhà giàu, làm thế nào cải tiến phương-pháp canh-tác để có thể nâng cao mức sản xuất nông-nghiệp ở các nước lạc hậu, làm thế nào chữa được nhiều thứ bệnh ở Phi Châu nhiệt-đới. Trái lại, tất cả những hoạt-động của Hoa-kỳ làm dịu cuộc chiến-ranh lạnh, thường được giới tự-do hoan nghênh, nhưng lại bị giới cực tả kịch liệt lên án. Giảm trang được họ coi như là một âm mưu phát-triển chủ-nghĩa hòa-bình và ngăn cản cuộc tranh đấu của các dân-tộc trên thế-giới chống "đế-quốc chủ-nghĩa Hoa-kỳ"...

Nhóm thanh-niên cực tả trong bất cứ học động nào cũng muốn cho nó có màu sắc quốc-tế. Ví dụ trong một cuộc tranh đấu chống việc tăng giá tiền xe buýt ở Boston vào năm 1968, nhóm thanh niên này đã hô hào dân Boston tranh đấu như là nhân dân VN đã tranh đấu chống đế quốc Mỹ. Trong cuộc tranh đấu chống hãng « General Electric » vào mùa đông năm 1969 trước khi thợ thuyền đình công, họ đã gọi hãng này là một « hãng đế-quốc » muốn tìm « nhân công rẻ tiền » ở ngoại quốc để bảo toàn những khế-ước ở trong nước.

Họ theo quan-điểm của Lâm-Buru coi các nước chậm tiến như vùng nông-thôn và các nước tiên tiến như là thành-thị. Nông thôn bao vây thành thị. Do đó họ đi đến kết-luận là Hoa-kỳ giàu có là vì bóc lột các nước nghèo nàn. Nếu Hoa-kỳ bị đánh đuổi ra khỏi

(Xem tiếp trang 73)

BASTOS *Luxe*



巴
士
多
金
牌
煙
多
金
牌
煙
名
貴
大
方

Siêu Đẳng Thượng Hảo Hạng

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

Cần vận-động gấp cho một nền giáo-dục lưỡng diện

Khỏi nói thì ai cũng biết là nền văn-minh hiện-đại đang lâm khủng hoảng trầm trọng đến nỗi gây ra tâm trạng bất an nơi mọi người, nhất là phái trẻ. Nơi họ tâm hồn bất an thường đi kèm theo lòng phẫn nộ phản kháng om xòm, bằng chứng là sinh viên trên khắp thế giới đều có những cuộc biểu tình bãi khóa để đòi cái này yêu cầu cái kia, nhưng đây chỉ là những biểu-lộ cục-bộ. Còn cái mục-tiêu chung không hiện lên rõ rệt thì lại chính là tất cả cái nền văn-minh hiện-đại mà, từ trong tiềm thức, họ muốn đập phá cho tan tành. Nhưng nếu có ai hỏi tại sao lại muốn đập phá? đập phá rồi sẽ lấy chi thay thế vào? thì đó là những câu hỏi ít được đặt ra cách rõ rệt và càng ít hơn nữa là sự đi tìm những câu đáp thấu đáo.

Trước hết chúng ta phải hỏi tại sao đối kháng như vậy? Chúng ta phải ngạc nhiên mà hỏi là vì văn-minh không tiến bộ đến tận cùng trắng sao mà cần chi phải phản kháng? Theo nhiều triết-gia thì vì đây là một nền văn-minh chỉ có một chiều nên cũng biến con người trở nên một chiều và như vậy là con người bị tha-hóa. Triết-gia Herbert Marcuse gọi là con người nhất-diện "One dimensional man", còn Heidegger kêu là sự

mất ý-thức về nét gấp đôi. Tôi cho rằng nhận xét như thế rất đúng, và nó giúp chúng ta nhận ra rằng nhân loại sẽ thoát khỏi cơn khủng hoảng ngày nào tìm ra được một nền triết-lý có nét gấp đôi, một nền giáo-dục có tính chất lưỡng-diện. Nếu bạn hỏi thêm: ai hoặc nước nào sẽ có đủ điều kiện để tìm ra những cái đó và nếu chúng ta được phép suy-luận tiên-thiên thì câu thưa sẽ là nước Việt-Nam này. Bởi vì nếu nói cách tiên-thiên thì được căn-cứ vào vật tổ, vì vật tổ nói lên sự mệnh của một nước, vậy mà hầu hết các nước trên thế giới chỉ nhận có một con thú làm vật tổ: nước Pháp con gà, nước Anh con sư-tử, nước Nhật mặt trời... Riêng có nước Việt-Nam thì vật tổ không là một mà là hai: tiên và rồng, non và nước; nước đi với rồng, non đi với tiên. Luôn luôn cặp đôi như thế để nói lên lưỡng-nhất-tính của nền văn-hóa Việt-Nho. Tuy nhiên đây là truyện xưa, khỏi nhắc đến nhiều, vì có thể cho là bởi mớ truyện cũ xưa mãi tự đời hồng hoang mông muội. Vậy chúng ta hãy nói đến truyện ngày nay thì hiện nước ta đã bỏ hẳn non nước để đi sâu vào triết-học một chiều của Tây-phương. Điều này thì ai cũng biết nhưng cần phải nói tới vì ít mấy

người nhận thức ra sự nguy cơ của lối hành xử như vậy, cũng như đề ra được phương được chữa trị liền. Bởi thế mà tôi lấy làm đề tài cho bài này, và tôi tự hạn cục vào một phương diện giáo-dục mà thôi.

Một nền giáo-dục lý-tưởng phải bao gồm hai chiều : một là làm ăn, hai là làm người, nói khác là thành công và thành nhân. Nói thế thì ai cũng nói được nhưng đề cho lời nói có nội-dung chân thực thì phải có một kế hoạch cho thành công và một đường hướng cho thành nhân. Thiếu hai điểm đó thì chỉ là văn - chương.

Vậy trước hết xin bàn về thành công. Để đạt điểm này thì cần phải có một kế hoạch. Vậy mà từ ngày nước ta độc lập chưa thấy chi đáng gọi là kế hoạch cả. Nếu có thì phải lưu ý điểm này : nước ta chậm tiến, còn bị chiến tranh triền miên dìm xuống cuối sổ các nước chậm tiến. Vậy cần phải sửa soạn gấp cho việc kiến-thiết là sửa soạn trước hết việc đào tạo chuyên viên, tức lo cho Đại-học. Thế mà tất cả chú ý giáo-dục tới nay được dồn hầu như trọn vẹn vào Trung Tiểu học mà bỏ lơ Đại-học. Ngân sách giáo dục năm nay là 8 tỉ thì dành cho Trung Tiểu-học 6 tỉ rưỡi, còn Đại-học tất cả chỉ được nửa tỉ, không mấy khác chương-trình của thực dân đào luyện thông-ngôn và công-chức. Với mục-tiêu bé nhỏ đó, thực dân bỏ bê Đại-học là đúng đường lối giữ nước mình làm một thị-trường tiêu thụ hàng cho mẫu quốc. Tại sao nay chúng ta đã lấy lại độc lập rồi còn tiếp tục lè lói làm việc của thực-dân. Theo tỉ-lệ các nước tân tiến nhất thì cứ 4 sinh viên kỹ - thuật mới có 1 sinh viên văn - khoa. Vậy mà

nước ta thì có 4 sinh-viên văn-khoa chưa chắc đã được 1 sinh-viên kỹ-thuật. Khi con em chúng ta học xong Trung-học không biết đi học ở đâu nữa : Cao đẳng Kỹ thuật chỉ mở tượng trưng, Y và Dược nhận có hạn, và vậy là phải vì Y và Dược cũng chỉ là phục-vụ việc tiêu thụ. Còn lại bao nhiêu người không biết học gì nên phải đổ xô vào hai trường Luật và Văn khoa. Đã nhiều lần bàn tới, chính quyền cũng công nhận bi-trạng này, nhưng cuối cùng vẫn thoái thác, viện lý do thiếu ngân-sách. Và mọi người đều phải chịu vậy chờ khi nào có tiền sẽ hay, y như sự thiếu hụt ngân-sách là căn-nguyên gây nên tệ trạng này. Nhưng thực sự không phải thế.

Chúng tôi cho rằng ngân-quĩ eo hẹp cũng như chiến-tranh mới là tùy phụ: còn việc chính chưa được nêu ra đó là vấn đề dùng ngân-sách. Chúng ta hỏi rằng có nên dành ưu-tiên cho Trung Tiểu học như vậy chăng ? Hỏi như thế ai cũng sẽ nhận ra rằng ưu tiên phải dành cho Đại-học vì chỉ có Đại-học mới là nơi sáng-kiến phát minh, Cao-đẳng mới hiện-thực tức là kiến-thiết-quốc-gia thực sự, còn Trung Tiểu-học chỉ là sửa soạn. Lo cho Trung Tiểu-học mà bỏ bê Đại-học thì có khác chi trồng cây chăm cho đến lúc nảy nụ rồi bỏ héo khô, không đưa tới chỗ kết quả. Muốn có kết quả thì phải biết lo cho Đại-học. Không phải Trung-học không cần nhưng nếu vì ngân-sách chưa đủ thì tạm đình chỉ vì ở Trung học còn trông vào tư nhân. Ngược lại Đại-học vượt tầm với của tư nhân, nhất là về đảng thành công. Vì muốn mở những trường Cao-đẳng Kỹ - thuật phải có các chương trình 5, 10, 20, 40 năm mới ước đoán

được số kỹ sư cần thiết cho mọi ngành. Điều đó chỉ có chính quyền mới thực hiện được. Thế mà chính quyền không làm tức là bất quốc-gia phải trĩ trệ trong chậm tiến. Một chính-trị tốt thì bao giờ cũng làm cái dân không thể làm, còn dành lại cho dân cái dân làm được. Trong trường hợp ở đây cái dân không làm được là Đại-học, là Cao-đẳng, lẽ ra chính quyền phải dành ưu tiên lo cho bậc này. Thế mà cho tới nay chỉ thấy chính quyền cố sức đua hơi với tư nhân: ngân sách có bao nhiêu cũng dốc hầu như trọn vẹn vào việc xây cất các lớp Trung Tiều-học. Đều cuối năm có dịp khoe khoang thành tích bằng thống-kê số các lớp được xây cất thêm. Ông no truyền cho ông kia vẫn mãi một điệu như nhau cả và như thế là có cả mười mấy năm rồi, không tiến được lấy một bước nhỏ. Trường sở Đại-học Văn-khoa vẫn bệ rạc, thế mà trải qua bao chính quyền không tìm thấy được một người biết đến cái quốc-sĩ để thấy rằng Đại-học Văn-khoa dầu sao cũng là bộ mặt tinh-thần của đất nước, thì dầu túng thiếu tới đâu cũng nên cố giữ lấy cái thể-diện, nhất là đối với một nước đã có tiếng là nhiều ngàn năm văn-hiến, thì tiếc chi dăm ba trăm triệu tu bổ lại để đối cho sạch rách cho thơm! Đây là những điều cần phải làm, vì thế chúng ta không nên ngồi mà chờ ngày có đủ ngân-sách nhưng phải vận động cho chính-quyền dành tức khắc cho Đại-học, nếu không hơn ít ra cũng một nửa ngân-sách, tức là 4 tỉ thay vì nửa tỉ hiện nay. Nếu sợ vì đó mà gây ra nhiều lộn xộn trong sự thay đổi kế-hoạch thì nên thu học - phí trường công để có thể tiếp tục duy trì bộ máy giáo-chức nhà nước ở Trung Tiều-học. Nếu có vì thế mà số học sinh Trung Tiều học bớt đi ít nhiều thì cũng mới là sự thiệt hại cho một số cá nhân, chưa phải là

nguy cấp cho cả nước như sự tiếp tục chính-sách giáo dục hiện hành. Nền giáo dục thực thi cho tới nay, nếu phải nói thẳng ra, chính là nền giáo-dục dẫn quốc dân đến chỗ xuống dốc. Chính quyền gần như dốc trọn vẹn tiền vào việc sản xuất ra Tú-tài rồi bỏ đấy, giờ ông giờ thẳng, vì không nơi học thêm Điều cần lo trước hết trong lúc khó khăn này không phải là làm sao có thêm nhiều cô cậu tú-tài, nhưng là lo cho những cô cậu tú-tài đó trở nên những người tốt nghiệp, có thể giúp vào việc kiến-quốc khi phải đi thuê chuyên-viên ngoại-quốc trong lúc người nhà thất nghiệp ngồi nhìn. Có được học đâu mà chả ngồi nhìn. Một nền giáo-dục có đường hướng phải làm thế nào để các học sinh học xong Trung-học có trường học thêm, và khi tốt-nghiệp có nơi làm việc. Được như thế mới có lối thoát cho bản thân người đi học cũng như đóng góp vào việc kiến-quốc.

Trở lên là mấy điều thuộc về thành-công và những điều này hiển nhiên ai cũng thấy được, vì thế mà chúng ta có quyền băn khoăn tự hỏi sao chính quyền không chịu làm? Tại sao Lưỡng-viện không một ai lên tiếng? Và tại sao chính sinh-viên học-sinh cũng không tranh đấu cho những mục-tiêu chính-đại quang-minh và khẩn-cấp cho thân mình cũng như cho đất nước như vậy?

Chúng ta đã mất quá nhiều năm tháng ngao du hoang phí rồi. Cần phải hành động gấp rút.

oOo

Bây giờ tôi xin đề cập đến thành nhân, cần phải có một đường hướng tức là một cơ-sở tinh-thần cho chương trình giáo-dục, để các cai học khỏi rời rạc tản mát. Đó là điều rất hệ trọng bởi cái học mà tản mát sẽ khiến tâm

hồn người đi học cũng tàn mất và trở nên nông cạn không nơi bám víu rồi không còn lý-tưởng cao thượng : khi học xong nếu không mắc chứng án-loạn tinh-thần thì cũng chỉ trở nên những người ích kỷ chỉ biết lo vợ vét cho đầy túi riêng chứ không còn biết tới nghĩa đồng bào, tiền-đồ tổ quốc là chi nữa. Vì thế đề xứng danh là Bộ Giáo-dục thì cần phải đưa ra một đường-hướng cho giáo - dục, một chủ đạo. Thiếu nó, Bộ Giáo-dục trở thành bộ học-thức với mục-tiêu duy nhất là ban phát cho người đi học một số tri-thức nào bất kỳ. Vậy tại sao cho tới nay tất cả mọi chương trình giáo - dục đều chỉ, có một chiều? Thưa vì trước hết người ta yên trí là đã có hai chiều, vì ai cũng cho là đã có đức-dục là chiều thứ hai đối với chiều thứ nhất là trí-dục. Nhưng trong thực chất thì đức-dục là gì nếu không là luân-lý, văn-chương, là tôn-giáo... Nhưng bấy nhiêu có phải là đức-dục chăng? Vì luân-lý cũng như cả môn công-dân giáo-dục chỉ đưa ra những công-thức ước-định cần thiết cho đời sống bên ngoài với những lời khuyên thiện. Nhưng đó không phải là đức-dục vì đức-dục chân thực phải là khoa khai-thác được nguồn linh-lực tự trong con người luôn luôn vọt lên. Muốn thế nó phải đi theo tâm - linh hay là toàn - thể, vì chỉ có toàn - thể mới có sống mà có sống thì mới tự-động, tự bơm linh-lực cho người học,

làm cho người học trở nên hăng say thành khẩn với đức-lý. Cái đó luân-lý có làm được đâu, nó cũng chỉ là một tri-thức gởi tới lý-trí với một số câu chuyện thiện gởi tới ý muốn chỉ có giá trị nhứt thời, chưa có chi gởi tới tâm linh thì làm sao huy động nổi con người toàn diện một cách bền bỉ ; cho nên nó phải dùng đến đe dọa, hứa hẹn là dẫu tỏ ra nó còn một chiều y như tri dục tức học-vấn suông. Còn văn-chương văn-học thì chỉ là những môn học thời bình có mục-dịch đẹp-đẽ-hóa cuộc đời, vậy nó phải có cuộc đời đã, mới khả dĩ trang hoàng. Nói một cách khác, sứ mạng văn - chương không phải là đào sâu đến tận nguồn linh-lực mà chỉ là trang sức, nên cũng không là đức-dục theo nghĩa uyên-nguyên. Có chăng chỉ còn tôn giáo, nhưng vì tôn giáo là một niềm tin không thể bó buộc mà phải để tùy ý mọi người. Nhưng chính vì vậy mà có rất nhiều tôn giáo, vì đó mà không thể đưa tôn giáo vào chương-trình giáo-dục. Làm thế sẽ là gieo mầm chia rẽ trong dân nước. Bởi thế cuối cùng phải cần đến triết-lý. Nhưng nói đến triết thì lại vấp vào một bế tắc nan giải, là vì triết học là những cái gì trừu tượng xa thực tế, nên bị coi là xa - xỉ phẩm. Mà quả thực như thế. Lý do sâu xa là vì bên Tây-Âu, triết-học đã được sáng nghĩ ra do những người tự do sống trên đầu trên cổ nô-lệ, mà không biết chi tới những thực tế ăn làm, nên những vấn đề triết-học họ đặt ra toàn nằm chình-ình

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

bên ngoài đời sống. Đây là điều hiện nay họ đã nhận ra và đang tìm cách sửa đổi nhưng chưa có kết quả, vẫn còn trong tình trạng thập-nhi sứ-quân, chỉ có thể học hỏi nghiên cứu chứ không thể đưa vào làm chủ đạo cho nền quốc-học và chính vì đó nên nền giáo-dục của Tây-phương vẫn còn thiếu hồn, thiếu bản-chất, vì nó thiếu yếu tố qui tụ. Bởi vậy nói đến giáo-dục tổng-hợp mà cứ căn cứ trên văn-hóa Tây-Âu thì chỉ là văn-chương nói cho vui chuyện. Thiếu yếu-tố qui-tụ thì chỉ là tổng-cộng chứ làm chi mà dám gọi là tổng-hợp? Và vì thế cuối cùng chúng ta phải kiến-thiết lấy một nền triết-lý mới, dựa trên những nguyên-lý lưỡng-nhất-tính của Việt-Nho, và được triển khai nhờ những yếu-tố của gió bốn phương. Nền triết-tân tạo này phải là một nền triết-lý nhân-sinh nghĩa là phải đáp ứng được những nhu-yếu của con người toàn diện, cả tư nhân cũng như công dân. Cả con người đại-ngã tâm linh u áo, cũng như con người sống trong xã-hội toàn những điều kiện của ăn làm thời tiết với những mối giao liên phiền toái. Ngày nào chúng ta kiến thiết được một nền triết-lý như vậy và ngày nào

được chính quyền chấp nhận vào chương trình giáo-dục, thì tự hôm đó chúng ta sẽ là nước đầu tiên trên thế-giới có một nền giáo dục lưỡng-diện tức cũng là bước tiên quyết cho sự phục-hưng đất nước, một điều kiện bất-khả-vô cho bất cứ một cải cách sâu rộng nào; từ hoạt động chính-trị, kinh-tế cho tới các hoạt động văn-hóa xã-hội. Là vì bất cứ chương-trình nào hay đến mấy mà nếu thiếu người nhiệt thành với ích chung, đem hết tâm hồn vào thực hiện thì cũng chỉ là những dự án suông trên giấy tờ. Vậy hỏi cái gì đào tạo nên những người có tâm hồn quảng đại, bao la đó, nếu không phải là một nền giáo-dục lưỡng-nhất-tính.

Bao giờ chính quyền chấp nhận? Theo quan-niệm truyền-thống "quốc gia hưng vong thất phu hữu trách" thì câu hỏi trên cũng có nghĩa là bao giờ chúng ta làm việc để cho có một nền giáo-dục lưỡng-diện, và vận động cho nền giáo dục đó được thực thi. Như thế thì câu trả lời không ở xa nhưng nằm ngay trong mỗi người chúng ta. Và lúc ấy câu hỏi bao giờ chính quyền làm sẽ trở thành bao giờ chúng ta sẽ làm? Làm cách nào?

KIM ĐỊNH

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

THUỐC BỒ

ACTIVIT

TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔ PHỔI
BỒI BỔ CƠ THỂ

CƠ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN



Nhức đầu

• Nhóng

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCOP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ' LỰC

Số 92 Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỎ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP,

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

*Nhân dịp bang giao Việt Miên
khởi sự nối tiếp, trình bày lại :*

2—(Xin xem B. K. từ số 321)

Việc bang giao giữa Cao-Miên và V. N. nhìn từ phía Cao-Miên (từ ngày tiên khởi đến ngày Pháp đô hộ)

● LÊ-HƯƠNG

viết theo Niên-giám của Hoàng-gia Cao-Miên

Quốc vương Ang Tông lên ngôi lần thứ nhì 1755-1757. Triều đại của Ngài còn thảm hại hơn trước rất nhiều. Những sự xung đột trong Hoàng Cung gia tăng đến mức khủng khiếp chưa bao giờ có từ xưa đến nay.

Hoàng thân Outey cháu nội của Ngài bắt Hoàng thân Ang Hing (1) và người em là Ang Dưng đang tu trong chùa đem đi cắt cổ. Outey lại giết bà vợ của Ang Hing và đứa con lớn, lại ra lệnh bắt hai đứa cháu nội của Quốc vương Thommo Réachéa II nhốt trong cũi sắt. Đứa nhỏ bị giết chết, còn đứa lớn tên Ang Non nhờ một viên quan

cứu thoát trong lúc giải về Oudong rồi cùng chạy trốn ở Xiêm.

Bên này, người Việt-Nam gây rối trong những vùng thuộc miền Nam Cao-Miên, giữa nhánh sông Mékong về phía Tây, vùng Hà-Tiên là Cao nguyên Bac Lim (?). Các tay gián điệp xúi dục đìn chúng ở tỉnh Treang, Banteay Meas, Bati, Prey Krabas nổi loạn. Quốc vương Ang Ton bị áp lực của người Việt phải nhượng tỉnh Phsar Dek (Sadec) vào năm 1757 và hai thị-trấn thuộc tỉnh Long Hor (Vinh-

(1) Người đã ám sát Quốc Vương Thommo Réachéa II trong năm 1717.

Long) và tỉnh Meas Chrouk (Châu Đốc). (1)

Thêm một nỗi khốn khổ nữa, Quốc-vương bị Hoàng thân Outey nổi dậy chống Ngai. Không thể đương đầu, Ngai phải rời Cung Oudong chạy trốn ở Pursat. Khi vừa đến nơi, Ngai thảng hà vì quá đau buồn, hưởng thọ 65 tuổi.

Quốc-vương Outey (đệ nhị) (1758-1775) vừa tức vị đã lập tức nhờ Chúa Nguyễn bảo hộ và đề tỏ lòng biết ơn, Ngai nhượng hẳn hai tỉnh Srok-Trang (Sóc Trăng) và Préah-Trapeang (Trà Vinh). Lúc ấy toàn thể miền Nam Việt-Nam ngày nay bị tách khỏi lãnh thổ Cao-Miên. Quốc-vương là người có nhiều tham vọng và cương quyết.

Bấy giờ ở đất Xiêm có một người lai Trung Hoa tên Tak Sin (2) nổi loạn chiếm thủ đô Ayuthya, hạ sát Vua Xiêm và đoạt ngôi. Tak đóng đô ở Bangkok và từ đó trở thành Thủ đô nước Xiêm đến ngày nay. Ngai buộc Quốc-vương Outey II phải nhìn nhận Ngai và nộp cống lễ như trước. Nhưng Vua Cao-Miên từ chối, cho rằng Ngai không phải là dòng dõi Hoàng tộc Xiêm. Ngai bèn dựng Hoàng thân Ang Non lên làm địch thủ của Quốc-vương Outey II. Năm 1769, Ngai xua quân tấn công Cao-Miên lấy danh nghĩa là đưa Ang Non về nước, nhưng bị đánh lui. Năm sau, 1770, Ngai đưa hai đạo binh, một từ phía Bắc tràn xuống chiếm Angkor, Battambang và Pursat, một do chính Tak Sin và Ang Non đồ bộ ở Hà Tiên đẩy lui cuộc phản kích của Mạc Thiên Tứ tiến đến Phnom Penh sau 6 ngày đường. Thủ đô Oudong bị kẹp giữa như nằm trên đe, Quốc-vương Outey II và Triều thần theo đường thủy tẩu thoát.

Bấy giờ Trương-phúc-Loan, Phụ chính giúp Chúa Nguyễn Định Vương mới được 12 tuổi, đem quân giúp Quốc-vương Outey II. Quân Việt-Nam đánh

bại quân Xiêm buộc chúng rút một

(1) Việt-Nam Sử lược chi: "... Nặc Ông Tha về được mấy tháng lại bị người con thứ hai của Nặc Ông Thâm là Nặc Nguyễn đem quân Tiêm La sang đánh đuổi đi. Nặc Ông Tha chạy sang chết ở Gia-Định. Nặc Nguyễn về làm Vua Chân Lạp thường hay hà hiếp rợ Côn Man. (người Chiêm Thành di cư ở Cao Miên) và lại thông sứ với Chúa Trịnh ở ngoài Bắc đề lập mưu đánh Chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn biết tình ý ấy, đến năm Quý Dậu (1753) sai Nguyễn-Cur-Trinh sang đánh Nặc Nguyễn. Năm Ất Hợi (1755), Nặc Nguyễn thua bỏ thành Nam Vang chạy sang Hà Tiên nhờ Mạc Thiên Tứ. Năm sau (1756) Mạc Thiên Tứ dâng thư về nói rằng Nguyễn xin dâng hai phủ Tầm Bôn và Lôi Lạp đề chuộc tội, và xin cho về nước, Chúa Nguyễn không muốn cho. Bấy giờ Ông Nguyễn Cur Tri h dâng sớ bày tỏ cách khai thác nên dùng kế "tâm thực" nghĩa là nên lấy dần dần như con tằm ăn lá, thì mới cắc chẵn được. Chúa Nguyễn nghe lời ấy bèn nhận hai Phủ và cho Nặc Nguyễn về Chân Lạp. Năm Đinh Sửu (1757) Nặc Nguyễn mất, chú họ là Nặc Nhuận làm giám đốc. Nặc Nhuận còn đang lo đề xin Chúa Nguyễn phong cho làm Vua thì bị người con rể là Nặc Hinh giết đi, rồi cướp lấy ngôi Vua, quan Tổng Suất là Trương phúc Du thừa thế sang đánh. Nặc Hinh thua chạy bị thuộc hạ giết chết, bấy giờ con Nặc Nhuận là Nặc Tôn chạy sang nhờ Mạc Thiên Tứ ở Hà-Tiên. Mạc Thiên Tứ dâng thư về xin lập Nặc-Tôn làm Vua Chân Lạp. Chúa Nguyễn thuận cho sai Thiên Tứ đem Nặc-Tôn về nước. Nặc Tôn dâng Tầm Phong Long đề tạ ơn Chúa Nguyễn. Chúa bèn sai Ông Trương-phúc-Du và Nguyễn-cur-Trinh đem dinh Long Hồ về xứ Tầm Bào, tức là chỗ tỉnh lỵ, tỉnh Vĩnh Long bây giờ, và lại đặt ra ba đạo là Đông Khâu đạo ở Sadec, Tân Châu đạo ở Tiền Giang và Châu Đốc đạo ở Hậu Giang Nặc Tôn lại dâng 5 Phủ là Hương Úc, Cần Bột, Trúc-Sâm, Sài-Mật và Linh Quỳnh đề tạ ơn Mạc Thiên Tứ. Mạc Thiên Tứ đem những đất ấy dâng Chúa Nguyễn (hứa cho thuộc về Trấn Hà Tiên cai quản. Vậy, đất ở 6 tỉnh Nam-Việt bấy giờ là đất của Chân Lạp mà người Việt-Nam khai thác ra.

(2) Theo "Hà Tiên Mạc Thị Sử", Ông Đông Hồ viết: người Trung-Hoa tên Trịnh Yên chiêu mộ hơn vạn quân nổi loạn. Việc chưa thành thì bị bệnh chết, con là Trịnh Tân nổi nghiệp xưng làm Vua Xiêm. Có nơi gọi là Trịnh Quốc Anh. Sự việc xảy vào năm 764.

mặt theo ngã Hà Tiên, một mặt theo ngã Battambang. Hoàng thân Ang Non không theo qua Xiêm, ở lại trong vùng Kampot với 500 binh sĩ Xiêm. Chúa Nguyễn đặt nền bảo hộ ở Cao Miên. Để trả ơn sự can thiệp này thay vì nộp lễ cống như thường lệ, Quốc vương Outey II phải nhận một viên quan Việt-Nam ở tại Triều coi sóc việc trị dân, (1) tên là Lao Hộ.

Nạn ngoại xâm đã dứt, nhưng nội loạn vẫn còn. Hoàng thân Ang Non ở Kampot chiêu mộ dân chúng trong các tỉnh gần đó lập thành đội ngũ. Bấy giờ trong nhiều vùng, các vị Tỉnh Trưởng có tinh thần quốc gia không chịu thuận phục Quốc vương Outey II dưới sự bảo hộ của Việt-Nam và Hoàng thân Ang Non mà họ cho là một kẻ phiến loạn, tay sai của Vua Xiêm. Nạn nghèo đói lan tràn khắp nơi, dân chúng bỏ nhà, bỏ đất đi mất. Ruộng rẫy không người cấy cấy vì nông dân trốn bệt trong rừng để tránh nạn bắt đi làm lính. Trong các tỉnh Pursat và Battambang, chỉ có người già yếu và trẻ con vì lúc rút lui quân Xiêm đã bắt hết đàn ông và đàn bà còn mạnh khỏe. Bệnh dịch tả và đậu mùa lại nổi lên phụ họa thêm.

Năm 1775, trước cảnh tang thương của nước nhà và sự đau khổ của thần dân, Quốc vương Outey II không thể cầm lòng được bèn thoái vị nhường ngôi cho Hoàng thân Ang Non.

Hoàng thân Ang Non tự mình là lễ đáng quang, tức là Quốc vương Ang Non II (đệ nhị) (1775-1779). Trong 4 năm Ngài ở ngôi, nước Cao Miên chìm ngập trong khói lửa và kết thúc bằng một cuộc nổi loạn. Vương quyền thoát khỏi sự đô hộ của người Việt, lại mang

ách thống trị của người Xiêm. Nhà Vua rất ghét người Việt đến nỗi có lần Ngài nghi sẽ tàn sát tất cả Việt Kiều trên đất Miên. Và lại, Ngài không có gì phải sợ nữa vì từ năm 1774 quân Tây Sơn chiếm Huế đuổi Chúa Nguyễn chạy vào miền Nam và bắt giết vào năm 1777. Viên Tổng trấn ở Saigon chạy lên Cao Miên xin tị nạn bị Ngài từ chối. Sau đó, viên Tổng trấn đánh đuổi được Tây Sơn có ý định trả thù kéo binh đến Phnom Penh bị Ngài đẩy lui. Nhân đó, Ngài bèn xua quân chiếm lại hai tỉnh Mỹ Tho và Vinh Long. Nhưng Ngài không thể tiến xa hơn nữa vì trong Triều có cuộc âm mưu hại Ngài do em Ngài là Ang Than và Cựu vương Outey II. Kẻ chủ mưu là viên quan coi về việc chuyên chở tên Srey cùng với Ang Than và Outey bị Ngài bắt xử tử. Bà mẹ của tên Srey tìm cách trả thù nhà Vua. Bà có 4 người con trai đều làm Tỉnh Trưởng bà gọi 3 người giả vờ đem quân theo người Xiêm đánh nước Lào là một quốc gia bạn của Cao Miên từ khi mới dựng nước, để bắt thỉnh linh kéo về tấn công thủ đô.

Quốc vương Ang Non II lại phạm một điều lầm lỗi là giao quyền trưng phạt kẻ phản bội cho người em thứ tư của chúng tên Mu, Tỉnh trưởng tỉnh Treang. (2) Tên này liên kết với ba người anh, thỏa thuận với người Việt-Nam nhờ làm hậu thuẫn, bắt 4 người con của nhà Vua đem giết chết. Quốc vương Ang Non II chạy trốn giữa đồng ruộng với vài người thân tín không khí

(1) « Việt-Nam Sử Lược » ghi: sự can thiệp của Việt-Nam đúng như sử Miên, viên quan ở triều Cao-Miên có lẽ tên Hồ Văn-Lân.

(2) Có thuyết cho là tỉnh Kompong Svay.

giới, không lương thực bị tên Mu bắt đem về Oudong. Tháng tám năm 1779, Mu nhận nước nhà Vua chết dưới cái ao trước cửa Bắc Hoàng thành.

Mu tự phong làm Đại thần đệ nhất phẩm. Ông chọn Hoàng Tử Ang Eng (1779-1796) con Tiên vương Ou'ey I tôn lên ngôi. Bấy giờ Ang Eng mới được 6 tuổi, việc triều chính đều do Ông quyết đoán, hợp với hai viên quan khác tên Bên và Sûr.

Vua Xiêm nhân cơ hội này khởi binh can thiệp, đưa ba đạo quân tiến vào đất Miên. Nhưng năm 1780, Vua Tak Sin nổi điên, Triều thần phải nhốt trong chùa, viên Đại thần người Xiêm tên Sêk đang cầm quân đánh Cao Miên hay tin, hối hả trở về lật đổ và tự xưng làm vua (1).

Ngày 2-4-1782, Tân Vương xử tử Tak Sin và các con. Nước Miên được tạm thời yên ổn.

Tháng 6 năm 1782, hai viên Đại Thần Mu và Sûr nghịch lẫn nhau. Sûr kết liên với viên quan tên Bên vừa ở Xiêm được triệu về, cả hai kéo quân chiếm thủ đô Oudong, bắt Mu chém đầu. Bên làm quan lớn nhất, cầm quyền trong nước Sûr đâm ghen ghét, cầm quân đánh lại bạn. Bên cho người ám sát Sûr chết. Dù Sûr bị hại, nhưng binh sĩ vẫn tấn công Bên khiến Ông phải dặt vị Quốc vương tí hon chạy qua Xiêm lánh thân.

Năm 1794, Bên xin Vua Xiêm (Rama I) phong vương cho Ang Eng và chịu thần phục nước Xiêm để xin được che chở. Đoạn, ông đưa vị Quốc Vương về Oudong bằng một đạo binh người Xiêm do Ông chỉ huy. Bên được Vua Xiêm phong chức Tỉnh Trưởng Battambang và Angkor với điều kiện mình

bạch là mấy tỉnh này thuộc quyền nước Xiêm và nhận lệnh của Vua Xiêm. Quốc Vương Ang Eng bất lực không thể chống báng nổi. Ngoài ra Vua Xiêm còn chiếm luôn vùng Mongkol Borei, Sisophon và Korat (2). Bên còn bắt dân Miên làm phụ dịch cho người Xiêm. Năm 1792, ông đưa qua Xiêm 10.000 dân Miên để đào một con kinh ở Bangkok; những người còn sống sau công tác này ở lại thủ đô Xiêm lập thành một xóm người Miên gọi là "Xóm Mười Ngàn".

Tháng 8 năm 1796, Quốc Vương Ang Eng nhuốm bệnh thặng hà, hưởng thọ 24 tuổi. Người con trưởng là Thái Tử Ang Chan mới lên 4 tuổi đang ở bên Xiêm. Hoàn tộc Cao Miên đã bị tiêu diệt gần hết sạch.

Quốc Vương Ang Chan (1796-1834) được làm lễ đăng quang 10 năm sau khi Tiên vương Ang Eng thặng hà. Trong khoảng thời gian ấy, một viên quan Cao Miên tên Pô: tạm coi việc Triều chính. Nguyên do Vua Xiêm không chấp thuận việc lựa chọn một ông Vua khác để tránh việc rắc rối có thể gây chuyện không hay cho sự bảo hộ của mình, mới giao cho Ông Pô: lãnh trách nhiệm Phụ chính. Pô: quả là một công bộc trung thành của vua Xiêm. Năm 1798, Ông bắt một đạo quân Cao Miên nhập vào đoàn quân Xiêm chống trả cuộc tấn công của người Miến Điện. (3)

(1) Tức là Quốc Vương Rama I (đệ nhất) 1787-1809.

(2) Các Tỉnh này bị Xiêm chiếm đến năm 1907 mới giao hoàn lại Cao Miên.

(3) Trong trận này những tù binh Miên bị giải về Cao Miên được ở vùng Pallin, hiện thời dòng dõi của họ vẫn còn ở đây làm nghề mài đá quý.

Năm 1800, theo lệnh Vua Xiêm, Poc gọi một đạo quân Mên giúp Nguyễn Anh đánh Tây Sơn để chiếm lại thành Huế. Nhiều binh sĩ không chịu giúp một người Việt đánh một người Việt bị Poc ra lệnh xử tử. Thắng trận này, Nguyễn Anh lên ngôi tức là Vua Gia-Long, gọi trả lại Cao Miên hai khẩu súng đồng để cảm ơn.

Năm 1806, Poc từ trần, Ang Chan được 15 tuổi, Vua Xiêm làm lễ đăng quang ở Bangkok tước hiệu là Ang Chan II (đệ nhị) và gả con gái của Ông quan tên Bèn cho Ngài. Nước Việt-Nam nhìn nhận Tân vương khi Cao Miên chịu xưng thần với Triều đình Huế, ba năm cống tiến một lần.

Vừa trở về Cao Miên, Nhà Vua lại tranh chấp với các em của Ngài tên Ang Suguon, Ang Duong và Ang Em mà Vua Xiêm đã phong chức gia trưởng các Hoàng tộc Cao Miên. Ngài bèn nhờ Vua Gia Long và được gọi 500 binh sĩ Việt. Vua Xiêm không muốn một nhà hai chủ xua hai đạo quân một theo ngã Battambang, một theo ngã Kompong Svay và Stung Treng tiến đến thủ đô Oudong. Sau hai trận chiến trên bộ và trên sông, Quốc vương Ang Chan thua chạy xuống Saigon. Hoàng đệ Ang Suguon không dám lên ngôi(1). Ang Duong và Ang Em lập một Chánh phủ lâm thời gồm phân nửa quan lại người Xiêm và phân nửa quan lại người Miên, đoạn cả ba trở qua Xiêm vào tháng 7 năm 1811.

Ngày 14-5-1813. Quốc vương Ang Chan II trở về Oudong với một đạo binh Việt và Miên. (2)

Vua Xiêm chấp thuận việc này bằng cách buộc vua Miêngiao hết cho mình vùng đất giữa dãy núi Dangrek và vùng Prohm

Tep, các tỉnh Mlou Prei và Tonlé Re-pou cùng Stung Treng. Nước Cao Miên không còn biên giới sát đất Lào nữa.

Về phía Việt-Nam, sự phản ứng có vẻ mãnh liệt hơn vì quốc vương Ang

(1) Hoàng đệ Ang Suguon từ trần ở Xiêm vào năm 1813 tại Bangkok.

(2) Việt-Nam Sử Lược ghi: ... « Năm Bính Thìn (1796), Nặc Ông Ân mất, truyền ngôi lại cho con là Nặc Ông Chân. Vua Tiêm La sai Sứ sang phong, như thế là Vua Chân Lạp phải thần phục Vua Tiêm La. Đến năm Đinh Mão (1807) Nặc Ông Chân lại bỏ Tiêm La mà xin về thần phục Vua Việt-Nam ta, theo lệ cống tiến, cứ ba năm một lần. Đồ cống vật là: Voi đực cao 5 thước 2 con, sừng tê giác 2 chiếc, Ngà voi 2 cái, Hột sa nhân 50 cân, Đậu khấu 50 cân, Hoàng lap 50 cân, cánh kiến 50 cân. Sơn đen 20 lo. Nặc Ông Chân có ba người em là Nặc Ông Nguyên, Nặc Ông Lem, Nặc Ông Đôn muốn tranh quyền của anh sang cầu cứu nước Tiêm La. Tiêm La bắt Nặc Ông Chân phải chia đất cho các em. Nặc Ông Chân không chịu, quân Tiêm La bèn sang đánh thành La Bích. Nặc Ông Chân chạy sang Tân Châu, rồi dâng biểu cầu cứu. Quan Tổng Trấn Gia Định thành bấy giờ là Nguyễn Văn Nhân mới đem việc ấy tâu về Triều Đình. Năm Tân Mùi (1811) Vua Thế Tổ (Gia Long) cho Sứ đưa tờ sang trách nước Tiêm La sinh sự. Năm sau Vua Tiêm La sai Sứ sang phúc thư lại rằng: « Việc ấy là muốn giảng hòa cho anh em Nặc Ông Chân chứ không có ý gì cả. Vậy xin đề Việt-Nam xử trí thế nào, Tiêm La cũng xin thuận. » Qua năm Quý Dậu (1813) vua Thế Tổ sai quan Tổng Trấn Gia Định thành là Lê-văn-Duyệt đem hơn 10.000 quân, hội đồng với Sứ nước Tiêm La, đưa Nặc Ông Chân về nước. Nước Tiêm La tuy không dám kháng cự, nhưng vẫn lưu quân ở lại giữ tỉnh Battambang nói rằng để đất ấy phong cho các em Nặc Ông Chân. Lê văn Duyệt mới viết thư sang trách nước Tiêm La về điều ấy, quân Tiêm mới rút về. Lê-văn-Duyệt dâng sớ xin xây thành Nam Vang (Phnom Penh) và thành La-Lem. Khi những thành này xây xong, thì Vua Thế Tổ sai Nguyễn-văn-Thụy đem 1000 quân ở lại bảo hộ nước Chân Lạp. Từ đó quyền bảo hộ Chân Lạp lại về nước ta.

Chan chịu thần phục Xiêm thái quá Vua Gia Long ban cho Viên Tổng Trấn ở Saigon được quyền về quân sự và dân sự trên khắp nước Miên. Nhà vua bắt buộc nhiều ngàn dân Miên làm xâu đào một con kinh dài 53 cây số từ Hậu-Giang đến Vịnh Thái-Lan, tên là Kinh Hà Tiên. Công tác này bắt đầu từ năm 1815 đến 1820 đã làm hao bớt một số người. Nước Việt-Nam cắt hẳn phần đất bờ phía Nam con Kinh coi đó là ranh giới (1).

Năm 1818, một số Việt Kiều bị dân Miên giết trong tỉnh Baphom, các tướng lãnh Việt Nam đóng ở Cao Miên, được sự thỏa thuận của nhà Vua, đến nơi can thiệp để tái lập trật tự.

Năm 1830, một viên quan trong Triều nổi loạn gây thành cuộc can thiệp mới của người Xiêm. Quân đội Cao Miên thất trận. Quốc Vương Ang Chan II rời khỏi lãnh thổ. Hai vị Hoàng đệ Ang Em và Ang Duong vào thủ đô với Tướng Xiêm tên Bedin, rồi thừa thắng kéo đến Châu Đốc. Tại đây, quân Xiêm bị quân Việt Nam đánh tan rã phải rút về nước. Quân Việt Nam đưa nhà Vua trở về Oudong.

Năm 1834, Ngài đau Kết, tháng hạ. Bấy giờ Cao Miên hoàn toàn nhờ Việt-Nam bảo hộ.

Theo lệnh của vua Minh Mạng (1820-1840) hai vị Hoàng đệ Ang Em và Ang Duong không được nối ngôi vì theo người Xiêm, cả đến người con trưởng của nhà Vua quá cố cũng không được chọn vì Hoàng Hậu là con gái của viên quan tên Bên là người thần Xiêm. Vua Việt-Nam cử Công Chúa Ang Mey (1834-1841) là con giòng thứ lên ngôi.

Quyết định này không được thông báo cho Vua Xiêm biết.

Nữ Vương Ang Mey được 20 tuổi, bị các Tướng lãnh Việt-Nam cầm giữ trong Hoàng cung một cách khắc khe khiến Ngài bức tức muốn phát điên. Việc Triều chính đều do các Tướng lãnh và quan lại Việt-Nam điều khiển, thay đổi tất cả hệ thống hành chánh Cao Miên, phong tục, ngôn ngữ và tín ngưỡng của người Miên. Theo lệnh của Vua Minh Mạng, quyền cai trị tối cao thuộc về ba viên quan Việt-Nam dưới sự chỉ huy của một vị Tướng lãnh. Tổng số Tỉnh trong nước là 56, bị giảm xuống còn 33 và mang tên Việt. Ở mỗi tỉnh có một quan Việt bên cạnh vị Tỉnh Trưởng Miên để kiểm soát. Tất cả quan lại Miên phải mặc sắc phục Việt và bới đầu tóc. Quân đội được tổ chức lại thành một toán địa phương quân đặt dưới quyền một vị Tổng Thanh tra Việt-Nam. Nữ vương Ang Mey cũng bị mất vương hiệu, chỉ được gọi là : "*Thủ lãnh đất My-Lâm*". Người Việt dùng chữ Việt trong nền hành chánh, ngược đãi Sư Sãi nào bị tình nghi có tình thần quốc gia, đốn các cỗ thụ linh thiêng, phá chùa, lật đồ tượng Phật.

Năm 1840, Vị Tướng lãnh chỉ huy cuộc bảo hộ muốn loại hẳn ảnh hưởng của các vị Hoàng đệ Ang Em và Ang Duong đang ở Xiêm, mới lập mưu cho người nói riêng với Ang Em nên về Cao Miên để nối ngôi, vì Nữ vương Ang Mey không đủ khả năng trị nước, ngoài ra lại còn vu

(1) Đây là Kinh Vĩnh Tế ở Châu Đốc. Theo sử nước ta thì Vua Cao Miên hợp tác với ta vào công cuộc đào kinh chứ không phải bị bắt buộc.

khống Ang Duong âm mưu hại Ang Em. Hoàng đế Ang Em tin thật, tố cáo với Vua Xiêm rồi trở về nước. Vị Tướng Việt Nam bắt Hoàng đế nhốt trong cái cũi sắt giải về Saigon, đoạn đem thảng về Huế. Tại đây, Hoàng đế từ trần vào năm 1843.

Năm 1841, Vị Tướng này bắt các quan Miên thân Xiêm giải về Huế, và đưa Nữ Vương cùng cô em là Công chúa Ang Pou (đã được đề cử làm Phó Vương) về Saigon. Công Chúa lớn tên Ang Pen cháu ngoại của quan Bên, 32 tuổi nổi tiếng ghét người Việt bị bắt đem về Vinh Long và nhận nước chết vào năm 1842. Từ năm 1841 đến năm 1845, ngôi Vua Cao Miên không có người, nước Cao Miên bị sáp nhập vào Việt-Nam việc Triều chính hoàn toàn do Tướng Trương Minh Giảng quyết đoán.

Tất cả hành động của người Việt-Nam làm phật ý giới Sư Sãi và dân Miên. Năm 1845, toàn dân quá phẫn uất đứng lên chống đối chế độ cai trị mới của Tướng Trương Minh Giảng như kiểm tra dân số, đo đạc đất ruộng. Nhiều cuộc ám sát cá nhân hay tập thể gia tăng trong các giới người Việt. Viên Tỉnh Trưởng Pursat kêu gọi dân chúng yêu cầu người Xiêm giúp đỡ và đưa Hoàng đế Ang Duong về cầm quyền (1845-1839) Vua Xiêm (1) sai viên Tướng già Bodin cầm quân cùng Ang Duong đánh quân Việt-Nam. Nhờ các

phần tử khởi nghĩa dẫn đường, quân Xiêm giải thoát các tỉnh miền Tây, đến Pursat và vào thủ đô Oudong. Hoàng đế Ang Duong tức vị lên ngôi. Bấy giờ quân Việt chiếm các tỉnh miền Đông. Quốc vương Ang Duong nhờ tướng Xiêm bố phòng xung quanh thị trấn Phnom Penh. Quân Việt bèn tấn công chiếm thị trấn, rồi tiến đến Lovei. Nơi đây quân Việt thất trận bị thiệt hại nặng nề. Tháng 12 năm 1845, Quốc vương Ang Duong đề nghị ngưng chiến nhưng viên Tướng Việt-Nam kiên cố từ khước. Quân Việt đánh vào thủ đô Oudong không phá nổi thành. Viên Tướng Việt xin điều đình. Bấy giờ Quốc vương Ang Duong chấp thuận.

Thỏa ước ký kết vào năm 1846, Triều Đình Huế nhìn nhận Quốc vương Ang Duong trị vì Cao Miên, cũng như Vua Xiêm. Các vị Hoàng thân, Công Chúa như Nữ vương Ang Mey, Công Chúa Ang Pou và các vị Hoàng thân, quan lại bị giữ ở Huế và Saigon sẽ được về Cao Miên đổi các tù binh Việt-Nam. Các tỉnh bị Xiêm chiếm từ 50 năm nay thuộc về Xiêm, nước Việt-Nam chiếm hẳn miền Nam và địa danh tỉnh, thành phố theo Miên được thay bằng tiếng Việt. Cây gươm vàng và cây giáo tượng trưng cho Vương quyền Cao Miên bị người Việt lấy được trả lại cho Quốc Vương Ang Duong để trong Hoàng cung ở Oudong.

(1) RAMA III (P'RA-NANG-KLAO) 1824-1851.

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

Bấy giờ Quốc vương Ang Duong mới làm lễ đăng quang trước các Tướng lãnh đại diện Vua Việt-Nam và Vua Xiêm. Sau đó, các tướng lãnh, quan lại và binh sĩ Việt-Nam rút khỏi Cao Miên. (1)

LÊ HƯƠNG

(1) « Việt Nam Sử Lược » ghi: «... Ở nước Chân Lạp thì từ khi quan quân phá được giặc Tiêm rồi. Tướng quân là Trương-minh-Giang và Tham tán là Lê-đại-Cương lập đồn Annam ở gần Nam Vang để bảo hộ Chân Lạp. Cuối năm Giáp Ngọ (1834), Vua nước Chân Lạp là Nặc Ông Chân mất không có con trai, quyền cai trị trong nước về cả mấy người Phiến liêu là bọn Trà - Long và La Kiên. Những người này đều là người Chân Lạp mà lại nhận quan chức Việt-Nam. Đến năm Ất Vỵ (1835) Trương-minh-Giang xin lập người con gái của Nặc Ông Chân tên là Ang Mey lên làm Quận chúa, gọi là Ngọc Vân Công Chúa rồi dời nước Chân Lạp ra làm

Trên Tây Thành chia làm 32 phủ và 2 Huyện. Đặt một Tướng quân, một Tham Tán đại thần, một Đề Đốc, một Hiệu tán và 4 Chánh. Phó Lãnh binh đề coi mọi việc quân dân. Ở các chỗ yếu hại, lại đặt chức Tuyên Phủ, An Phủ để phòng ngự. Năm Canh Tí (1840), nhà Vua sai Lê-văn-Đức làm Khâm sai Đại thần Doãn Uẩn làm phó và cùng với Trương-minh-Giang đề kinh lý mọi việc ở Trấn Tây Thành, khám xét việc buôn bán, đo ruộng đất định thuế đinh, thuế thuyền bè buôn bán dưới sông. Nhưng vì quan lại Việt-Nam ta sang làm nhiều điều trái lẽ, nhiễu nhiễu dân sự, lại bắt Ngọc-Vân Quận Chúa đem về ở Gia-Định, bắt bọn Trà-Long và La-Kiên đày ra Bắc Kỳ, dân Chân Lạp ai cũng oán giận, chỗ nào cũng có giặc giã nổi lên đánh phá. Lại có em Nặc-ông-Chân là Nặc-ông-Đôn khởi nghĩa, có người Tiêm La giúp đỡ, thành ra quan quân đánh mãi không được. Về sau đến khi Vua Thánh Tổ mất rồi, quan quân phải bỏ thành Trấn Tây mà rút về An-Giêng».

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

VỀ LOẠI TRUYỆN DỊ THƯỜNG CỦA TÂY-PHƯƠNG VÀ VIỆT-NAM

● DƯƠNG-DÌNH-KHUE

Thưa quý-vị (1)

Hôm nay chúng tôi được hân hạnh hầu chuyện quý vị về loại truyện dị thường. Đề tài này nêu ra một số vấn đề cần được giải đáp. Chúng tôi sẽ làm nhiệm vụ người đặt vấn đề, và cố nhiên cũng phải đề-nghị giải đáp mà chúng tôi tin, hay tạm tin là đúng. Nhưng xin quý vị nhớ cho rằng đó chỉ là ý kiến chủ quan của chúng tôi, có thể sai nhiều hơn đúng. Chúng tôi rất mong được quý vị sẽ chỉ giáo thêm cho.

Bây giờ chúng tôi xin vào đề. Quý vị hẳn đã biết rằng khi muốn tìm hiểu một đối tượng nào thì ta phải so sánh nó với những sự vật tương tự. Ví dụ muốn hiểu rõ những tính-chất của sắt thì ta phải nhận xét hay thí nghiệm xem nó nặng hay nhẹ hơn, cứng hay mềm hơn, truyền nhiệt điện nhanh hay chậm hơn những kim khí khác như đồng, chì, gang, thép. Đó là phương-pháp so sánh mà người ta đã áp dụng cho nhiều khoa-học, như nhân-chủng-học so sánh, xã-hội-học so-sánh, kinh-tế-học so sánh, v.v.

Đem áp-dụng phương-pháp này vào địa-hạt văn-học, chắc cũng sẽ gặt hái được nhiều kết-quả tốt đẹp. Trước hết về phương diện hình thức, ta nhận thấy ngay rằng bút pháp của Việt-Nam và của Tây phương rất khác nhau, dù đề tài người, tả cảnh, tả tình hay kể truyện. Nhưng việc so sánh bút pháp ra ngoài phạm vi của buổi nói truyện hôm nay, chúng tôi chỉ muốn làm công việc so sánh trên bình diện nội dung mà thôi. Hơn nữa, chúng tôi lại xin giới hạn đề tài trong phạm vi một loại thứ yếu của bộ môn tiểu thuyết, là loại truyện dị thường.

Danh-từ này bao gồm hết thảy những truyện ra ngoài khuôn khổ của cuộc sống bình thường. Trước hết là những truyện trong đó có sự can thiệp của ma quỷ thần tiên. Rồi đến những truyện tuy không viển vông tới một yếu-tố huyền-bí nào, nhưng cũng ly kỳ, bí ảo, gây cho độc-giả một cảm xúc quái dị hoặc khủng

khiếp. Đó là loại truyện dị-thường kiểu cũ. Rồi với những tiến-bộ khoa học hiện-đại, người ta dần dần khám phá ra những bí mật của vũ-trụ, thì một chân trời mới lại mở ra cho sức tưởng

(1) Bài nói chuyện của tác giả tại thính đường trường Quốc gia âm nhạc do Trung tâm Văn-bút VN tổ chức sáng ngày 1/5/1970.

ượng của các nhà viết truyện : đó là loại truyện dị thường kiểu mới được mệnh-danh là truyện khoa-học giả-tưởng.

Xin nói về loại truyện dị-thường kiểu cũ trước. Bên trời Tây, có những truyện của Perrault, Grimm, Hoffmann, Edgar Poe, v.v. ; ở Trung-Đông có *Truyện một nghìn lẻ một đêm* ; ở Việt-Nam ta, không kể những bản dịch truyện Tàu : *Phong-thần, Tây-du, Liêu-trai chí-dị* v.v., còn có *Lĩnh-nam-trích-quái* của Trần-thế-Pháp, *Việt-điện u-minh* tập của Lý-tế-Xuyên, *Truyện-kỳ mạn-lục* của Nguyễn-Tự v.v. Ngoài những tác phẩm đó ra, còn phải kể đến những chuyện cổ-tích mà tất cả chúng ta, trong tuổi thơ ấu, đều đã được ông già bà cả kể cho nghe trong những đêm sáng trăng xay lúa ngoài sân, hoặc trong những đêm đông lạnh lùng, rang ngô bên cạnh đống lửa bập bùng. Và truyện càng quái dị bao nhiêu thì càng thấy thích thú bấy nhiêu.

Nói chung, nội-dung cốt truyện đều na ná giống nhau. Đông và Tây đều có những truyện dị-đoan gần như in hệt (bên Tây có chuyện Vampire, loup-garou, thì bên ta có truyện ma-cà-rông, quỷ-nhập-tràng). Cũng những truyện thần-tiên để giải trí (bên Tây có *Alice au pays des merveilles*, bên Đông có *Hãng-Nga lên nguyệt-điện*). Cũng những truyện khuyến thiện trừng ác (bên Tây có *Con lọ lem*, bên ta có *Tấm-Cám*), v.v.

Ngoài điểm tương đồng đó ra, ta thử đi tìm xem có điểm khác biệt nào không ?

Yếu-tố thứ nhất đã lưu ý chúng tôi

là yếu-tố *khủng-khiếp* làm nòng cốt cho một số lớn truyện dị-thường. Chúng ta đều biết rằng những truyện làm cho độc-giả phải rơi lệ sụt sùi (như *Tuyết-Hồng lệ-sử* khoảng 40 năm về trước) rất ăn khách. Yếu-tố kinh khủng cũng vậy, cũng rất hấp dẫn, miễn là kinh-khủng cho người khác, cho nhân-vật trong truyện hay trên màn ảnh, chứ không phải cho bản thân độc-giả hay khán giả. Hitchcock đã khai thác tâm-lý đó trên màn ảnh một cách triệt để. Và gần đây ông bạn Bàng-bá-Lân cũng đã không ngần ngại dùng ngòi bút thường tả những cảnh êm đềm thơ mộng để buộc độc giả phải khủng khiếp nín thở với hai tập truyện dịch : *Người vợ câm* và *Vực xoáy*.

Về yếu tố khủng khiếp này, chúng tôi thẳng thắn nhận thấy rằng nhà văn Tây-phương đã thành công hơn nhà văn Việt-Nam. Thật vậy, những bộ cổ văn *Truyện-kỳ mạn-lục, Lĩnh-Nam trích-quái, Việt-điện u-minh*, đầy rẫy thần thánh quỷ ma, nhưng người đọc chỉ thấy đó là dị-đoan của con người đứng trước những sức mạnh thiên nhiên mà mình không hiểu nổi, chứ tuyệt nhiên không có gì là khủng khiếp. Truyện *Thần-hồ* của nhà văn Tchya, tuy có gây được một không khí rùng rợn, nhưng là thứ rùng rợn đối với ngoại cảnh, rùng rợn chỉ vì những cảnh tượng ma quái, chứ không phải là thứ rùng rợn nội tâm, rùng rợn vì những tâm sự thầm kín hằm độc của lòng người.

Trái lại, đọc truyện dị thường Tây-phương, đôi khi chúng ta có một cảm giác khó chịu bồn chồn, như bước vào một thế giới bị Ma-vương ngự trị. Mà chỗ khéo là tác giả đã tạo ra không khí khủng khiếp bằng một sự kiện có thể rất tầm thường. Cách đây vài chục

năm, chúng tôi có đọc truyện *Le Horla* (người vô hình) của Maupassant. Đó là câu chuyện, hay nói cho đúng hơn là nhật ký của một anh chàng gần như phát điên (có lẽ chính là tác giả vì Maupassant mắc bệnh thần kinh). Hắn cảm thấy bên cạnh hắn có một kẻ vô hình ám ảnh, theo rồi từng cử chỉ của hắn. Kẻ vô hình đó là ai? Là một hóa - thân của hắn, hay là một nhân vật bí mật ở một hành tinh khác nào đó? Hay có lẽ đó chỉ là một sự tự-kỷ ám-thị của một tâm hồn bệnh hoạn, chứ chẳng có gì bí hiểm cả?

Rồi sau đọc những truyện của Edgar Poe, của Hoffmann, v.v. chúng tôi lại có dịp sống lại cái không khí rờn rợn siêu hình đó. Ví dụ truyện *Trái tim tổ giac* của Edgar Poe, kể chuyện một anh chàng giết ông già ở chung nhà, chỉ vì ông già này có một con mắt giống như mắt kền kền, con mắt xanh lợt bên trên có một cái ve. Hắn tính toán rất cẩn thận để thi hành việc ám sát mà không để lại một chút vết tích nào. Khi cảnh-sát đến điều tra, lúc đầu hắn tỏ ra rất bình tĩnh, nhưng rồi một lúc sau, nghe thấy có tiếng đập, lùng bùng trong tai. Tiếng đập đều đều, nhẹ nhẹ, giống hết tiếng máy chạy của một chiếc đồng hồ bọc kín trong khăn bông. Và hắn tưởng xác chết mà hắn đã giấu kín dưới sàn nhà, quả tim vẫn còn đập, và đập to đến nỗi cảnh-sát không thể nào không nghe thấy. Thật ra thì chính là trái tim hắn đập, và vì tâm hồn bị căng thẳng nên mới tưởng tượng rằng trái tim của xác chết đập. Cốt truyện này cũng tương tự như chủ đề bài thơ *La conscience* của V. Hugo. Cain sau khi giết em, đi tới đâu cũng trông thấy một con mắt khủng khiếp nhìn hắn trừng trừng :

Ayant levé la tête, au fond des cieux funèbres.

IL vit un oeil, tout grand ouvert dans les ténèbres,

Et qui le regardait dans l'ombre fixement.

Thưa quý vị, nếu nhận định của chúng tôi rằng truyện dị thường của Tây phương khủng khiếp hơn truyện dị thường của Việt-Nam là đúng — ít ra cũng đúng đối với một số bạn thích được hồi hộp tới nghẹt thở, phải đi tìm món ăn tinh thần đó ở các truyện dị thường Tây phương, hoặc nguyên văn, hoặc đã dịch sang Việt-ngữ — thì chúng ta có thể đặt vấn đề: Tại sao vậy? Tại sao nhà văn Tây phương lại thành công hơn nhà văn Việt-Nam về phương diện này?

Vấn đề đặt ra đưa tới một vấn đề khái quát hơn: tại sao nhà văn Việt-Nam nói riêng và dân tộc Việt-Nam nói chung ít có khả năng hàm dưỡng và diễn tả những ý nghĩ kinh khủng? Chúng tôi xin đưa ra một giả thuyết để xin chất chính cùng quý vị.

Thứ nhất, ở miền Nam này, ánh nắng chan hòa quanh năm, còn ở miền Bắc, tuy có mùa đông lạnh lẽo ảm đạm, nhưng người Kinh chúng ta đại đa số sống ở khu đồng bằng hiền hòa, do đó tâm hồn dân tộc ta ít có những sợ hãi phát sinh từ bóng tối âm u của núi rừng chập trùng. Yếu tố địa bàn sinh sống không phải là không quan trọng. Quý vị đọc sách Tây phương hẳn đã nhận thấy tâm hồn trong sáng hời hợt của người miền Nam như Tartarin của Daudet, khác xa tâm hồn u ám thâm trầm của người miền Bắc như Hamlet của Shakespeare. Có thể nói rằng Việt-Nam chan hòa ánh sáng gần với xứ Provence hơn là với nước Anh bao phủ sương mù.

Thứ hai, suốt trong quá-trình lịch

sử mấy nghìn năm, dân tộc chúng ta thường bị ngoại nhân đàn áp hơn là có dịp đàn áp các dân tộc khác. Do đó trong cái tiềm-thức chúng ta thừa hưởng được của tổ tiên, ít có mặc cảm tội lỗi, trừ sự-kiện độc nhất là cướp đất Chiêm Thành. Thi sĩ Chế-lan-Viên đã diễn tả mặc-cảm tội-lỗi này trong những vần thơ sau đây :

*Những cảnh ấy trên đường về ra đã gặp,
Tháng ngày qua ám ảnh mãi không thôi.
Và từ đây lòng ta luôn tràn ngập
Nỗi buồn thương nhớ tiếc giống dân Hời.*
(Trên đường về)

Ngoài ra, những khúc Nam-bình Nam-ai miền Trung cũng thể lộ niềm u hoài đó. Nhưng nghĩ cho thật công bình, thì tội lỗi của ông cha ta không có gì là quá đáng. Dân-tộc Việt-Nam sinh sôi nảy nở ở lưu vực Hồng-hà, không có đường Bắc tiến vì phải va chạm với đàn anh khổng lồ Trung-hoa bắt buộc phải tìm sinh lộ ở miền Nam. Đó chỉ là thông lệ « cạnh tranh để sinh tồn », chứ bản tâm ông cha ta, tiềm nhiệm từ bi của đạo Phật và lòng nhân của Khổng-học, không hề lấy sự tàn sát làm vui thú. Trái lại, có những dân tộc, như bên Tây phương, hàng chục thế-kỷ chuyên đi chinh phục hoàn cầu, và đã gây những thảm họa tàn sát ở khắp năm châu. Trong *La légende des siècles* của văn hào V.Hugo mà ban nãy chúng tôi đã trích vài câu, đây rấy những vần thơ diễn tả tâm hồn khủng khiếp của các bạo chúa chém giết dân lành, những mưu mô âm hiểm sâu độc, những ý nghĩ bạo thiên nghịch địa nảy nở như rắn độc trong những bộ óc không còn gì là nhân tính.

Và cuối cùng, một yếu tố thứ ba nữa có lẽ cũng phải nói đến. Đó là khuynh hướng thực tế của dân tộc Việt-Nam.

Chúng ta theo đạo Phật, theo đạo Thiên-Chúa, v.v... nhưng phần nhiều chỉ coi đức Phật hay đức Chúa như là bậc chúng giám hành vi của chúng ta, tuân theo lời dạy bảo của các ngài thì được hưởng phúc, làm điều ác thì sẽ bị tội trong kiếp này hay kiếp khác. Thế thôi, chứ chúng ta rất ít thắc mắc về những câu hỏi siêu-hình lần quát trong đầu óc nhiều dân-tộc khác.

Trước đây chúng tôi có đọc vở kịch *Le Diable et le Bon Dieu* của Jean-Paul Sartre. Những nhân vật trong vở kịch này có những ý nghĩ kỳ quái về điều Thiện và điều Ác mà tâm hồn giản dị của người Việt-Nam chúng ta không những không hiểu nổi, mà nằm mơ cũng không thể nghĩ tới : G.ết người là hành vi thiện chăng ? Hy sinh cho người là có ác ý chăng ? Nói tóm lại do ba yếu-tố trên kết hợp (địa-bản sinh hoạt, mặc cảm tội lỗi và khuynh hướng siêu hình) ta sẽ không lấy gì làm lạ khi thấy truyện dị thường Tây-phương chứa đựng một ám ảnh khủng khiếp mà tâm hồn nhẹ nhàng của dân tộc Việt-Nam không hề vương vấn, hay ít vương vấn.

Thưa quý vị, trên đây chúng tôi đã mạo muội đưa ra một nhận xét, không dám chắc là đúng, vì nhận xét đó chỉ dựa vào một số tác phẩm rất ít, của Tây-phương và của Việt-Nam, mà chúng tôi đã đọc qua. Cũng với dè dặt ấy, chúng tôi lại xin đưa ra một nhận xét khác : là trong những truyện thần tiên của Tây-phương, chúng tôi thấy quan niệm về thần tiên của họ hơi khác quan niệm của chúng ta. Quan niệm của họ chỉ là phản ứng của người bình dân, thấy trước mắt những cảnh bất công xã hội, kẻ tàn bạo được hưởng giàu sang còn người chất phác hiền lành thì bị áp chế khổ sở, do đó, để tự an ủi lấy mình, mới tưởng tượng ra những vị thần tiên

vi hành để cứu dân độ thế, khuyến thiện trừng ác. Tâm lý này dân tộc nào cũng có, và Việt Nam không ra ngoài thông lệ đó. Ví dụ trong một truyện của Perrault, có hai chị em, chị danh ác, em dịu hiền. Bà tiên ban cho mỗi cô một phép lạ: mỗi khi mở miệng, cô em phun ra một bông hoa hay một hạt ngọc, còn cô chị thì phun ra rắn rết. Trong truyện cổ tích Việt-Nam, có một cô đầy tớ nhân từ, được tiên chỉ bảo cho đi tắm trong một giòng suối thì trở nên xinh đẹp lạ thường. Trái lại ông bà chủ độc ác, thấy thế cũng tìm đến giòng suối lạ để tắm thì khắp mình mọc lông lá và biến thành loài khỉ độc.

Nhưng những bậc thần tiên của Tây phương chỉ là một mơ ước ra ngoài phạm vi nhân loại, tuy có can thiệp vào công việc của nhân loại nhưng không phải xuất thân từ nhân loại mà ra. Quan niệm của chúng ta về thần tiên khác hẳn. Chúng tôi xin nói ngay rằng quan niệm này không phải của Việt-Nam, mà là du nhập từ Trung-quốc tới với đạo Lão. Quý vị còn nhớ rằng đạo Lão xuất hiện ở Trung-quốc về cuối đời nhà Chu. Hồi đó chế độ phong-kiến đã đi đến chỗ suy tàn. Quyền hành của thiên-tử không còn được các vua chư hầu tôn trọng nữa. Do đó, các vị vua chư hầu luôn luôn gây chiến tranh để thôn tính lẫn nhau. Đầu đời nhà Chu có tới 800 nước, đến thời Xuân-Thu chỉ còn lại vài ba chục nước, rồi sau cùng đến thời Chiến-Quốc thì rút lại còn bảy. Dân gian rất điêu đứng khổ sở vì tình trạng chiến tranh liên miên này. Và chính để cứu dân ra khỏi vòng lầm than đó mà cuối đời nhà Chu đã xuất hiện không biết bao nhiêu là học-thuyết, có thể nói rằng tình trạng khốn khổ đã làm cho thời Chu mạt thành thời kỳ hoàng

kim của nền tư tưởng Trung-hoa. Trong số những học thuyết này mầm mống rễ khắp nơi nơi đó, có Khổng-học và Lão học là xuất chúng hơn cả. Khổng giáo thì muốn tái lập trật tự xã hội bằng cách chỉnh đốn cương thường đạo đức: quân thần, phụ tử, phu phụ v.v.. vợ con phải kính thờ người chồng, người cha, đại-phu không được tiếm quyền vua chư hầu, vua chư hầu không được tiếm quyền thiên-tử. Trái lại, Lão học thì nghĩ rằng sở dĩ xã-hội phải lầm than là vì những ràng buộc nhân tạo, con người không còn theo đường lối do Thiên-nhiên đã vạch ra, tức là Đạo. Một khi xóa bỏ những giàng buộc nhân tạo đó rồi, thì con người sẽ tự nhiên được sung sướng, không tham lam đồ kỹ, không áp chế ai nữa và cũng không bị ai áp chế nữa.

Tiểu thay, học-thuyết cao thượng đó sau biến tính thành một bí-thuật để đưa tới trường sinh bất tử, sống trong Tuyệt-đối, trên những hệ-lụy của Không gian và Thời-gian. Và Đạo-giáo sớm được nhiều người hâm mộ, kể cả giới trí thức lẫn bình dân. Nhiều truyện được viết hoặc kể theo quan niệm này. Dưới đây chúng tôi xin phân tích hai truyện đều được chép trong cuốn *Truyện-kỳ mạn-lục* của Nguyễn Tự. Đó là truyện *Tây viên kỳ ngộ* và *Từ Thức nhập thiên thai*. Quý vị chắc đều biết cốt hai truyện đó rồi, bắt tất phải nhắc lại. Truyện *Tây viên kỳ ngộ* ghi cuộc đàn diu của một sinh viên với hai nàng thiếu nữ là cây Liễu và cây Đào kết tinh thành người. Trong truyện này, chúng ta nhận thấy ngay tư tưởng « vạn vật nhất thể » của Lão-học. Nhưng điều làm cho ta phải chú ý là tinh hồn của hoa cỏ lại biến thành mỹ-nhân, mà là mỹ-nhân tình tứ,

Truyện dị thường của Việt-nam ít khi kỳ úng khiếp như truyện dị thường của Ấn-độ chẳng hạn. Ngay những quỷ tinh như cồ-thụ, hồ-ly, khi biến thành người cũng không là những sinh vật bạo tàn hại người, mà chỉ là những sinh vật phóng túng, gần thiên-nhiên hơn con người xã-hội. Chúng chỉ đòi hỏi được hưởng nhật quang ấm áp, và sự ôm ấp vuốt ve của loài người (cũng là một cách truyền sinh khí cho chúng). Nói tóm lại những tinh hồn cây cỏ súc vật đó tiêu biểu cho sự phản kháng vô tình nhưng rất mãnh liệt của bản năng sinh tồn của nhân loại chống với kỷ luật khe khắt của đời sống lễ giáo.

Đó là chủ ý của truyện *Tây-viên kỳ-nghệ*. Đến truyện *Từ-Thức* thì ta lại tiến lên một trình độ cao hơn. Con người, kiếp phù-sinh bị trói buộc vào mảnh đất nhỏ bé, muốn thoát ly khỏi những khuôn khổ thời gian và không gian, nên đã mơ tưởng đến những bậc siêu-phàm có những khả năng đó, tức là tiên. Tiên là gì? Trong quan-niệm của Đạo-giáo, tiên là người đã được trường sinh bất tử sau khi đã khám phá được những bí mật của vũ-trụ. Và nhất là người đạo-đức, hoàn toàn đứng vững trước bả phú quý làm cho con người ham muốn và điều đứng đề cướp cho được. *Tiên chỉ là một lớp nhân loại cao siêu, học thức hơn và đạo đức hơn người thường mà thôi.*

Trong truyện *Từ-Thức*, Ngụy phu-nhân là bà tiên đã đạt tới trình độ hoàn toàn. Bà không còn vướng vẩn một chút tình tục lụy nào. Con gái bà, nàng Giáng-Hương, thì chưa hoàn toàn bằng; nàng còn thích ngắm hoa ở dưới trần thế, và vì khuyết điểm đó nàng bị trừng phạt bằng cách kết hôn với một người

phàm tục. Luật Tạo-hóa nhiệm mầu như vậy: hành vi nào, và ngay cả ý nghĩ nào, dù chưa được hoàn thành bằng hành động, cũng sẽ mang lại một hậu quả. Ngắm hoa dưới trần thế là một khuyết điểm, một tội lỗi mà nàng Giáng-Hương phải trả bằng một trừng phạt nhất thời, tức là đèo bồng ân ái, với tất cả những khổ đau mà tình trạng đèo bồng này đem lại. Chỉ khi nào nàng đã chịu đủ khổ khổ ê chề thì tội nàng mới được rửa sạch và nàng mới được trở lại tiên bang.

Còn Từ-Thức, vị quan hào hoa, không ngần ngại từ bỏ vinh hoa phú quý, treo ấn từ quan, để hưởng những thú vui tao nhã thiên nhiên của trăng thanh gió mát, thì ti u-biểu cho lý-tưởng đạo giáo nằm trong bụng mỗi nhà nho thời xưa. Triết-lý các cụ nhà nho khi xưa thật là mềm dẻo. Nếu thi đỗ làm quan, thì nhà nho cương quyết theo Khổng-giáo, đem tài sức mình ra phụng sự quân vương và tổ quốc. Trái lại, nếu hỏng thi, hoặc nếu có gia-biến nào làm tổn thương tài sản hoặc tình nghĩa gia-đình, thì nhà nho sẽ tìm an ủi dưới cửa Tam-bảo hay ở một nơi vắng vẻ để tiêu-dao tuế-nguyệt.

Từ-Thức thuộc loại nhà nho này. Tiên sinh xứng đáng được độ thoát lên cõi tiên. Do đó, Ngụy phu-nhân đã ban cho tiên sinh cơ hội nhập Thiên-thai. Nhưng khổ nỗi tiên sinh chưa gột sạch được mọi tục lụy của nhân loại. Trong cảnh bồng lai, tiên sinh còn hoài tưởng đến trần thế. Tình nàng Giáng-Hương cũng không cứu nổi tiên sinh. Và một khi tiên sinh đã có ý nghĩ phàm tục đó, thì luật Tạo-hóa bắt buộc phải vứt tiên sinh trả lại cho trần thế, để mãi mãi tiếc nhớ Thiên-thai đã lỡ để mất.

Thưa quý vị, nếu quý vị ưng cho nhận xét trên của chúng tôi là đúng, thì chúng ta có thể đặt vấn đề tìm hiểu tại sao Việt-Nam lại có quan niệm như thế, về quỷ tinh và thần tiên mà Tây-phương lại không có?

Như chúng tôi đã trình bày ở trên, trước hết có lẽ vì tư tưởng "vạn vật nhất thể" của Đông-phương. Tây-phương không phải là không có tư-tưởng đó, nhưng họ quan niệm theo khía cạnh khoa học. Những thuyết tiến-hóa của Lamarck và Darwin cũng nhận rằng tế bào của loài rêu tới con người cũng chỉ là một mà thôi. Nhưng quan niệm đó thiên về quan-điểm khoa-học cơ-khí, mà không đề cập tới quan-điểm đạo-đức. Họ cho rằng hoa đào, con chồn, đều có những tế bào và cơ cấu như thân thể con người, thế thôi. Người Đông-phương thời xưa thì quan niệm rằng hoa đào, con chồn cũng có linh hồn như con người, hay nói cho rõ hơn, mỗi sinh vật trong vũ-trụ đều có chứa đựng một phần « đạo » bằng bạc trong vũ-trụ. Do đó nếu chúng sống lâu năm, bầm thụ được tinh-hoa của nhật nguyệt lâu ngày, thì sẽ có thể biến-hóa thành mộc tinh, chồn tinh, và đội lột người. Chúng tôi cũng đã nói thêm rằng tư tưởng này có lẽ đã vô tình xuất phát từ kỷ luật quá nghiêm khắc của xã-hội Đông-phương, nhất là trong vấn đề nam nữ giao-tế. Để phản ứng lại cái lễ-giao nghiêm khắc đó, người xưa đã vô tình ký thác bản-năng phóng-úng vào loại mộc tinh, chồn tinh, chúng không tuân theo ước thúc của xã-hội mà chỉ biết hành động theo bản năng sinh tồn của bản thân và bản năng sinh tồn chung loại.

Còn về quan niệm thần tiên của Đông-phương thì phải cắt nghĩa như thế nào? Lão-học thừa đầu chỉ là một học-thuyết chủ trương vô vi. Nếu người ta chỉ theo

bản tính tự nhiên mà ăn ở thì sẽ giải quyết được mọi vấn đề, hay nói cho đúng hơn thì sẽ không còn vấn đề để giải quyết nữa. Ví dụ tại sao có chiến tranh? Chỉ vì người ta đã phân biệt quốc-gia này với quốc-gia kia, phân biệt thiên-tử với chư-hầu, chư-hầu với đại-phu, đại-phu với thứ dân. Nếu mọi chế-độ này được xóa bỏ, thì chiến tranh và nội loạn sẽ hết ý nghĩa và lý do tồn tại. Rồi sau Lão-học thất bại, mới biến đổi thành một đạo giáo bí mật: kẻ sĩ chán nản trước cuộc đời gian trá lọc lừa, bèn tìm cách thoát ly ra ngoài trần thế, tu luyện để được trường sinh bất tử.

Chủ-thuyết yếm-thế không phải là Tây-phương không có. Schopenhauer và Nietzsche đại diện cho học-thuyết này. Nhưng ở đây chúng tôi phải nhắc lại khía cạnh tư-tưởng của người Tây-phương: Muốn thoát ly khỏi khổ ải trần gian, hoặc họ đi đến chỗ tự diệt, hoặc là họ phản ứng bằng cách-mạng hay khoa-học. Phản ứng cách mạng để chống lại bạo chúa, phản ứng khoa học để chinh phục thiên nhiên. Họ không có chọn lựa đạo đức và khoa học. Và khoa học của họ là thứ khoa học thực nghiệm có thể giảng giải được, chứng thực được.

Trái lại, bậc tiên theo quan-niệm Đông-phương là người siêu-phàm, trước hết về phương diện đạo đức, rồi nhờ đạo đức hoàn toàn mới thấu hiểu được cơ cấu của Vũ-trụ. Hiểu như thế nào, theo những định-luật nào? Đó là điều bí mật không thể công bố được. Nghĩa là thủy-chung tư-tưởng Đông-phương cổ vẫn thiên về đạo đức, cho rằng phải đạo đức hoàn toàn, chính tâm thành ý rồi mới trí tri được.

(Còn tiếp 1 kỳ)

DƯƠNG-ĐÌNH-KHUÊ

BNP

A votre service
tous les services de la

banque
nationale
de Paris

Những tục thờ cúng đặc biệt và kỳ lạ CỦA NGƯ - PHỦ LƯỚI ĐĂNG TỈNH KHÁNH-HÒA

L.T.S. — Thiên biên-khảo mang tên trên đây đã được giải nhất về biên-khảo của Trung-tâm Văn-bút Việt-nam trong năm 1969. Tác giả, Ông Lê-Quang-Nghiêm, sanh năm 1925 ở Cao Lãnh (Kiến Phong) là Phó Tổng Thư-ký Liên-hiệp Nghiệp-đoàn Lao-công tỉnh Khánh-Hòa nên có dịp sưu tầm và khảo sát về ngành ngư-nghiệp ở địa-phương và do đó ghi lại được những tục thờ cúng đặc biệt của ngư phủ ở nhiều nơi dọc bờ biển Khánh Hòa.

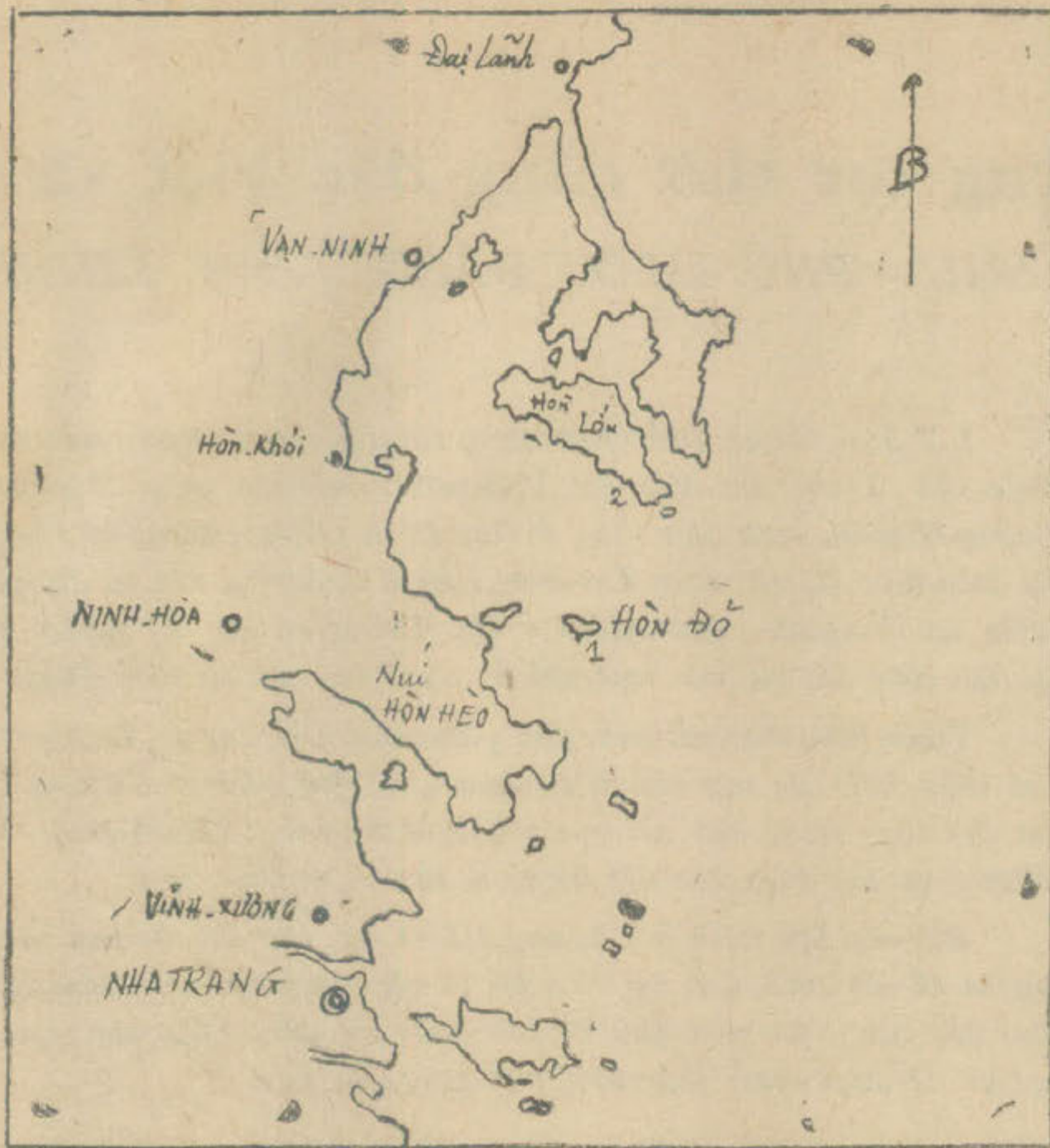
Thiên biên-khảo nói trên gồm 3 chương. Chương I: Tín ngưỡng và tục thờ thần linh của ngư phủ Việt-Nam tại Trung phần; Chương II : Những tục thờ cúng riêng biệt của ngư phủ lưới đăng tỉnh Khánh-Hòa; Chương III: Những tục thờ cúng đặc biệt và kỳ lạ của 10 sở Đầm đăng.

Bài sau đây trích ở Chương III về tục thờ Lỗ Lường và tục thiêu người để cúng thần linh tại Hòn Đỏ là một trong mười sở Đầm đăng. «Những tục thờ cúng của ngư-phủ Khánh-hòa» có thêm phần phụ lục «Nghề lưới quay» sẽ được xuất bản trong một ngày gần đây.

Hòn Đỏ tọa-lạc phía Đông-Bắc bán-đảo Hòn Hèo. Chu-vi đảo rộng chừng 5 cây số vuông. Ở mặt Bắc và Đông, nước sâu, gành đá cao. Tại hướng Đông-Bắc, có một bãi cát nằm dưới hai triền núi. Phía trong bãi có một vũng nước ngọt, là nước mưa và nước mạch từ hai triền núi tụ lại quanh năm. Từ bãi này đi về hướng Đông, leo qua một gộp đá chừng 300 thước, đến một bãi cát nhỏ. Ghe thuyền ít vào bãi này vì lạch nước có nhiều đá rạn cao. Muốn qua mặt sau đảo, người ta theo một con đường mòn trong bãi, băng qua dốc eo núi đến một bãi đá và gành thấp ở hướng Đông-Nam, là nơi đóng lưới đăng, sở Độc-Tân Hòn Đỏ, tục gọi đầm Hòn Đỏ, sở đầm duy nhất của quận Ninh-Hòa. Trên gành, gần gang lưới

đăng, có Hang Lỗ Lường, nơi thờ cúng của ngư-phủ lưới đăng.

Ngó về hướng Nam, cách sở đầm non 1 cây số, thấy Mũi Chằm Vọng. Hầu đóng đẫy đặc dưới chân gành, nổi bật một đường viền trắng trên mặt nước xanh lơ. Phía trong gành Mũi Chằm Vọng là một khoảng đất rộng, với một lỗ đá lớn, từ tháng 8 âm-lịch chứa đầy nước mưa, đến tháng giêng thì khô cạn. Lỗ nước giống hình cái máng nên ngư-phủ gọi là Giếng Máng Mười năm trước có vài gia-đình ngư-phủ lánh nạn chiến-tranh từ Mỹ-Giang đến tạm ngụ tại Khu Giếng-Máng, ở được vài năm rồi phải dời đi vì không đủ nước uống trong những tháng hè.



Bản đồ vị-trí hai sở lưới đăng : 1 : Hòn Đỏ ; 2 : Bãi Dầm

Từ Mũi Chàm Vọng đi về hướng Tây Nam chừng 1 cây số, sẽ gặp một bãi cát rộng lớn, tên Bãi Trường. Tại đây, sở lưới đăng Hòn Đỏ xây cất Miếu thờ Hội-đồng và Miếu thờ Các Bác. Một đường mòn phía sau hai miếu đưa thẳng đến Vại thờ Bà Chúa Đảo trên chóp núi.

Trong tất cả các đảo tại hải phận Khánh Hòa, Hòn Đỏ nổi tiếng là linh thiêng nhất.

Tương-truyền, ngày xưa ngư-phủ thường bị Các Bác phá-phách giữa ban ngày. Buổi trưa lên đảo nấu ăn, vung nồi bị lật ra hoai, cơm không chín được. Nấu cơm xong, dỡ ra thấy nồi không. Có

người bị ma quỷ ném nồi cơm, trách cá xuống biển. Cúng Thần-linh và Các Bác, người ta có lệ để lại một vài phẩm vật. Hôm sau trở lại chỗ cúng, thấy cơm cá không còn, có thể nói là thú vật đã ăn, nhưng trái dứa tươi không bị lật nghiêng, lỗ mắt dứa khoét sẵn vẫn quay lên trên, và không có dấu nước chảy trên đá, thế mà tại sao không còn một giọt nước trong trái dứa ?

Ban đêm, đậu thuyền gần đảo, bị ném đá hoặc nghe tiếng người trên gành quát tháo đuổi đi. Nhắm ngày rằm lớn, ban đêm nghe chiêng trống và tiếng ồn-ào trên chóp đảo. Có đôi khi, trong

đêm tối người ta thấy một làn ánh-sáng từ trên không xẹt đến chớp đảo. Nhiều người thấy ma-quỷ hiện hình trên gheo, sợ đến phát bệnh, hoặc bị ma dấu ba bốn ngày mới tìm ra.

Vì vậy, ngư phủ xem Hòn Đỏ là thế-giới của ma-quỷ. Đến hành nghề trong phạm-vi đảo, họ phải cúng kiến Bà Chúa Đảo, Thần-linh và Các Bác để cầu xin được yên-ôn. Ai nghịch-ngợm, buông lời vô lễ thách đố, xúc-phạm, phá-phách nơi thờ cúng thì không hộc máu chết tươi cũng bị Thần-linh, Các Bác bắt cho đau thập-tử nhưt sanh, hoặc điên-cuồng. Nếu gia-đình họ biết và đến cúng tạ thì mới khỏi được.

Sở dĩ Hòn Đỏ nhiều ma-quỷ và linh-thiên như thế vì xưa kia có rất nhiều người Chiêm-thành, Việt-nam, Trung-hoa bắt-bắc kỳ-tử trên đảo hoặc trôi tấp vào gành, vì bão-tổ, tai-nạn, chinh-chiến, giặc cướp v.v...

oCo

Các ngư-phủ lưới dăng tiền-bối tìm ra sở đầm Hòn Đỏ cách nay đã trên 200 năm. Lúc ban sơ, họ bị điều-đứng rất nhiều vì nạn Các Bác phá-phách. Bị ma dấu, bị « ông bà » bắt đau nặng với những triệu chứng bất-thường kỳ-lạ, hoặc thấy ma-quỷ hiện hình chòng gheo, bạn lưới dăng khiếp đảm quá và rút lui dần.

Có nhiều khi thấy cá đã lọt vô rọ, bỗng nhiên dưới đáy nước hiện ra một vùng đen trong giây phút rồi biến mất, đồng thời số cá đi mất hết không còn con nào mặc dù cửa lưới bưng đã đóng kín.

Tin-tưởng sự linh-thiên của Hòn Đỏ ảnh hưởng đến sinh-mạng và nguồn

sống của nhiều người và nhận thấy nếu tình-trạng này kéo dài thêm nữa, bạn lưới nghỉ việc dần dần, không người thay thế, chủ sở đầm sẽ bị lỗ nặng. Họ không thể dẹp nghề trong lúc giữa mùa đẻ mấy mươi người phải chịu đói khổ, vì những sở đầm khác đều có chủ đang khai-thác, và lưới dăng là nghề nhiều vốn, nên « đâm lao thì phải theo lao », họ nhẫn-nại cúng lễ, cầu đồng cốt và do đó phát sanh thêm hai tục đặc-biệt nhưt :

1/— Thờ cúng *Lỗ Lường*

2/— Thiêu một mạng người cúng dâng hung-thần.

Ngoài ra, họ đã giữ lệ thờ cúng Bà Chúa Đảo từ khi mới đến Hòn Đỏ khai thác đầm-tri.

Bà Chúa Đảo Hòn Đỏ

Tại Bãi Trường ở hướng Tây-Nam đảo Hòn Đỏ, ngư-phủ lưới dăng xây cất một miếu thờ Hội-đồng và một miếu nhỏ thờ Các Bác. Phía sau hai miếu, có con đường mòn theo dốc núi đưa đến Vại thờ Bà Chúa đảo trên chóp cao. Vại thờ chỉ là một tảng đá lớn giống hình chữ nhật, mỗi cạnh dài từ 1 thước 20 đến 1 thước 50. Tảng đá mặt bằng-phẳng nằm giữa một khoảng rộng tại đỉnh núi.

Đây là nơi thờ cúng Bà Chúa đảo, tước hiệu Càn-Long Chúa xứ, nương-nương chi thần.

Theo lời truyền tụng của các bậc lão thành, Bà Chúa đảo Hòn Đỏ linh thiên vô cùng và chức vị của bà cao hơn tất cả các bà Chúa đảo khác trong vùng duyên-hải Miền Nam Trung-phần.

Tương truyền ngày xưa Bà đã vắn cổ một ngư phủ chết tươi vì y bắt kính, đi xây lưng lại phía Vại thờ khi xuống

núi. Từ đó về sau, ngư phủ kính sợ đến nỗi lúc xuống núi sau lễ cúng họ đi thụt lui, luôn luôn hướng mặt về phía Vại thờ.

Phần đông ngư-phủ các ngành cúng Bà Chúa Đảo rất đơn giản : 3 chén cơm 1 đĩa muối mè. Có người cúng gà và chè xôi.

Riêng ngư-phủ lưới đăng giữ việc thờ cúng rất chu đáo và trọng thể :

— lễ cúng có heo quay, hoặc heo trắng với nhiều phẩm vật,

— mỗi năm đều phải thay đổi vật dụng mới như chén, đĩa, đĩa, muỗng, mâm gỗ v.v...

Các bô-lão ở Hòn-Khói, Ngán-Hà, Bá Hà, Thủy-Đầm, Mỹ-Giang thường kể lại, ngày xưa những vật dụng của sở đầm Hòn Đỏ dùng trong lễ cúng Bà Chúa đảo như mâm thau, nồi đồng, chân đèn bằng thau, chén đĩa v.v... để luôn tại Vại thờ mà không ai dám đến lấy trộm.

Trong các năm 1958, 1959, ông Năm Cao, chủ nghề lưới đăng ở ấp Cù lao, xã Vĩnh-Phước, khai thác sở đầm Hòn Đỏ. Theo lời chỉ dẫn của một bạn thân đã từng làm sở đầm này, ông giữ việc cúng kiến Bà Chúa đảo rất chu-đáo và cho đến bây giờ ông vẫn còn tin tưởng Bà Chúa đảo đã hộ-trì cho ông được trúng liên tiếp hai mùa cá.

Thời gian sau này, việc thờ cúng Càn-Long Chúa xứ nương nương chỉ thần tức Bà Chúa đảo Hòn Đỏ không thường xuyên như trước. Ngư-dân các ngành không còn hành nghề đông đảo trong khu vực Hòn Đỏ vì nạn bắn cá bằng cốt mìn tiêu diệt lần mòn cá ở rạn lỗ. Chỉ có ngư phủ lưới đăng hàng năm làm mùa 5, 6 tháng, nhưng

theo quan-niệm của các chủ sở đầm trong khoảng sáu, bảy năm gần đây, họ giảm bớt các lễ cúng và Vại Thờ Bà Chúa đảo dần dần trở nên hoang phế.

Tục thờ cúng Lỗ Lường hay Bà Lường

Chúng tôi nhận thấy có bốn phần phải ghi lại thật rõ-ràng với đầy đủ hình ảnh, để chứng minh về việc thờ cúng Lỗ Lường, một tục thờ cúng với cách-thức "kỳ-cục" đã có lối 200 năm tại Khánh-Hòa mà hiện nay ngư-phủ lưới đăng sở đầm Hòn Đỏ và vài sở đầm khác vẫn còn duy-trì.

Sở lưới đăng Hòn Đỏ đóng tại hướng Đông-Nam đảo. Trên gành, từ chỗ móc gang lưới, men theo triền núi nghiêng chúi xuống biển đi về hướng Tây chừng 80 thước đến một cái hang nhỏ, đó là Hang Lỗ Lường.

Miệng hang rộng trên 3 thước, cao từ 8 tấc đến 1 thước và sâu hơn 1 thước. Phía bên mặt là một tảng đá thật to, vách đứng, với một kẽ nứt rộng chừng 5, 6 phân, từ trên thẳng xuống chân. Kẽ nứt đó bị tảng đá nằm trên miệng hang che khuất phần trên, chỉ còn lại trong hang một đoạn cao chừng 7 tấc. Hai bên kẽ nứt, mặt đá thật bằng-phẳng, có dấu vôi trắng loang-lổ do ngư-phủ phết lên từ lúc đầu mùa cá.

Tảng đá có kẽ nứt nói trên tương-trung Lỗ Lường, hạ bộ của Bà Chúa hang, mà họ gọi là Bà Lường theo lối đặt tên giản-dị của ngư dân.

200 năm qua, sở đầm Hòn Đỏ thờ cúng Bà Lường ngay tại Hang Lỗ Lường. Việc nhang khói được giữ thường xuyên hàng đêm trong suốt mùa cá.

Ngày xưa, nhân lễ cúng Cầu ngư tại Hang Lỗ Lường, có thầy pháp và cốt

đồng, Bà Lường nhập xác đồng, đòi ngư phủ phải làm một «Bộ đồ» cho đủ «nghỉ thức».

«Bộ đồ» là dương-vật bằng gỗ, đẽo gọt rất công-phu, có cái giống như của thật, dài 4 hoặc 5 tấc, to bằng bấp tay, sơn đỏ.

Mỗi năm, họ sơn phết lại, hoặc làm cái mới, và lúc nào tại Hang Lỗ Lường cũng có hai ba «Bộ đồ» để dùng trong việc cúng lễ.

Nói theo từ-ngữ của ngư-dân, những ngày «biền đói», «cá không chạy», tức là không đánh được cá trong nhiều ngày, ông Chèo Dọc, người điều khiển sở lưới đăng, đích thân đến Hang Lỗ Lường van vái cầu xin. Ông lễ 3 lạy rồi cầm «Bộ đồ» chọt vào Lỗ Lường ba cái.

Chắc quý vị ngạc-nhiên và thắc-mắc có lý do nào ở thời-đại nguyên-tử, vệ-tinh, các nước văn-minh đang đưa người lên Cung Trăng mà ngư-phủ Việt-nam còn thờ cúng một cách quái-dị như thế ?

Thật ra, phương-thức thờ cúng này chẳng có gì là quái-dị vì đã có từ lâu đời (sẽ trình-bày ở đoạn sau). Và đây là sự thật 100 phần trăm. Ngư-phủ lưới đăng đầm Hòn Đò ngày nay vẫn duy trì tục thờ cúng Lỗ Lường mà còn vẽ-vời thêm nghỉ-thức, vì lòng tin-tưởng bất-di bất-dịch về sự linh-ứng sau những lễ cầu-ngư.

Tháng giêng âm-lịch, khi mới xuống lưới và ngày mãn mùa cá, sở lưới đăng cúng Bà Lường một con gà. Ngày xưa, họ làm gà quay, cúng xong để nguyên lễ-vật tại Hang Lỗ Lường. Về sau, có người đổi cách, cúng gà luộc (ngày đầu mùa) rồi lấy cặp giò gà để xem quẻ

cho biết mùa cá sẽ trúng hay thất.

Lúc giữa mùa cá năm 1967, thời-tiết đang tốt, bỗng nhiên sở đầm Hòn Đò đánh không được cá liên-tiếp hơn 1 tuần, trong khi đó năng-xuất của các sở đầm khác đều tăng cao.

Ngư-dân thường nói : «*Một ngày làm, một tháng ăn*». Giữa mùa cá, lúc nào cá cũng chạy dầy. «Biền đói» hơn một tuần làm cho nhóm lưới đăng Hòn Đò sốt ruột sốt gan.

Cúng vái cầu xin hai ba lần chưa được kết-quả, họ rước thầy làm lễ cầu đồng tại Hang Lỗ Lường. Bà Lường nhập xác đồng, dạy phải lập Miếu, hoạ chân-dung để thờ, thì Bà sẽ cho đánh được nhiều cá.

Họ tứ: khắc thi-hành và ngay sau khi dựng xong miếu, cá bắt đầu chạy vô đầm, ngày càng nhiều, năng-xuất tăng cao gấp bội, cứu vãn được sự lổ-lã đã thấy trước mắt.

Miếu thờ đóng bằng ván thông, lợp tôn, vuông vức mỗi cạnh 7 tấc, đặt trên gành cách Hang Lộ Lường lối 10 thước.

Chân dung Bà Lường vẽ trên một tấm hàng trắng, là một bà mặc triều-phục ngày xưa, xem rất phúc hậu. Họ vẽ theo lối tưởng-tượng và tự-dộng đặt cho Bà hai tước hiệu : Nương-Nương Chi-Thần và Chúa Xứ Long-Thần.

Trong miếu có bình hương, 2 chân đèn, 1 đèn trứng vịt, 3 cái ly nhỏ và 3 (Bộ đồ) lấy ở hang đem để cạnh bức chân dung Bà Lường.

Miếu thờ đã lập, song ngư phủ vẫn còn giữ việc nhang đèn cúng kiến tại Hang Lỗ Lường,



Hang Lỗ Lường trên gành hướng
Đông-Nam Hòn Đò



3 «Bộ đồ» bằng gỗ sơn đỏ dùng trong việc
thờ cúng Bà Lường

Những ngư phủ lưới dăng lão thành ở miền duyên hải Khánh-hòa và chính những ngư phủ đã và đang khai thác sở đầm Hòn Đò, không ai biết gốc tích của tục thờ cúng Lỗ Lường. Họ duy trì tục thờ cúng quái dị này là ông bà do quan niệm giữ lệ cũ của và lòng tin tưởng Thần linh, Các Bác đã hộ trì họ trong việc làm ăn.

Bà Lường là ai? Tên thật là gì? cũng không ai biết nốt. Có người bảo Bà-Lường là Bà Một Vú, ngày xưa tác-quái tại Đảo Hòn Đò.

Người khác gọi là *Đi Dàng*, một hiện tượng ma quái do sự ếm đối của người Chàm.

Dàng là tiếng Chàm, có nghĩa Ma quỷ Tương-truyền ngày xưa những nhà



Chân dung Bà Lường và một «bộ đồ»
dựng ở bên cạnh

giàu, nhà quyền-quý Chàm có rất nhiều vàng. Họ lấy vàng đúc thành đồ vật như buồng cau, nải chuối, trái dừa, con cóc vv... Khi cần chôn dấu vàng để dành cho con cháu, họ nhờ «Thầy Thiểm» (Pháp-sư) dùng bùa phép ếm, bằng cách đào một huyết thật rộng lớn, để vàng dưới đó rồi cho một thiếu nữ đồng trinh ở luôn dưới huyết với một số lương-thực đủ dùng trong một thời gian ngắn. Thiếu nữ chết, họ moi lấy bộ lòng bỏ đi, cốt ý không cho hưởng được lễ vật cúng kiến mà quên nhiệm vụ. Hồn thiêng cô gái đồng-trinh sẽ giữ số của-cải rất chu-đáo không để lọt vào tay người khác.

Một ông Thầy cúng nghề biển theo phép Thầy Thiểm, hiện cư-ngụ tại Xóm Cồn Nha-Trang Đông, nói rằng người Chàm giải-thích *Đi Dàng* là hạng đàn bà trác-nết, dâm-dăng, chết rồi mà còn đòi

cho được thỏa-mãn sinh-lý.

Giải-thích như thế có đúng không? hay là cốt đánh lạc hướng khi người Việt tò mò tìm hiểu gốc-tích của việc thờ cúng liên-quan đến phong-tục tôn-giáo mà họ muốn dấu?

Như chúng tôi đã trình-bày, từ khi đến lập-nghiệp trên đất Chiêm-Thành, người Việt-nam đã chịu ảnh hưởng nhiều về phong-tục của người Chăm. Sống trong vòng uy-lực của bùa phép, thư ếm linh-ứng, người Việt tự bắt buộc phải theo các tục lệ hoặc phương-thức thờ cúng của người Chiêm-Thành, như tục ký bán một mạng người khi làm sở ruộng Hà-Thây tại Ma-Lâm (Phan-Thiết), Lễ cúng Dàng v.v..

Và tục thờ cúng Lỗ Lường với « bộ đồ » chính là một phương-thức thờ cúng của người Chăm và người Miên theo Đạo Bà-la-môn.

Nước Chiêm-Thành có hai phái Đạo : Bà-la-môn và Hồi-Hồi. Theo đạo Bà-la-môn, ba Đấng Tối-Cao được tôn thờ trên hết là :

1— Thần Brâhma là Đấng Tạo-sinh (Dieu Créateur) tượng trưng Sự Hoạt-động. Thần có 4 mặt, 4 tay cầm 4 quyển kinh Veda, cỡi con Thiên nga. Thần Brâhma có nhiều phép thần-thông và đã truyền kinh Veda cho một vị ần tu người Ấn tên Vyasa, thế-kỷ 13 trước Tây-lịch.

2— Thần Vishnou là Đấng Bảo-tồn (Dieu Conservateur) tượng trưng Lòng Tốt. Vợ là Nữ-thần Laksmi (cũng có tên Cr). Thần Vishnou có 4 tay cầm 4 vật: con ốc (Cankha), chày vồ (Gadâ), bông sen (Padama), vật hình tròn như quả bóng nhỏ (Cakra) và cỡi chim Garuda.

3— Thần Çiva là Đấng Phá-hoại (Dieu Destructeur), tượng trưng sự Đen Tối.

Tương truyền Thần Çiva là 1 vị ần tu trên dãy núi Himalaya, và cũng là Vua của ngành Ca vũ, có rất nhiều vợ. Thần Çiva có 4 tay. Một tay cầm cái trống, 1 tay dắt con nai cái, tay thứ ba ra dấu bố thí, tay thứ tư ra dấu an ủi. Thần cỡi con bò đực, tượng hình người, mặt bò, gọi là Lamov.

Tín đồ Bà-La-môn thờ Thần Çiva bằng cách tạo 1 vật tròn dài bằng đá gọi là Linga, tượng trưng Dương-vật, đặt trên cái bệ lớn bằng đá gọi là Yôni, tượng trưng Âm-hệ.

Trong Cổ tàng-viện Chăm (Musée Châm) hiện nay tại Đà Nẵng có trưng bày một Linga và một Yôni to, là di tích trong một đền thờ của người Chăm ngày xưa.

Tại Vương quốc Cao-Miên, vào đầu thế kỷ thứ 9, Vua Jayavarman đệ-nhi, từ Java trở về, đóng đô tại miền Bắc Biền-hồ (bây giờ là vùng Angkor Đé-Thiên Đé-Thích), có truyền bá một Giáo-phái mới của Đạo Bà-la-môn là Devatâja. Người Cao-Miên thời bấy giờ gọi phái này là Kamraten Jagat Tatâja, có nghĩa là Đạo thờ vị Phât Vua. Theo môn-phái này, nhà Vua lúc sống được kính trọng như vị Tối Linh-Thần, khi băng hà, linh hồn ngự trong một Linga, xem như sự nhập cốt của Thần Çiva. Sau khi một vị Quốc-vương băng hà nhà vua kế-nghiệp rước Linga đã làm sẵn từ trước, đem đặt vào chính-điện một nôi đền bằng đá, do các tu-sĩ Bà-la-môn giữ việc thờ cúng.

Quốc-vương Jayavarman đệ-nhi chọn đỉnh núi Kulêa để đặt Linga đầu tiên của Ngài và quyết-định đóng đô vĩnh-viễn tại

vùng Angkor. Nhưng đến vị vua kế-nghiệp thứ ba là Yacovarman mới thực hiện được ý-định của Ngài. Vị này dựng đền Bayon ngay trung-tâm thành-phố để thờ Vị Phật Vua. Các Quốc-vương khác lần lượt xây Đền, Tháp tại nhiều nơi trong vùng Đất Thiêng, để đặt Linga và làm nơi thờ phượng sau khi băng hà.

Đền Angkor Thom, Angkor Wat (Đế-Thiên, Đế-Thích) với những đền tháp nguy-nga, một kỳ-quan trên hoàn-cầu, là công-trình vĩ-đại của các vị vua theo Phái đạo Devarâja tạo-lập.

Trải qua nhiều cuộc chinh chiến với nước Thái-Lan, những Linga bằng vàng, bạc, ngọc thạch của Cao Miên tại Ankor bị thất lạc hết, chỉ còn lại những Linga bằng đá, không nguyên vẹn, tại các Đền-Đế-Thiên Đế-Thích và vài cái nhỏ bằng thủy tinh hiện lưu tại Bảo-tàng viện Nam-Vang.

Từ khi Cao-Miên tôn Đạo Phật làm Quốc giáo, các vị vua bỏ hẳn việc thờ-cúng của Phái đạo Devarâja.

Những Linga, Yôni bằng đá hiện còn tại Đế-Thiên Đế-Thích là chỉ di tích của một triều-đại, nhưng vẫn được một số dân chúng Cao Miên tôn thờ. Nhiều người lấy nước rưới lên Linga và Yôni, hứng đem về uống để trị bệnh.

Tại Bảo-tàng-viện Saigon hiện nay có trưng bày những Linga và Yôni bằng sa-thạch (đá xanh) của thời tiền Angkor, tên gọi Mukha Linga.

Cái Mukha Linga gốc ở núi Ba-Thê, thuộc địa-phận tỉnh An-Giang, cao 1 thước 24, đường kính 33 phân. Phần trên, từ đầu tròn xuống cách 18 phân 50 có tạc 1 đường viền nổi vòng quanh thân Linga. Trên đường viền có đầu 1 vị thần và 1 đường tạc nổi thẳng lên trên. Thân Linga tròn, nhưng dưới chân

tạc hình bát-giác (tám cạnh), đặt đứng thẳng giữa một cái bệ bằng đá xanh, gọi là Yôni.

Yôni hình vuông-vức, mỗi cạnh 60 phân, cao 10 phân 50. Mặt Yôni có hai phần: một đường viền bề rộng 8 phân 50 bao quanh 4 cạnh. Mặt trong đục thấp hơn đường viền 3 phân 50. Ở giữa có một lỗ 8 cạnh để cắm Linga vào. Bên một cạnh bệ có tạc chia ra một khúc như miệng thớt dưới của cối xay bột. Yôni đặt trên một khối đá vuông vức 60 phân mỗi cạnh, cao lối 50 phân.

MukhaLinga thứ nhì gốc ở Đức-Hòa, địa-phận Chợ Lớn, nhỏ hơn cái trên, bề cao chỉ có 70 phân.

Những MukhaLinga và Yôni hiện để tại Bảo-tàng-viện Saigon có lẽ là di-tích của nước Phù-Nam, một vương-quốc cường-thịnh ở thế-kỷ thứ 5, thứ 6, đóng đô tại Óc-Eo (vùng Châu-Độc An-Giang ngày nay). Sử chép rằng, vua Mahendravarman trị vì vương-quốc Phù-Nam vào thế-kỷ thứ 6, dựng tượng hình (Dương-vật) cung hiến Thần Girisa (Sơn-vương) để làm Lễ Chiến-thắng sau khi chinh-phục được các lân-bang.

Tục thờ «Dương-vật» đã có từ ngàn xưa. Trong thời-đại Thạch-khí, nhiều quốc-gia vùng Đông-Nam-Á tạc tượng đá biểu hiệu Dương vật, tượng-trưng sự truyền-giống, để thờ phượng (theo thuyết Ngọc-quan sinh-tôn)

Từ thế-kỷ thứ 11 đến thế kỷ thứ 10 Tây-lịch, những quốc-gia theo giáo-phái Saivite, dựng đền, tạc hình Dương-vật để thờ. người ta tìm được những bia đá cổ xưa ghi lại việc này (tại Chiêm-Thành, bia đá của thế kỷ thứ 5, tại Java, thế-kỷ thứ 8 v.v...)

(Còn tiếp 1 kỳ)

LÊ - QUANG - NGHIÊM

kỳ tới: Tục thiêu người để tế thần-linh

LIÊN-ANH CÔNG-TY

Q.G.D.B. : 68-848-21-101

Tàu Ferro-ciment

Trụ sở : 176/1 bis đường Gia-Long Saigon

Điện thoại : 22.743

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

Vốn : VN : \$ 10.000.000

Mời mua cổ-phần để tham gia vào thành-phần Hội-viên.

Nhằm tạo cơ-hội thuận-lợi hầu giúp quý vị tham gia khai thác nghiệp vụ về hàng hải :

- Một tàu máy Ferro-ciment tân kỳ bậc nhất chế-tạo đầu tiên tại Việt-Nam dưới sự phối hợp các chuyên - viên kỹ-thuật Singapore...

- Một tàu máy đánh cá bằng Ferro-ciment dài 18m50 rộng 5m80, nổi 3m80. Trọng tải 30 tấn cá được trang bị động cơ thật hoàn hảo, rất thích hợp với nền kỹ nghệ tiến triển nước nhà.

- Nơi tín nhiệm giúp quý vị đạt điều mong ước khả dĩ :

Góp vốn mua cổ phần làm sinh lợi đem lại đảm bảo và gây thêm lợi tức ngân quỹ thật kiến hiệu.

Quý vị mua ngay những cổ-phần là trực tiếp góp vào công cuộc phát triển ngành ngư nghiệp nước nhà.

Mọi chi tiết xin liên lạc đến văn phòng chúng tôi trong những ngày giờ làm việc sẵn sàng giải đáp hầu quý vị.

Giám-đốc Công-ty



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão Sài-gòn :

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
 có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cỡ áo (étiquette)
 màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Con đường cắt đoạn

Trong cuộc đàm thoại với Glaucon, Socrate nói :

— Vậy thì bạn hãy nhớ kỹ rằng có hai bậc thầy về điều chúng ta bàn. Một bậc tri-vi trên loại khả-tri, trên nơi khả-tri. Bậc kia tri-vi trên *horaton*, ta nói điều thấy được, để tránh không nói tri-vi trên *ouranos*, trên trời, là một lối chơi chữ (điều này chỉ hiểu trong nguyên-văn tiếng Hi-lạp).

Bây giờ, giả-sử bạn lấy một đường cắt hai phần thành hai quãng không bằng nhau, rồi theo một tỷ-lệ lại cắt hai quãng ấy, quãng của loại hữu-hình cũng như quãng của loại khả-tri hay hiểu được. Nhờ tương-quan hỗ tương về ánh sáng và bóng tối, bạn sẽ có trong quãng về loại thấy được là khúc đường thứ hai, chúng bản-số, tôi gọi bảo trước hết là những bóng rơi xuống, và sau đó là những hình ảnh chiếu trên mặt nước hay trên mặt tất cả những thể vừa chắc, vừa láng vừa sáng, với tất cả gì có bản-chất như vậy... Đặt quãng kia, những thú vật do kinh-nghiệm ta biết, và tất cả loại gì sinh sản và làm ra được. Bạn có nhận rằng có thể chia điều thấy được về phương diện chân hư không ? Điều đoán với điều biết đối với nhau thế nào, thì điều có vẻ giống đối với điều nó giống tất cũng thế. Bây giờ hãy xét phần khả-tri phải ngắt quãng thế nào. Trong một phần của khả-tri, linh hồn

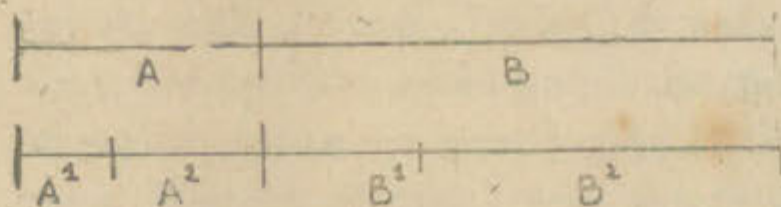
(âm trí) xem những vật được sao lại như là những bản sao, buộc phải đi từ những giả-thuyết trong việc tìm kiếm, hướng về không phải một nguyên-lý, mà về một kết-liệu. Nhưng trái lại, nơi đoạn kia, linh-hồn đi từ giả-thuyết của mình để đến một nguyên-lý không phải giả-thuyết, chẳng cần đến những điều mà chính trong đoạn đầu người ta xem như bản-sao, linh-hồn tiếp tục sự tìm kiếm nhờ những bản-thể chính-yếu (Platon muốn nói những ý-niệm), xét theo chúng, và chuyển động giữa chúng.

Những người nghiên-cứu về hình-học, về tính, về tất cả những gì thuộc phạm-vi đó, một khi đã đặt giả-thuyết có chân và có lẽ, có hình, có ba loại góc, có những điều khác thuộc một loại trong từng môn học, những người ấy hành-động đối với các khái-niệm ấy như thể đối với những vật họ biết. Họ xử dụng chúng như những giả-thuyết. Họ xem không cần làm sáng tỏ lý lẽ, cho chính họ hay cho người khác, như thể những điều đó đã rõ ràng đối với mọi người. Rồi dùng chúng làm khởi-điểm, họ vượt đoạn đường còn lại để đạt đến, trong khi vẫn giữ sự hợp lý đối với mình — đạt đến đề họ đã xét đến từ đầu.. Họ còn dùng những hình thấy được, và trên những hình này họ dựng những lập luận, mà trong trí không có

những hình đó và lại có những hình toàn hảo hơn mà các hình trên chỉ là ảnh-tượng, họ lập luận về hình vuông, đường chéo, mà không phải về hình vuông hay đường chéo họ đã vẽ, và về những hình khác cũng thế. Những hình họ làm hay vẽ, những vật sinh ra bóng hay phản chiếu nơi mặt nước cũng được họ xét đến như những bản-sao khi họ muốn tìm hình tuyệt-đối là những vật không thể nhờ thị-quan mà thấy mà chỉ thấy nhờ tư-tưởng... Như vậy, trong khi tôi cho lối suy-nghi ấy là khả-tri, tôi còn nói muốn tìm tòi, linh-hồn buộc phải dùng giả-thuyết, không đi đến nguyên-lý khi trí-tuệ không thể vượt quá cấp bậc giả-thuyết, và xét những vật như là bản sao, bản sao này lại được điều gì thấp hơn sao lại, những vật tôi nói đó đối với những bản sao được gọi trong lối ngắt quãng của chúng ta, là những sự thật hiền nhiên. Hãy hiểu tôi khi tôi nói về đoạn kia của khả-tri, đoạn mà lập-luận, với đối-thoại, đạt được mà chẳng cần đến những giả-thuyết đặt ra như nguyên-lý mà chỉ như là giả-thuyết, nghĩa là những điểm tựa để tiến tới. Hướng về nguyên-lý phổ-quát để đạt cho được điều phi-giả-thuyết, sự suy-luận khi đạt được nguyên-lý đó, cứ theo dõi điều gì do nguyên-lý tối-thượng đó mà ra, đi ngược lại một kết-liệu, tuyệt-đối chẳng nhờ lệ thuộc cảm giác mà nhờ những bản-chất chính-yếu, đi xuyên qua chúng để đến nơi chúng, và chấm dứt hành-trình nơi những bản-chất chính-yếu ấy... (Platon, *La République* VI, 510, theo bản dịch Léon Robin, Pléiade, Paris, 1950).

Trong những cơn khủng-hoảng hoang mang của tinh thần, Platon vẫn là bậc hướng-dẫn hữu ích. Ý-kiến cũ đã hai mươi thế-kỷ nhưng vẫn còn sắc bén

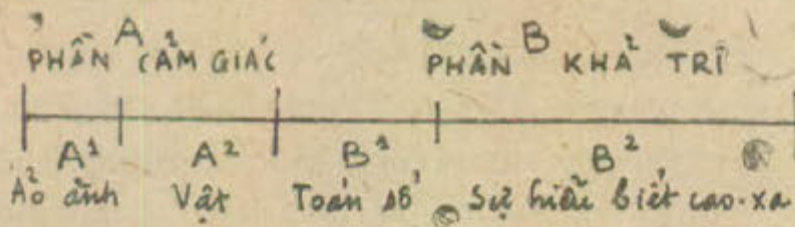
trong sự đố kỵ hiện thời giữa khoa-học và triết-lý, giữa toán-học chính xác và triết lý siêu-hình. Platon đã vạch ra nhiều chân-lý về toán, về khoa-học dưới hình-thức huyền-thoại. Tiếc rằng một số bản dịch tác phẩm Platon thường do những người không biết toán hay không thích toán soạn ra. Người ta hay quên câu của Platon cho khắc trên cổng đi vào Viện Học của mình: «Ai không biết hình-học đừng vào». Huyền-thoại về con đường cắt đoạn trong nhiều bản đã dịch sai hoặc đã bỏ quên đi, và người đọc Platon thường biết đến huyền-thoại cái động nhiều hơn. Như thế đã mất kinh-nghiệm về toán. Toán có thể là nền tảng cho thơ với công-dụng là chuyển tiếng chân-lý. Huyền-thoại về cái Động được phổ-biến rộng rãi vì hấp dẫn hơn, bi-thảm và «văn-hoa» hơn huyền-thoại về Đường cắt đoạn, nhưng không hàm nghĩa-lý sâu xa bằng. Để biểu diễn một cách dễ hiểu hơn, ta có thể vẽ con đường Platon nói trên kia như thế này:



Hai phần A và B được cắt đoạn theo một tỷ-lệ $\frac{A}{B}$ và như vậy A^2 bằng B^2 .

Phần ngắn A của đường trên là phần điều cảm-giác được, B là phần khả-tri, hiểu được. A là điều gì ta có thể thấy, nghe, ngửi, nếm, sợ... nói một cách khác. A là những vật hữu hình, phạm-vi mà nhà khoa học chú-trọng đến, nhưng không hiểu được. Nếu ta tưởng ta hiểu được vật thì ta lầm. Hai phần

A và B của đường trên còn có thể cắt ra từng đoạn ngắn cùng theo một tỷ-lệ, và ta sẽ ghi cho dễ hiểu như thế này :



Khi cơ-quan cảm-giác đưa cho ta những hình - ảnh sai lầm về vật, nhận-thức của ta ở A^1 . Quan-trọng hơn là A^2 gồm những vật thật-sự. Đoạn ngắn B^1 của phần khả-trí là những thể toán, số, đường, hình, v.v. B^1 bằng A^2 . Điều đó nói lên là những toán phát-minh ra có thể phù hợp với thế-giới những vật hữu-hình, nhờ giác-quan cảm-thấy được. Các toán-gia lo công việc làm cho phù-hợp.

Pythagore xưa kia đã cho số chế-ngự thế-gian, và nói thêm số là vật, vật là số, mở cửa cho khoa bói số và những dị-đoạn về số, vẫn còn sống dai. Platon đã nói Thượng-đế là nhà hình-học. Khởi đầu từ thật-tế, toán-học đã tách rời khỏi dữ-kiện duy-nghiệm để đi sâu vào trừu-tượng. Nhưng điều đáng ngạc-nhiên là toán-học hiện-đại cũng giúp cho sự cắt nghĩa được càn-khôn và tỏ rõ hợp với thật-tế. Chính Einstein cũng đã tự hỏi : « Làm sao toán-số, là một sản-phẩm của tư-tưởng con người, không liên-hệ với kinh-nghiệm, lại thích hợp một cách lạ lùng với sự vật của thật-tế ? » Có thể nói lại rằng trong toán vẫn còn căn-bã của kinh-nghiệm khởi-thủy. Căn-bã ấy duy trì những xây dựng tiên-thiên cùng một đường với thật-tế được biết hậu-thiên. Mặt khác, tuy một số toán-gia làm việc trong trừu-tượng, toán-học nói chung được sắp đặt theo lối giải-thích thật-tế. Nếu

dùng một lý lẽ siêu-hình, còn có thể nói : Toán-số, công-trình của lý-trí có thể dùng để giải-thích thế-giới vật-lý vì lý-trí và thế-giới vật-lý cũng là một sự tham-gia vào một Hữu-thể chung. Etienne Gilson, nhà chuyên-môn nghiên-cứu học-thuyết Thomas d'Aquin đã dùng lẽ ấy để đáp lại câu hỏi : Tại-sao thế-giới có thể hiểu-biết được ? Điều Einstein hay Louis de Broglie ngạc nhiên là mọi sự xảy ra như thể thế-giới được tạo nên « theo số, theo trọng-lượng, theo đo lường ». Đó là vấn đề cũ kỹ mà Kinh Sách đã giải-đáp khi cho biết rằng người và thế-gian là công-trình của một Khôn Ngoan duy nhất. Dĩ nhiên, đây không phải là một giải-đáp khoa-học, nhưng sự thắc-mắc hay câu hỏi cũng không khoa-học gì lắm. Với thời-gian, câu đáp không thay đổi bản-chất. Nếu người ta không muốn nghe lời đáp của siêu-hình-học, thì đừng đặt những câu hỏi cho siêu-hình.

Một phần lớn toán-gia, khoa-học-gia chỉ dừng lại nơi điểm cuối của đoạn B^1 trong đường cắt đoạn của Platon. Tiếp theo, hay ở trên B^1 còn có B^2 , một đoạn còn rộng rãi và dài biết bao.

Toán-học là quan-trọng, là chính-yếu, nhưng không thể chỉ học toán vì toán, hay học vì « ích lợi » thiết - thực, hay vì toán chính xác hay toán là sự thật. Toán học phải là một giai đoạn để còn chinh phục sự hiểu biết cao xa hơn nữa. Nếu nhận-thức được vậy sẽ không còn sai lầm về giá trị của khoa học, trong đó có toán học. Sẽ không còn xem khoa-học là thiêng liêng, là thần-tượng nữa. Nếu chấp nhận được điều đó, nhà khoa-học có thể giữ lại đôi chút u-mặc hướng về khoa-học à về chính mình, và tránh được những sự phán quyết lỗ bịch dị kỳ.

Lý-trí khoa-học là trừu-tượng và phổ-quát. Đời người sống là cá-nhân và cụ-thể. Có những gạch nối liền đôi bên, nhưng người khoa-học, và người chống lại khoa-học một cách mù quáng, tạo nên được những lý lẽ, nhưng không đầy đủ và vững chắc để bênh-vực cho một chủ-trương quá khích và hẹp hòi. Toán-gia Pháp, Laplace, một hôm đi xem vở kịch *Phèdre* của Racine, chẳng cảm động chút nào về mối tình ngang-trái và được thăng hóa của nhân vật, chẳng thấy cái hay của những câu thơ thâm-thúy vạch những tầng bậc của tâm-linh lồi cuồn trong đam mê, Laplace chỉ hỏi : « Điều đó chứng-minh cái gì ? » Đối với toán-gia chỉ có một chân-lý. Nhưng người cho câu hỏi của Laplace là phi-lý đầu hầu là hạng người theo « huyền hoặc ». Dù sao, lý-trí cũng chỉ là lý-trí con người và có giới-hạn của nó. Lý-trí càng trừu tượng càng xa lánh con người tuy từ con người lý trí cũng vạch ra được con đường mỗi ngày thêm chói lọi. Ca tụng

hay chỉ trích lý-trí cũng dẫn đến kết quả tai hại. Người hiện sống và người suy nghĩ chỉ là một.

Toán-học là phương tiện tuyệt-diệu để xây dựng một trí óc đúng đắn nhưng toán-học không phải là tất cả văn-hóa con người. Dù theo viễn-ảnh lạc-quan nhất, trong một thời-gian gần hay xa, những toán-gia có thể biểu diễn lối sáng-tác của *Ulysses* hay của *Chinh-phụ-ngâm*, theo những định-lý chặt chẽ thành phương-trình, đẳng thức và bất-đẳng-thức, hàm-số và nguyên-hàm, người đọc bao nhiêu ký-hiệu ấy sẽ có thứ khoái-trí khác với sự rung động thích thú khi người đọc, ví dụ, đoạn cuối của tác-phẩm Joyce, 60 trang chữ không có dấu chấm câu và bắt đầu : phải vì hẳn trước đây chưa bao giờ làm điều như thế... (yes because he never did a thing like that...). hay ví dụ, những câu quen với chúng ta hơn :

*Càng trông lại, mà càng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu....*

CUNG-GIÙ-NGUYỄN

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) - SAIGON

Tél : 93.741 - 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC..

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Chàng

V I Ê T - N A M

Truyện của TRÙNG-DƯƠNG

Lẽ cố nhiên, không hẳn chàng ta, với cái tên là Việt-Nam, lại "tiêu-biểu cho cả đàn ông con trai Việt Nam đâu". Theo chỗ tôi biết, do lời chàng kể lại, thì gia đình chàng có một lối đặt tên hơi lạ : chẳng hạn như ông anh cả của chàng ta là Nguyễn Vinh-Thắng, ông anh thứ của chàng tên Nguyễn Thăng-Việt, để đến chàng con trai thứ ba, bà mẹ chàng đã phát ngán, chẳng buồn hỏi ý kiến của chồng nữa, mà cứ nói với cô y-tá trong nhà bảo sinh : « Thôi, cứ để đại là Nguyễn Việt-Nam đi, cho xong ». Và thế là nghiêm nhiên, chàng có cái tên nghe rất có vẻ ái-quốc : Nguyễn Việt-Nam. Thực ra, bà mẹ của chàng cũng không phải là người đàn bà nặng tình với tổ quốc gì nhiều : bà ta vốn là một phụ nữ đơn giản, chỉ biết có chồng con. Theo ý ông chồng, nên bà cứ việc dùng tên của đứa con trước làm tên đệm cho đứa con sau. Khi tìm một cái tên gọi đi theo sau cái tên đệm là Việt, bà liền tưởng ngay, không một chút do dự, đến chữ Nam. Và chàng trở thành chàng Việt-Nam từ đó. Có lẽ phải nói là trong sâu xa tiềm-thức của bà mẹ, hai-chữ Việt-Nam đã khắc sâu tựa như vào đá ; nên chỉ cần nghĩ đến một chữ, là chữ kia bật ra liền : như thế, cũng có thể nói là lòng ái quốc đã tiềm-ẩn trong tâm trí của bà vậy.

Tôi gặp lại chàng, gặp bất ngờ. (Cái lúc mà tôi muốn gặp chàng — dường như đã có một lúc tôi đi tìm chàng—thì lại không gặp). Tôi nhìn sửng chàng một lúc lâu rồi cười. Chàng vẫn thế, có lẽ hơi đen và răn rỏi ra một chút : đàn ông ở xứ này, nếu không gặp sau một thời gian, là y như rằng khi gặp lại, thấy họ đen đi một chút, răn rỏi ra một chút, biết cười cợt thêm một chút (không hẳn là trước đó họ không biết cười — mà ngược lại, đôi khi, họ cười hơi nhiều là đằng khác : cười ngo ngằn, cười mỉa mai, cười giấu cợt, cười bất cần, cười vì... không thể làm khác. Riêng chàng — tại sao lại chàng ? — là cười hồn nhiên, trung hậu : cái cười của chàng cười mở đến độ ngay như một cô gái nể nể và có tính đa nghi, ảnh-hưởng bởi một nền giáo-dục quá kỹ của một bà mẹ đã một-lần-bị-đời-cho-vắng cũng phải để hé cho chàng một chút hy vọng gọi là làm duyên, để... "dắm" đó.

Tôi nói :

— Trông anh đen ra, răn rỏi hẳn lên. Có chơi môn thể-thao nào hay sát ? Dường như anh vẫn chỉ biết làm thơ với lại viết... diễn-văn thôi kia mà ?

Chàng có vẻ như không nghe câu tôi hỏi. Hai mắt chàng nhìn tôi như muốn bốc lửa. (Tôi không tin là người

tôi vốn bốc lửa, bởi vì đã có hơn một người bảo tôi rằng tôi nhỏ bé, mỏng manh đến độ, có lẽ, tôi nên làm một cái bảng treo ở trước ngực với hai chữ « cần thận, dễ vỡ », hoặc sắm lấy một cái chuông đeo ở cổ như một con mèo con, nếu không có thể bị dẫm bẹp !) và mặt chàng dần ra trông rõ ra là một gã si tình. Nhưng tôi biết chàng quá : si mê đấy, rất lạ, như ngọn lửa rơm, rồi tắt ngúm ngay, nếu lâu không gặp ; và khi gặp lại, nếu đối tượng đừng tàn tạ, thay đổi, hay đẹp ra, thì cái việc chàng dần mặt ra là cái lẽ đương nhiên, không có gì phải thắc mắc cả. Nếu chàng đã cho tôi những giây phút nghĩ rằng trên đời, đối với chàng, chỉ có tôi là đáng kể, thì cũng chính chàng đã cho tôi cái kinh nghiệm nhẹ nhàng, thanh thản, về đàn ông nói chung, và về chàng nói riêng, là tình yêu chỉ là một cái lông hồng còn nhẹ hơn cả gió.

Dù có đen đi, dù có rần rôi thêm lên bởi nắng mưa, song cái sự dần trên khuôn mặt chàng khi chàng có đôi mắt bốc lửa nhường kia vẫn không thay đổi chút nào. Có một lúc, tôi muốn đá vào ống chân chàng một cái, hay nắm tay lại thụi vào bụng chàng một cái, lẽ cố nhiên là nhẹ nhẹ thôi. Nhưng giữa quán nước, với một vị hầu bàn mặc đồ trắng, cái khăn trịnh trọng vắt nơi tay, đang đứng bên cạnh bàn chờ chàng gọi cái uống, mà tôi làm như vậy bất tiện. Vả lại, chàng ngồi đối diện với tôi và lẽ cố nhiên, giữa chúng tôi, còn có cái mặt bàn hơi rộng, dù tôi có muốn thò chân sang đá vào ống chân chàng cũng không tới được nào. Vả lại — lại vả lại — đôi khi, tôi chợt nhớ ra là mình không còn là cô bé nghịch ngợm của ngày nào nữa : tôi đã là mẹ của

một đứa con tít (lẽ cố nhiên, chẳng lẽ mẹ của một người lớn sao, ở tuổi tôi !)

Vị bồi bàn khả kính của một nhà hàng khả kính được thiết lập từ ngày những vùng đông dân-cư nhất của cái thành phố này còn là sinh lầy, cúi xuống đánh thức chàng dậy giùm tôi :

— Thưa ông dùng chi ?

Chàng nói như người bị chứng mộng-du : chân cứ việc đi mà mắt cứ việc nhắm.

— Lát nữa... chờ lát nữa đi !

Mãi một lúc sau khi người bồi đi rồi, chàng mới nói :

— Ah còn nhớ mãi những cái hôn em cho anh. Những cái hôn của em thật đặc biệt.

Tôi lắc đầu, cúi nhìn xuống ly nước đang uống dở. Câu nói của chàng gọi cho tôi nhớ lại cái thuở hồn nhiên, vô tư của mình. Ừ, đạo đó, có lẽ trông tôi nghịch ngợm lắm thì phải. Tôi đã trở về quê hương của cha mẹ tôi — quê hương của tôi nữa chứ — với tất cả cái háo hức của một đứa con đi xa trở về, của một đứa trẻ lần đầu được người lớn cho ra biển. Tôi nhớ rằng mình đã ngơ ngác như thế nào, đừng nói đến cái gì khác vội, chẳng hạn như con người, hãy nói về vấn-đề ngôn-ngữ thôi. Cái thứ tiếng Việt mà cha mẹ tôi đem sang Thái-Lan từ hồi chưa sinh ra tôi, rồi khi có tôi, đã truyền lại cho tôi, so với thứ tiếng Việt mà tôi được nghe lần đầu khi đặt chân đến Saigon, nó lạ hoắc — hay đúng hơn, thứ tiếng Việt của tôi nó lạ hoắc đối với những người Việt xung quanh, nhất là những người trẻ, như chàng. Họ thường cười khi nghe tôi nói tiếng Việt sai hay cồ quá

đối với họ, một cách thật dễ dàng khiến tôi có hơi mắc cỡ. Chàng lại có vẻ khoái nghe tôi nói — hay nhìn tôi nói, hay vì một lý do nào đó, tôi làm sao biết chắc được. Dù sao cái sự có mặt và vẻ sẵn sàng giúp đỡ của chàng đối với tôi trong thời gian đầu đặt chân lên đại-học khiến tôi cảm kích — sao không chứ? Cha tôi có ý muốn gửi tôi sang Pháp học nốt đại-học. Ông bảo về Việt Nam lúc này không lợi vì đang có chiến tranh. Cha tôi là một người buồn bán, thực tế, sống đã lâu ở nước ngoài thành quen đi rồi. Ông có quan-niệm: cái gì chứ chiến-tranh thì nên tránh xa. Tuy nhiên, khi công việc làm ăn đòi ông phải trở về Saigon, thì ông vẫn có thể thay đổi lập-trường dễ dàng. Tôi vẫn muốn về Việt-Nam nên nài cơ không muốn sống xa cha mẹ. Tôi là con một, lại là con gái, nên việc chấp-thuận cho tôi đi theo không khó khăn gì đối với cha tôi cả.

Việt-Nam là người bạn trai đầu tiên của tôi ở Saigon.

— Vô lý nhỉ? Sao tôi lại có diễm-phúc ấy mới được chứ?

Chàng nói có vẻ cảm động lắm lắm. Hay chàng giả bộ làm như vậy, làm sao tôi biết được, ít ra lúc này? ha tôi, thường dặn tôi: « Thanh niên Việt Nam ư? Họ không giống thanh niên Thái đâu. Con phải cẩn thận. Họ khôn ngoan, lém lỉnh và ranh mãnh lắm, nhất là những năm về sau này... » Hồi còn ở Vọng Các, tôi cũng có dịp được tiếp xúc với vài thanh niên Việt-Nam mới qua, hoặc đi chơi hoặc đi công tác; tôi phải nhận là cha tôi nói đúng. Dù vậy, tôi cũng còn cảm thấy một chút hãnh diện

— Sao không? Một lần tôi bảo với cha tôi: « Nếu lấy chồng, con sẽ lấy một người Việt-Nam ». Cha tôi, tuy vậy, là một người phóng khoáng: ông không hề đặt vấn đề là tôi nên lấy người nước nào, miễn là cho ông góp ý kiến chút đỉnh về cái tư cách của người đàn ông mà tôi sẽ chọn làm chồng sau này. Ông hỏi: « Quốc tịch khác nhau, có gì là lạ. Vấn đề là hai bên có yêu thương và hòa hợp được với nhau hay không. Thế thôi ». Lẽ cố nhiên, tôi chẳng bao giờ dẫu ông bắt cứ điều gì. Và lẽ cố nhiên, ông cũng chỉ cho tôi nhiều điều, đến nỗi đôi khi mẹ tôi phải can ngăn dường như có lúc cha tôi quên tôi là con gái. Mãi đến năm tôi mười bảy, ông mới thôi dẫn tôi theo trong các cuộc đi chơi hay hội họp với bạn bè: lý do giản dị, là mẹ tôi tuyên bố lúc đó đến lượt bà. Tóm lại: từ lúc tôi sinh ra đến năm ba tuổi, và từ năm tôi mười bảy tuổi đến nay, là phần của mẹ tôi. Nhưng đôi khi, mẹ tôi cũng phải lắc đầu vì cái tính nghịch ngợm của tôi. Chỉ khi về đến Saigon, trước vẻ ngỡ ngàng của tôi, bà mới bắt đầu thấy khoan khoái chút đỉnh: dường như bà chỉ thực sự tìm thấy con gái mình ở Saigon.

Vậy thì Việt-Nam là người bạn trai đầu tiên của tôi ở Saigon cũng không phải tôi nói ngoa chút nào. Sau cái hôm chàng giúp tôi hoàn tất mở hồ-sơ phức tạp ở trường, tôi mời chàng về nhà chơi. Và cũng do đó mà tôi biết được tại sao chàng có cái tên Việt-Nam. Song về sau này, hiểu chàng hơn, tôi lại nghĩ có thể chàng giễu: chàng vốn cũng thích giễu cợt, dù không thiếu vẻ thành thật khi giễu cợt.

Nam nhắc lại:

— Vô lý nhỉ? Sao ôi lại có cái diêm phước làm người bạn trai đầu tiên của cô ở cái đất Sài-gòn này? Một người con gái phóng khoáng như cô...

— Tôi mới về Sài-gòn từ hơn một tháng nay. Lần đầu tiên thấy Việt-Nam.

— Tôi nhớ ra rồi. Tôi thấy trong lá đơn của cô đề sinh ở Vọng Các. Con gái có khác, đi về Việt-Nam như đi chợ ấy.

Tôi lại nghĩ cha tôi nói đúng thật. Thanh niên Việt-Nam họ có vẻ khôn lanh cách gì đâu ấy. Tuy nhiên, tôi có cảm tưởng ở Nam, cái vẻ khôn lanh ấy vô hại. Huống hồ là chàng lại có giọng nói nghe gọi cảm quá: trầm, ấm và đầy hào khí. Và chàng còn dạy cho tôi nhiều tiếng lóng mà giới trẻ ở đây hay dùng. Chưa kể những mẩu chuyện nho nhỏ, dễ thương mà chàng kể cho tôi nghe; hoặc những vần thơ mới thật gọi hình, gọi cảm do chính chàng viết hay sáng tác. Khi nói, chàng như người sống trong cõi mộng; nhưng khi tỉnh mộng rồi, chàng lại có cái vẻ sáng khoái đến tươi mát, nhẹ nhàng. Chàng còn có giọng cười âm ấm, vang vang như một giòng nước vừa đủ ấm trong một tiết trời vừa phải: thứ nước biển được mặt trời hâm nóng. Nhưng cái lối tấn công ái tình của chàng thường làm tôi khó chịu vì nhiều cái một lúc: vì điều đó đi ngược lại với những điều tôi hình dung và yên chí về chàng một phần vì tôi không quen với lối tấn công đó một phần; và một phần nữa, về sau này tôi mới khám phá ra, là tôi không thích thụ động hoàn toàn: tôi muốn rằng cả tôi cũng phải được dự một phần tấn công chàng nữa: chàng ra tay nhanh quá, lẹ quá.

Và để đáp lại những lời tán tỉnh của

chàng, tôi thường ngồi vẽ nghịch trên giấy trắng, nhưng vẫn để tai nghe chàng nói, trong khi tôi nghĩ: «Trông anh ta chẳng có vẻ gì là đang sống trong một nước có chiến tranh cả. Anh ta đang nói về quan niệm yêu đương, về tuổi trẻ, về thơ phú...» Có một lần, tôi vẽ chàng: một người có mái tóc cắt ngắn ép sát vào da đầu, nhưng không che nổi vầng trán rộng hứa hẹn một tương lai sãi trán, đôi mắt đậm mê (mà tôi dùng bút nguyên tử đỏ vẽ thay vì bút đen như tôi đang dùng), cái mũi thẳng, chiếc miệng rộng với đôi môi vừa phải không dày không mỏng, qua hàm hơi bạnh ra chút đỉnh, đôi tai lờu hơi đỏ (phần này, tôi gạch nhẹ những đường xiên xiên bằng bút nguyên tử đỏ) Mảnh giấy quá nhỏ, tôi chỉ vẽ được có cái mặt của Nam. Nhưng có lẽ tôi cần phải nói thêm chút đỉnh về thân hình của chàng: tầm thước, thẳng và chắc. Có một lúc chàng chợt ngưng nói, nhìn vào bức vẽ phác, hơi bối rối chút đỉnh — cái bối rối của một người bị người khác họa hình mình. Rồi chàng chợt hỏi, giọng hơi giễu cợt:

— Em thấy tôi ra sao? — Nam đột nhiên đổi lối xưng hô và tôi thấy chàng ta có vẻ tự nhiên như đây không phải lần đầu gọi một người bạn gái là «em» — Đôi khi tôi nghĩ là tôi cũng chẳng đến nỗi nào. Phải không?

Tôi đẩy bức vẽ về phía Nam:

— Đó.

— Quả có vậy. Thằng cha trong hình không đến nỗi nào thật. Ông cụ tôi ở nhà hồi trẻ giống hệt như tôi, bây giờ đã ngoài sáu mươi mà còn khỏe mạnh, đẹp lão. Chắc tôi sau này cũng vậy. Tóc bạc phơ, da mặt hồng hào, râu dài và trắng như râu cụ Hồ. Vì vậy, tôi không sợ khi mình về già chút nào.

Tôi ngó chàng. Chàng nói năng tự nhiên, hơi giễu một chút, nhưng đầy tin tưởng, không đến nỗi kịch cớm, đáng ghét. Và tôi nghĩ : đến già chàng cũng vẫn như vậy, nghĩa là vẫn si mê và đề lộ cái sự đàn ra như bao giờ, có lẽ không chượng lắm. Tôi thích chàng. Nhưng tôi nghĩ : Khó có thể lấy chàng làm chồng, dù thích.

— Có phải thanh niên Việt-Nam a cũng như anh không ?

— Hà ? Em muốn nói về già mà vẫn đẹp á ?

Tôi lắc đầu : tốt hơn không nên nói, hăng những ý nghĩ trong đầu cho chàng biết. Tôi không định hỏi chàng như vậy.

— Anh uống nước nhé ? Nhà chỉ có nước lạnh thôi.

Khi tôi đem ly nước lại cho chàng, chàng nhìn tôi thật lâu rồi đột ngột nói :

— Bạn ơi, tôi muốn hôn bạn quá

Tính nghịch ngợm của tôi lại nổi dậy— một phần vì muốn che dấu sự bối rối vì bị tấn công bất ngờ. Tôi đi ra ngoài khoảng vườn nhỏ trước nhà hái vào một bông hoa sứ đem vào đặt kề môi chàng :

— Đó !

Và tôi nghĩ : có phải thanh niên Việt-Nam ai cũng như Nam không ? Chàng ngó tôi, tay vẫn đón lấy bông hoa sứ và áp môi vào vườn mấy cánh hoa :

— O, không đâu. Tôi đâu phải tiêu biểu cho cả đàn ông con trai Việt-Nam, dù tên tôi là Việt-Nam. Cũng như tên em là Thái-Lan, nhưng em có chút xíu gì trong người gọi là tiêu biểu cho xứ Thái không ?

Sau đó vài tháng thì Nam thôi không

đi lại thăm tôi ở đằng nhà nữa. Tôi cũng không biết chàng có tiếp tục đi học nữa hay không vì chính tôi cũng bỏ luôn. Chỉ lúc đó tôi mới bắt đầu cảm thấy một chút nhớ nhung dành cho Nam — hay phải nói rằng khi chàng ngừng tấn công theo kiểu tôi-muốn-hôn-bạn-quá thì tôi mới có thì giờ rảnh rang, thay vì phải đối phó dù bằng sự im lặng, đề nghị tới chàng ?

— À, thì ra vậy ? Có lẽ em cho anh là cái thằng đoảng, phải không ? Còn anh, thì anh lại cứ tưởng rằng anh tấn công vào chỗ không người, hoặc vì em đã có chỗ cảm thuyên, hoặc vì em đã nhất quyết không thèm lấy một thằng con trai nào mang cái quốc tịch Việt-Nam trên người, hưởng hồ là cái thằng mang tới hai lần chữ Việt-Nam trên người, như anh ?

Nam nói một thôi một hồi. Bao giờ chàng cũng nói hơi nhiều với một vẻ giễu cợt, nên quan trọng chẳng bao nhiêu. Hưởng hồ là vốn liếng Việt văn của tôi, từ ngày chàng thôi không “dậy” thêm cho tôi nữa, vẫn chẳng giàu thêm được là bao.

— Này Lan, mới có ba năm mà em ăn uống cái gì trông mập hẳn ra vậy ? Ngược em hồi xưa nhỏ xíu, bây giờ ...

Tôi cũng nhận ra điều đó mỗi lần soi gương. Cũng một phần, ý vào việc có con, nên tôi ăn mặc có phần hơi phóng khoáng chút đỉnh, và tôi thường nghịch, bảo với chính mình : đó là do ảnh hưởng của thời kỳ mang thai luôn luôn cảm thấy nóng nực trong người, mà ra. Dầu sao, có con là một điều đáng nên khoe ra, dù điều đó không ăn nhập bao nhiêu với bộ ngực nở thêm ra hay bị

lép đi (thường thường lép đi). Tôi bảo Nam !

— Em có con rồi. Con trai.

Một sự im lặng bao trùm lấy chúng tôi. Nam ngồi thẳng dậy, lưng tựa ngay vào ghế và hai chân duỗi dài ra. Khi đụng phải chân tôi, chàng bèn nhích qua một bên: mặt bàn chọt rung động vì cái chân của chàng đụng phải. Tôi thích thú vì bây giờ, nếu muốn, tôi có thể dùng chân mình đá trúng ống chân của chàng, lẽ cố nhiên nhẹ nhẹ thôi. Và tôi đã làm như thế.

— Đừng hốt hoảng quá, ông nội.

Nếu "ông nội" kiên nhẫn đi lại thăm nom tôi lâu hơn một chút, và thay đổi chiến lược chiến thuật một chút, liệu tôi có sẽ lấy "ông nội" không nhỉ? tôi hỏi thăm mà không tìm cách phân tích, giải đáp.

Người bồi dường như sốt ruột, hay cảm thấy đã đến lúc làm phận sự khả kính của mình, nên lại trở lại chỗ chúng tôi hỏi chàng uống chi: không bao giờ họ chịu để hai người ngồi trong nhà hàng lại chỉ uống có một ly nước.. Ngay cả đến bồi bếp ở xứ này cũng có vẻ khôn lanh không kém.

— Em ngồi một mình lâu lắm rồi sao?

Chàng vừa nhìn ly nước của tôi đã gần cạn, vừa hỏi. Tôi khẽ gật đầu.

— Ông đâu? Ông quên không tôi?

Tôi lắc đầu. Chàng hỏi một lô những câu hỏi nữa và tôi đáp lại bằng những cái lắc đầu. Tôi muốn chàng chỉ nên hiểu rằng buổi gặp gỡ hôm nay là do một sự tình cờ, đồng thời không muốn xác định bất cứ một thắc mắc nào khác của chàng. Mà xem ra anh chàng vẫn ngu như độ nào khi

còn áp dụng đủ mọi thứ chiến lược chiến thuật để mở một cuộc tấn công ái tình tôi, nghĩa là vẫn cứ dùng lối đánh ào ạt: nói thao thao bất tuyệt, không bao giờ chịu ngừng lại để chỉ cần nhìn sâu vào mắt tôi chút ..

Phải, tôi không đến quán nước này do một sự tình cờ. Tôi cũng không trở về Saigon do một sự tình cờ.

Sau khi sinh bé Ân-Phước ở Vọng-Các tôi đã đi đến một quyết định: vì tương lai của thằng con, tôi sẽ không bước chân trở lại Saigon bao giờ nữa. Tôi là một người đàn bà, đầu sao; và tôi có những lý do của một người mẹ để không trở về cái đất mà mỗi một người đàn ông, mỗi một người con trai chỉ có ý nghĩa là một con số, và tôi cũng không muốn đến một lúc nào đó, khi con tôi đã lớn, người ta đem đến cho tôi một tấm «lắc» có ghi tên tuổi, quân số và loại máu của tên Phạm-Ân-Phước (Ân-Phước là tên do cha tôi đặt cho con tôi. Tôi sẽ nói lý do vì sao).

Cha tôi bảo tôi, khi bồng Ân-Phước còn đỏ hồng trong vòng tay lớn quá khổ của ông so với thân thể của nó: «Thế là ba lời một thằng cháu ngoại trong khi vẫn không mất con vào tay người khác». Và ông cười hà hà, ngheo ngao một cách vụng dại những câu hát ru. Người đàn ông Việt cho tôi Ân-Phước không muốn bị ràng buộc. Thoạt đầu cha tôi tức giận, nhưng rồi khuôn mặt của ông dịu dần và thanh thoát ra. Ông nói: «Cũng phải, phải lắm! Nó còn trẻ ở trong tuổi bị động viên, sống rày chết mai. Con cũng chẳng nên để bị ràng buộc vào nó làm gì. Con đi về ngôi nhà của chúng ta ở Vọng Các với ba, tịnh dưỡng đợi ngày sinh, rồi tiếp tục làm con ba, chẳng hơn không? Vì con đã có ý định lấy chồng Việt-Nam, nên ba không

muốn cầu. Chứ thực tình... hà hà... ba hiểu tình hình lắm chứ!» Và thế là tôi trở lại Vọng-Các, sống như một tín đồ Công - giáo trong thời-kỳ cấm-phòng. Cha tôi có lý; và mẹ tôi, lẽ cố nhiên, về phe cha con tôi, bà cũng có lý. Mọi người cùng có lý.

Tôi tự coi như lần trở lại Saigon kỳ này (lẽ cố nhiên, Âu-Phước ở lại Vọng-Các với cha mẹ tôi), là để được gặp lại Việt-Nam lần cuối cùng.

Tôi vẫn không quên Việt-Nam là người bạn trai đầu tiên của tôi ở Saigon, một người đã mở cho tôi cánh cửa đi vào Việt-Nam, quê hương thứ nhất của tôi, bằng ngôn-ngữ, hình ảnh, những bài thơ, bài ca mà chàng đã thuộc nằm lòng. Vâng, tất cả những cái đó đẹp, đẹp lắm — và càng đẹp hơn khi mình đứng ở một nơi xa vọng tưởng về. Bạn có thể trách tôi, oán giận tôi. Việt-Nam có thể ghét tôi, coi thường tôi. Nhưng tôi là một người đàn bà; và con tôi cần sống cuộc đời của nó, cuộc đời của một đứa trẻ hồn nhiên, vô tư. Vọng-Các chẳng khác Saigon là bao và trong tương-lai, Thái-Lan cũng sẽ trở nên một thứ Việt-Nam bây giờ. Nhưng tôi tin ở con người thực tế của cha tôi: nơi nào có chiến-tranh nơi đó chẳng thể có chúng tôi — cha mẹ tôi và tôi, bây giờ có thêm cả Âu-Phước kháu khỉnh dễ thương của tôi nữa.

Với tôi, chỉ cần gặp Việt-Nam lấy một lần, một lần cuối: không giải-thích không biện bạch. Mặc chàng muốn nghĩ sao về tôi cũng được, muốn xét đoán về tôi thế nào cũng không sao. Tôi chỉ cần nhìn thấy chàng — chàng, người Việt-Nam đầu tiên tôi được làm quen, người Việt - Nam hai-lần-mang-chữ-Việt-Nam-trên-người,

chưa kể những con số, giấy tờ «đem, bán kí được» (như chàng vẫn nói đùa), và định-mệnh nào đó như những vòng vây siết chặt chàng ở bên trong. Tôi muốn được thấy chàng cười, cái nụ cười bất hủ chỉ có ở những kẻ đã lăn lộn với nhiều lần bị phản bội, lường gạt, hứa hẹn xuông với những danh từ tuyệt vời. Tôi đã mê chàng, quả có vậy, không phải chút đỉnh như chàng tưởng và như cái sự chàng mê tôi, nhưng mà nhiều, nhiều lắm. Vì vậy mà, tôi mới đủ can đảm quyết định dứt áo ra đi. Tôi vẫn nghĩ rằng: những gì càng đẹp, càng nên và cần giữ, đừng để cho quá trốn.

Và tôi đã nói với chàng:

— . . . Thôi, em phải về.

Chàng hỏi:

— Về cho con bú hả?

— Nhảm. Về trông cho nó ngủ trưa.

Và tôi nghĩ trong khi vẫn đối đáp với chàng. Lúc này trong căn nhà êm đềm ở một vùng ngoại ô Vọng-Các, con đang làm gì, hả Âu-Phước? Có phải con đang bập bẹ những câu tiếng Việt đầu tiên do bà ngoại mớm cho con không?

Tiếng Việt của bà ngoại có nghèo nàn đi ít nhiều, nhưng mẹ sẽ tiếp tay với bà ngoại. Tựa như những người phụ-nữ Do-Thái vẫn chẳng bao giờ quên bôn phận dạy cho con cái học những điều trong bộ Talmuda của tổ tiên họ, và nói tiếng Hébreu — dù người Việt chưa phải là dân Do-Thái.

Đồng hồ tay tôi chỉ 10 giờ. Hai giờ nữa chuyến máy bay đi Âu-Châu ghé qua Vọng-Các sẽ cất cánh. Chỉ nội trong chiều nay mẹ sẽ có mặt ở bên con, ở Vọng Các.

Việt-Nam phác một cử chỉ bằng tay.

— Thôi bỏ qua chuyện đó đi. Anh cũng hơi điên mà nói nhiều như vậy. Nói nhiều chỉ làm khổ nhau thôi.

Tôi nói theo những cảm nghĩ riêng :

— Và tự làm khổ mình nữa.

— Phải, làm khổ tất cả mọi thứ. Bây giờ anh đang đói lắm. Em đi ăn với anh không ?

— Không được, em phải về. Em đã nói em phải về mấy lần rồi anh biết không...

Hai giờ nữa máy bay sẽ cất cánh mang tôi trở lại Vọng-Các. Giá mấy hôm trước được gặp Việt-Nam ngay...? Hẳn là sẽ có một cuộc phiêu-lưu nhỏ, nhưng đủ cho tôi những mẩu chốt đề tưởng nhớ đến Việt-Nam một cách mãnh liệt hơn. Liệu chàng có sẽ tưởng nhớ đến tôi như vậy ? Nhưng giờ thì đã muộn rồi. Tôi mừng vì gặp lại chàng nhưng tôi nôn nóng trở về với Ân-Phước quá lắm.

Tôi đứng dậy, gài mấy tờ giấy trăm xuống dưới một cái đĩa. Cho em được tiêu nốt mấy tờ giấy bạc Việt-Nam cuối cùng này. Và tôi xách ví đứng dậy. Khu vườn nhỏ sau lưng nhà hàng có những cây bông sứ và hoa rải rác trên lối đi lát gạch bát tràng : Tôi còn nhớ những nụ hôn cho chàng ; những nụ hôn có kẻ đồng lõa là mấy bông hoa sứ. Khi nào Ân-Phước lớn và đủ sức

tự lập, em sẽ trở lại đây để thấy anh trán sồi, tóc bạc trắng, râu dài như râu cụ Hồ, da mặt hồng hào, đôi mắt sáng và thôi bốc lửa. Còn bây giờ, Ân-Phước đang cần đến sự có mặt của em. Giã từ anh yêu, Việt-Nam ơi.

— Nhưng mà Lan, ít nhất anh cũng muốn gặp lại em lần nữa, em ở đâu ?

Tôi thoái thác. Chàng ở lại trong quán. Tôi vẫy một cái tắc-xi vừa chạy tới. Sau khi đã ngồi yên trong xe, tôi nhìn lại cửa quán : không có chàng. Ít ra là như vậy. Một đồng bạc cắc của ai đánh rơi dưới sàn xe. Tôi tần ngần nhặt lên. Cầm đồng tiền kim khí trên tay, tôi nhìn cái mặt người trên đó, và lật bên kia là hình một loài thảo mộc, tôi nghĩ : « Nếu đầu người ngựa thì ta sẽ ở lại Saigon thêm vài ngày, với chàng. Nếu đầu người sắp thì ta sẽ đáp chuyến bay mười-hai giờ, không do dự ». Tung đồng tiền lên, kết quả là ngựa.

Không ! Mình phải về với Ân-Phước, dù sao đi chăng nữa, dù do dự cách nào đi chăng nữa. Cái gì cũng vậy : đừng để cho quá trớn.

Và tôi nói với người tài-xế :

— Cho tôi ra phi-trường...

Tặng tác giả *Nàng Thái-Lan*,

TRUNG DƯƠNG

4.1970

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

Sách TRÌNH BẦY mới phát hành NUÔI THÙ

Truyện của OE KENZABURO — *Bản Việt-văn* : Diễm Châu

- Cuốn tiểu thuyết kỳ lạ nhất của một văn tài đang mỗi lúc một trở nên rực rỡ trong nền văn chương hiện đại của xứ «Mặt trời lặn».
- Cuốn sách trình bày cho chúng ta thấy thái độ minh bạch của tác giả trước những vấn đề như chiến tranh, bộ đội chiếm đóng và quyền sống của con người.

LE CRÉPUSCULE DE LA VIOLENCE

Poemes, nouvelles, témoignages d'une guerre —

Bản Pháp-văn : Nguyễn-ngọc-Lan và Lê-Hào

- CHIỀU TÀN BẠO LỰC, ấn phẩm đầu tiên trong «Tủ sách Ngoại văn» của Nhà Trình-Bầy, xuất bản năm 1966, vừa mới được in lại, gồm thơ, truyện, chứng từ về chiến tranh tại miền Nam Việt-nam của DIỄM CHÂU, DU TỬ LÊ, ĐẶNG THẦN MIỀN, LÊ TẤT HỮU, NGUYỄN QUỐC THÁI, TẠ QUANG TRUNG, THAI LĂNG, THẢO TRƯỜNG, THẾ NGUYÊN, THẾ PHONG.

ĐÂU LÀ CĂN NGUYÊN TƯ TƯỞNG

hay Con đường Triết lý từ Kant đến Heidegger

của LÊ-TÔN-NGHIÊM

- Cuốn sách trình bày một cách tỉ mỉ và theo một phương pháp chính xác nguồn mạch tư tưởng của một triết gia thời danh nhất của thế kỷ 20, nhưng cũng lại là một triết gia khó đọc nhất từ trước tới nay.

MỘT VÒNG HOA CHO NGƯỜI CÁCH MẠNG

Truyện của PETER ABRAHAMS — *Bản Bản Việt-văn của*

Nhóm Nghiên cứu Văn-học Quốc-tế.

- Cuốn tiểu thuyết cách mạng đầy phần nộ của một tác giả Phi châu Da đen nổi tiếng hiện đại.
- Tác phẩm được xây dựng trong khung cảnh quay cuồng, hứng khởi của những cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc Châu Phi, những vấn đề của các quốc gia nhỏ bé sau khi thu hồi được độc lập trước những mưu toan và móng vuốt mới của các đế quốc kinh tế.

Nhà Xuất - bản TRÌNH BẦY
291, Đại lộ Lý-Thái-Tổ — Saigon

SÁCH DO NHÀ AN TIÊM ẤN HÀNH

(trong tháng Ba và Tư năm 1970)

- **HIẾN CHƯƠNG GIÁO DỤC** của Kim Định
- **HOA NẮNG** thơ của Thi Vũ
- **MÙA THU THI CA** của Bùi Giáng
- **HẠNH PHÚC CHÍNH NƠI BẠN** của Marcelle Auclair Ngê-Bá-Lí viết theo

sẽ phát hành trong tháng Năm 1970

- **TÔN GIÁO LÀ GÌ** John Yale
(viết theo lời của Vivekananda)
- **VIỆT LÝ TỔ NGUYÊN** của Kim Định
- **TA ĐỢI EM TỪ BA MƯƠI NĂM** thơ của Vũ Hoàng Chương

ASPRO



trị:
**CÁM CÚM
ĐAU NHỨC**

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Pub. TÂN-TRÍ

KN 226.6YT

Cọp cái ba con

Sau bữa ăn, tôi không buồn thay quần áo đã bị ướt bần, nằm lăn ra sạp nghỉ trưa. Tuy vậy, tôi không chớp mắt được một phút nào. Tôi muốn tiếp tục cuộc săn tặc khắc nhưng không còn người Thượng nào dám theo tôi nữa.

Tôi bỗng nảy sinh một ý : tại sao không đem lửa đốt quanh nơi cọp ở ? Vì trời bấy giờ nắng gắt, lau sậy cháy khô, chỉ một mồi lửa châm vào vùng rừng dài đôi trăm thước, bắt từ mé trong đốt ra mé suối thì hoặc cọp sẽ chết thiêu, hoặc sẽ phải trườn qua dòng nước kia chạy trốn, tôi chỉ núp theo bên bờ chờ đợi là thấy mục tiêu hết sức dễ dàng. Với cây 222 tôi có thể bắn trúng đích cách xa trăm thước hoặc trăm thước rưỡi không chút khó khăn. Nghĩ thế, tôi lồm cồm dậy, ra phía sau *buôn* xem có thể dùng kế hoạch « hỏa công » này không.

Bên này là làng Pang Xim với vài chục nóc nhà lá, sau làng là vực lau sậy đặc dày, kể đó là sông Đa-dung hẹp khoảng mười thước và cạn như một con suối. Bên kia vực sông, nơi con ác thú hiện đang trú ẩn, cũng đầy lau sậy tiếp giáp rừng sâu, núi đá. Nếu đốt đuôi cọp từ nơi mé rừng trở ra thì chắc là có kết quả, trừ phi nó không muốn lội qua suối trở lại và chịu chết thiêu. Nhưng nếu gặp gió từ bên phía làng thổi qua thì lửa dưới vực có thể bốc cháy trở về phía

rừng gây hỏa hoạn lớn, và đó là điều nguy hại lớn lao cho tài nguyên của đất nước. Ngược lại, nếu gió từ rừng thổi tới thì kế hoạch tôi chắc sẽ thành công nhưng lửa lại có thể tràn qua suối bốc cháy mé vực bên này, gây hỏa hoạn vào trong *buôn*, thiệt hại cho dân làng biết chừng nào ! Nhưng ý nghĩ này tất nhiên đã ngăn cấm tôi thực hiện dự định vừa rồi.

Tôi trở vào nhà, lên sạp nằm nghỉ, lòng buồn rười rượi, đầu óc phân vân, trong khi chân tay mệt mỏi, rã rời. Tôi cố gắng ngủ để cho thể xác nghỉ ngơi và tâm hồn quên đi nỗi chua cay của thất bại, nhưng không làm sao ngủ được. Âm thầm tâm não của tôi vẫn không muốn nhìn nhận sự thất bại gần như hiển nhiên không muốn chịu thua hoàn toàn, nhưng muốn vận dụng tài nguyên cân não để tìm ra một giải pháp đi đến thành công.

Tôi nghĩ đến chuyện về nhà ăn Tết. Phải rồi, chiều nay chiếc Land-Rover đón tôi trở về Tùng — Nghĩa như đã căn dặn trước rồi. Con cọp bị thương vẫn còn nằm đó mà thì giờ không còn nữa. Chỉ vài ba tiếng đồng hồ sau đây, tôi phải từ già Pang-Xim, ra về với nỗi thất vọng nặng nề. Cứ nghĩ đến sự thất bại, đến chuyện phải về, tôi thấy uất tức, có lúc muốn chỗi dậy ngay

xách súng một mình ra lưng cho kỳ được con ác-thú mà tôi tin chắc đang nằm cách tôi độ ba hay bốn trăm thước.

Khoảng hai giờ trưa, tôi lại nảy ra ý khác mà tôi định mình là thực-hiện được. Nếu chiếc xe Land Rover của tôi đến trước khi mặt trời lặn thì tôi sẽ tìm cách thể đem xuống vực sông dùng xe đi càn đuổi cọp để bắn nó cho kỳ được. Ý kiến mới này rọi một tia sáng hi-vọng vào tâm hồn tôi, làm cho đầu óc của tôi bớt căng thẳng phần phần nào. Tôi chỉ còn đợi chiếc xe "cứu nguy" chạy đến. Hỏa trận không thể thi hành thì sẽ dưng xa-trận vậy.

Lòng tôi bồn chồn, ao-ước chiếc xe đến sớm, nhưng có lúc lại cảm thấy âu lo, nghĩ rằng xe sẽ không đến hoặc đến quá trễ.

Giữa lúc tôi đang chập chồn nửa ngủ nửa thức thì tiếng còi xe ở ngoài cổng làng khiến tôi giật mình choàng dậy. Bây giờ mới hơn 3 giờ, tôi còn những trên 2 tiếng đồng hồ ! Sau đó chiếc Land-Rover NBR 773 đến đỗ ngay trước sân nhà và Thượng-sĩ Kh. cùng với anh Di xuống xe, vào bắt tay tôi. Thượng-sĩ Kh. nói :

— Con sợ cho thầy quá, vì ở đây không an ninh. Con muốn đi từ hôm qua nhưng ngại trái lời thầy dặn :

Anh Di cười hỏi :

— Tôi đến làm da cho ông, nhưng cọp đâu rồi ?

Tôi nói sơ lược cho họ biết qua tình hình cuộc săn của tôi đến đây thế nào và xin họ đừng để mất thì giờ, áp dụng lập tức kế-hoạch xa trận của tôi. Soát lại súng đạn, thấy hồi sáng tôi sử dụng đạn được thật là bừa bãi. Chỉ còn chẵn 2 viên đạn 12 và 10 viên

đạn 222. Ngoài ra, một hộp Weather-by 375 tôi không muốn sử dụng đến.

Tôi bỏ hai cây Marlin và Remington lên xe, hỏi Thượng sĩ Kh. lái ra sau làng, tìm đường xuống vực Đa dung. Tôi đứng chỉ đường cho Thượng sĩ Kh. điều khiển chiếc xe, và tiếng máy nổ cùng với bề thế mạnh mẽ của cái phương tiện cơ khí không biết sợ hãi làm cho những người bạn Thượng và tôi như thấy vững tâm hơn nhiều. Nhưng xuống được đến mé nước là cả vấn đề khó khăn cho người cầm lái và cả chiếc xe. Đến lúc băng qua chúng tôi không tìm được một chỗ nào thật cạn để tránh cho khỏi ướt máy. Túng thế tôi buộc cứ cho xe chạy càn qua, Chưa được nửa đường, nước ngập gần đến ca bờ, chiếc xe — hi vọng cuối cùng của tôi — khẹt khẹt vài tiếng nặng nhọc rồi nín thở luôn. Làm sao bây giờ ? Tôi phải nén mình nhiều lắm mới khỏi thốt lên những tiếng giận-dữ tục tằn cho hả cơn tức. Rồi tôi nhờ gọi người làng, để họ giúp đẩy xe lui trở lại cho Thượng-sĩ Kh. chùi khô máy móc và đem xe trở về *buôn*.

Bây giờ quả là không còn có cách nào khác ngoài sự trở lại đi bộ mò theo dấu cọp. Chỉ cần một người biết bắn chụu đi theo tôi là tôi sẽ quyết đuổi con ác-thú đến cùng. Tôi hỏi ý kiến Thượng sĩ Kh. nhưng Thượng sĩ không dám đi. Tôi quay sang bảo anh Di :

— Anh có dám đi theo tôi không nào ?

Anh trả lời ngay :

— Được, tôi xin giúp ông một tay.

— Anh có biết bắn hay không ?

— Tôi có bắn súng Calibre 12 độ một vài lần.

Thế là quá đủ. Tôi giao 2 viên đạn và cây Mar'in cho anh Di, chỉ cách cho anh xử dụng, còn tôi thì dùng cây Remington 222. Chúng tôi vội vã qua suối, bấy giờ đã 4 giờ chiều. Nhờ dấu chân và vết máu, không đầy 5 phút sau đó chúng tôi đã chui theo luồng con cộp để lại giữa đám lau sậy. Người bạn Thượng dẫn đường ban sáng, thấy sự quả quyết của chúng tôi, cũng lăm li bò theo sau. Có người biết bắn cùng đi, tôi thấy bình tĩnh hơn nhiều, nhưng sự tiến bước lại khó khăn hơn gấp bội. Một tay cầm súng, một tay vệt đám lau sậy chúng tôi trườn bằng đầu gối, bằng cùi chỏ tay để theo dấu cộp Lá sậy, lá lau dầu tươi hay khô cũng bén như lưỡi dao lam, mặt mày, đôi tay và nhất là tai chúng tôi bị cắt xơ xác, nhem nhọc máu đỏ. Không đầy 10 phút chúng tôi nhể nhại mồ hôi, áo quần đều ướt đầm đìa. Từng chập tôi phải dừng lại nghe ngóng, đồng thời nghỉ ngơi và chùi mặt trên vai áo. Chúng tôi cố gắng giữ cho mắt không khỏi hoa đi vì mồ hôi, bụi bặm và mệt nhọc.

Khoảng 4 giờ 20 phút, khi tôi dừng lại để nghỉ thì thấy những vết máu cộp để lại rất mới vì kiến bu quanh khá nhiều. Lấp đầu ngón tay chậm thử, thấy máu còn ướt, nhưng không vấy tay, ngoại trừ chất nước màu vàng. Tôi đoán con thú đã đi qua đây không quá 10 phút, điều này khiến tôi hy vọng nhiều hơn, vừa thấy hăng hái và cẩn thận hơn. Quả vậy, gần đó không đầy hai thước chúng tôi tìm thấy chỗ con vật dừng lại nghỉ dấu máu khá nhiều và đất cát in phía sau của cộp khá rõ. Có lẽ nó nằm, và cũng có lẽ nó ngồi, nhưng điều chắc chắn là nó đã dừng lại đây hơi lâu.

Tôi quan sát kỹ dấu vết, đoán rằng con thú không còn thể đi được nữa mà chỉ lết thôi, phía sau có lẽ không điều khiển rồi. Chắc là phá súng của tôi lúc sáng đã khiến mông nó tê liệt ít nhiều và nếu viên đạn trúng vào xương khu thì sức hoạt động cân não của nó còn bị tác hại nhiều hơn, có khi l' m bại liệt hẳn cả nửa thân mình là khác.

Trong lúc xem xét dấu vết, nhờ nghỉ ngơi năm ba phút tim tôi bớt đập, lỗ tai cũng hết lúng búng, do đó tôi bỗng nghe được tiếng thở hào hển của con ác thú, cách tôi không thể xa quá khoảng vài chục thước. Tôi mừng khắp khởi, làm dấu để anh Di cùng nghe thử. Anh Di gật đầu, tỏ ý là cũng nhận thấy như tôi. Không mất một giây, tôi bò vội tới, đồng thời ra hiệu anh Di bò sát theo tôi phía bên hông trái cho khỏi gàn trở cây súng của tôi. Tôi nhất định phải bắn trước. Tôi nghĩ loại đạn súng trường 222 của tôi phải có hiệu quả nhiều hơn là loại đạn ria 12 của anh Di trong cái trường hợp cây lá phủ dày bưng bít quanh mình.

Chúng tôi song song bò tới được chừng mười thước thì nghe tiếng dậy ào ào và tiếng răng rắc của lau sậy gãy ở về phía trái, cách xa không quá mười thước. Tôi vọt ngồi dậy, chong súng về ngay hướng ấy nhưng không nhìn thấy gì hết. Anh Di lúc ấy cũng có cử động phản ứng hoàn toàn như tôi, nhưng trong chớp nhoáng anh đã cho nổ tiếp hai phát súng, rồi bỗng ngả ngửa người ra phía sau, la lên: «Bắn! bắn!» Tôi kịp nhìn thấy con cộp khồng lồ, mặt lớn như một chiếc thúng điềm hai con mắt đỏ ngầu trườn đến, miệng kêu «hập hấp». Vội vã tôi đưa súng lên, bắn liền 1 phát Tôi định lên đạn bắn phát thứ hai, nhưng tôi dừng tay.. vì cách chúng tôi không quá 7

thước, ác-thú đã bị viên đạn vùi qua đản hạ thật mạnh cái đầu về hẳn một bên, thân trước vùng lên một chút rồi té nghiêng xuống, bốn chân duỗi ra, cả cái thân mình to lớn rung lên tiếp đôi ba lần, ngực phồng lên một hơi thở, bụng hóp vào một cái mạnh, đuôi giật cong lên rồi xuôi thẳng xuống và miệng và mũi phì một hơi thở cuối cùng nhẹ nhẹ mà ngắn, tiếp theo là những dòng máu đỏ tươi rỉ chảy...

Tôi cũng thở ra một hơi thật dài như là hơi thở mà tôi đã hít vào trong buồng phổi từ sáng đến giờ. Bao nhiêu bụi bặm, bao nhiêu lo âu, cùng với bao nhiêu mệt nhọc theo hơi thở này mà biến tan vào không khí. Tôi thấy người tôi nhẹ nhàng hẳn đi, và một cảm giác sung sướng chiếm đoạt lấy tôi. Nhưng đồng thời một loại mờ-mờ vừa mới xuất ra khiến tôi như người bị cơn mưa lớn, mắt tôi dầm dề không còn nhìn rõ gì nữa, cả người nhẽ nhãi, ướt sũng, một cái cảm giác lạnh lạnh chạy khắp cơ thể. Tôi rút khăn, lau mặt mày, dụi đôi mắt, lấy mũ xuống như chuẩn bị lễ ra mắt Chúa Sơn Lâm, hay là ra mắt chính cái kết quả cố gắng của tôi suốt một tuần này.

Quay lại phía sau, tôi thấy anh Di và người bạn Thượng vẫn còn ngồi yên, hơi thở chưa được bình thường, mặt mày vẫn còn tái mét. Tôi mỉm cười muốn họ vui theo. Như que diêm nhỏ có thể đốt cháy khu rừng, nụ cười ngăn ngủi không thành tiếng ấy đã làm sáng các khuôn mặt bạn hữu, và cả khung cảnh quanh mình như sáng tươi theo.

Đồng hồ trên tay của tôi chỉ đúng 4 giờ 35, trời về Tây vẫn sáng lắm, nhưng không còn gay gắt nữa. Nghe

tiếng súng, nhiều người trong «buôn» nhanh chân ra đến nơi rồi. Từ đây về buôn đường thẳng độ 300 thước, thế mà kềm diềm trở lại chúng tôi đã phải lần quần trong rừng lau sậy này đúng 6 tiếng đồng hồ và đã bò lết trên cả 5 cây số ngàn.

Chúng tôi cùng tụ họp quanh vị Chúa Sơn Lâm để mà trầm trồ, ngưỡng mộ hình vóc và uy linh nó. Con cọp đã lớn và đẹp ngoài sự trông đợi của tôi. Chắc chắn nó phải dài trên 3 thước và nặng trên 200 kí, bộ lông lại mượt và dày không chút khuyết điểm. Đây là con cọp hoàng gia thượng hạng.

Tôi xem lại kỹ, được biết phát súng ban tối đã trúng vào bụng và hai đùi sau của nó, khiến hai chân sau trở nên vô dụng hoàn toàn. Hai chân trước vẫn còn nguyên và nếu vớ được người Thượng hay tôi, chắc chắn chúng tôi sẽ bị móc cổ ngay trong nháy mắt. Phát súng thứ hai ban sáng trúng ngay bàn tọa của nó, chắc đã làm tê bại cả phần sau, ít ra trong một vài ngày. Hai phát Calibre 12 của anh Di gồm 18 viên đạn bắn nai (chevrotine) không trúng được một viên nào, chắc vì lau sậy cản trở hoặc vì anh bắn quá cao. Viên đạn 222 Magnum kết liễu cuộc đời ác thú đã trúng ngay cái răng giữa hàm dưới bề nấp, đi sâu vào họng, phá nát óc sau.

Phải nói điều may mắn nhất của chúng tôi chính là phát súng đầu tiên, chiều tối hôm trước. Nếu trúng một nơi nào khác mà cọp không chết tức khắc, hai chân sau còn mạnh-mẽ thì chắc ban sáng nó đã đứng dậy nhảy xổ tới chụp chúng tôi và đã giết chết ít ra là một mạng rồi. Tôi còn nhớ rõ tai nạn của bác-sĩ Th. cách đây không quá

hai tháng. Bác-sĩ Th. đã bắn liên tiếp 3 phát 404 vào con cạp nhỏ, khiến nó muốn rơi cả chiếc hàm dưới và tiêu luôn hai chân trước, mà nó vẫn còn sức đứng thẳng dậy nhảy đến chụp người thợ săn, quào, cạp nát cả chân ta, lưng, ngực, gây gần 20 thương tích, phải qua hai tháng bệnh-viện mới bình phục được.

Hơn nữa, khi mổ bụng ra tôi mới được biết phát súng đầu tiên đã trúng hai con cạp con trong số ba con nằm trong bụng mẹ, mà mẹ chúng sẽ hạ sanh trong một tuần lễ là cùng. Chính cái sự kiện con cạp có chữa — đây là một con cạp cái mập mạnh vào tuổi 4 — là điều may mắn thứ hai cho sinh-mạng của chúng tôi. Vết thương đầu tiên, không nặng, nhưng đã giết chết cạp con trong bụng, cho nên đêm đó đủ làm cạp mẹ giảm sức đi nhiều, mà bụng dạ quá nặng nề không sao chạy nhảy được nữa.

Xem xét kỹ rồi tôi nhờ khiêng cạp về làng lập tức vì không muốn cho bộ da phải hư. Tôi không biết cho đích xác con cạp nặng độ bao nhiêu, nhưng bốn người Thượng lực lưỡng khiêng rất chật vật cũng cho đoán định nó phải trên 200 kí. Đến làng, mọi người đều ra đón rước chúng tôi — đúng hơn họ đón rước chúa Sơn Lâm — vui vẻ chúc mừng tôi đã thành công. Năng chiều vẫn còn đủ sáng để tôi chụp mấy bức ảnh kỷ niệm và trước khi mổ lấy da, vị Chúa Làng xin phép được cúng hồn cạp trong vòng mười phút.

Nghi-lễ cúng-kiến thật là đơn giản. Một con gà, một cái trứng luộc và một bát cơm được đem đặt trước đầu cạp. Vị tù trưởng ngồi đọc lâm râm vài lời

khẩn nguyện và tụng niệm. Rồi ông ta làm một vài cử chỉ ra kiểu mời mọc hồn cạp về ăn cơm với trứng luộc, thịt gà. Và thế là xong.

Sau đó là phần việc của anh Di. Chúng tôi không còn có đủ thì giờ để làm da cạp cho được chu đáo. Anh Di chỉ làm những việc cần thiết là lột da ngay, lấy hết các mỡ bầy nhầy, rồi rửa da bằng xà-phòng đoạn cho ướp muối với phen. Qua ngày hôm sau, anh sẽ làm các lỗ tai và bốn bàn chân là những công-tác tỉ-mỉ và lâu lắc hơn. Trong khi anh Di lo lột da cạp, đem xuống suối rửa và xát muối phen thì tôi lo dọn đồ đạc lên xe, sửa soạn trở về Fyan. Trước khi chúng ra về, người làng mời chúng tôi ăn một bữa cháo gà và uống một hũ rượu cần.

Thanh toán mọi việc xong xuôi, chúng tôi lên xe thì trời tối mịt, rừng sâu chỉ là khối lớn đen ngòm. Đồng hồ chỉ đúng 7 giờ.

Đến Fyan, tôi để anh Di xuống xe và Thượng-sĩ Kh. ở lại. Anh Di phải ở nhà cúng giao-thừa và hứa sáng mai sẽ ra Tùng-Nghĩa tiếp tục làm xong da cạp. Bây giờ một mình, một xe, một cạp, tôi lái chiếc Land-Rover về Tùng-Nghĩa. Nhiều lúc tôi ngó ngoái lại phía sau, nhìn cái xác cạp lột da sạch sẽ, nằm phơi trần trụi, gân guốc, lực lưỡng, lắc lư theo nhịp xe lăn mà thấy vui vẻ trong lòng. Đôi lúc những cái ý nghĩ hoang đường quái gở hiện trong đầu óc: liệu cạp linh-thiên nó có báo oán tôi không? Nhưng chắc là không. Nó đã ăn cơm với trứng với thịt gà rồi, thì chớ nuốt vàng cũng được an thân, quay về làm gì với cõi trần này cho thêm bận bịu? Sống đã có mẹ có con, chết cũng có con có mẹ,

luyện tiếc nỗ gì? Hay là còn vương vấn bạn đường đời? Nhưng loài cọp dữ làm sao có được tâm hồn của kẻ yêu đương!

Đường Fyan thật gấp gành nhưng tôi cứ việc phóng xe thật nhanh, mong về Tùng Nghĩa sớm trước giao thừa. Khi tôi dừng xe trước cửa người bạn thì đúng 12 giờ khuya, đầu đó đã nghe đi đùng tiếng pháo đón xuân. Bạn tôi, con tôi, cùng cả người nhà thức dậy chạy ra. Bà chủ nhà rất nài lòng, mừng tôi đã hạ được một con thú xứng đáng. Chúng tôi khởi sự ăn lễ giao thừa. Gia đình bạn tôi rất vui, và cha con tôi cũng rất vui vẻ.

Hôm sau, chủ nhật, mồng một Tết năm Sửu, anh Di ra tiếp tục 1 m cho sạch bộ da, ướp muối và phèn lén nữa rồi gói lại kỹ cho vào trong hộp để một tôi về Sài-gòn giao cho thợ thuốc. Tất cả công việc làm bộ da này đòi hỏi sau trước gần hơn 6 tiếng đồng hồ. Anh Di đã chịu khó nhọc trong một công việc tỉ mỉ, vì ngoài lương tâm của nghề nghiệp mình, anh còn yêu thích bộ da quá đẹp. Anh còn luôn dịp làm ba cái da cọp con, mỗi con bằng một con mèo, đầy đủ lông lá. Anh cũng xác nhận là chúng đã đến thời kỳ chào đời, và nếu không đẻ trong đôi ba hôm thì cũng trong một tuần lễ là nòi.

Thấy thịt cọp cũng khá ngon, tôi cho cắt đem đi biếu vài người bạn thân. Ở nhà, bạn tôi lấy thịt làm món beef-steak ăn cũng tạm được. Theo lời anh Di, tôi cho mua sâm-bồ-lượng đem về để chưng cách thủy với con cọp con cho cha con tôi bồi dưỡng. Sau một tuần lễ nằm rưng tôi thấy mình cũng phải nên tắm bồ ít nhiều.

Người nhà không ai dùng món thịt chưng này cả. Tôi và con tôi cũng không ăn thịt, chỉ uống nước thịt và thuốc. Sau bữa ăn ấy, cha con tôi bị kiệt lý, và liên tiếp 3, 4 ngày chúng tôi mỗi ngày đi trên mười lần, liệt cả người, mắt tròn lợ, mặt xanh ngắt, gầy tóp hẳn đi. Với tình trạng mệt nhọc, bệnh-hoạn như thế, ngày mồng 3 Tết chúng tôi phải về Sài-gòn để tìm thầy thuốc cấp cứu.

Vài tuần-lễ sau thì trong phòng ngủ của tôi đã có bộ da thật đẹp, dài đúng ba thước, năm sãi tay chầu trên nệm, miệng há to, phở lớp răng nhọn và lưỡi đỏ au như muốn khè tôi. Nhìn đến cặp mắt, tôi nhớ cái liếc ghê gớm của nó trước kia mà còn sờ sờ trong lòng. Nhưng lúc rãnh rồi, nằm sấp trên giường, nhìn bộ da cọp mà ngẫm nghĩ lại cuộc săn đã qua và bỗng cảm thấy nao núng, run sợ một cách buồn cười.

Khi tôi nói chuyện tại Hội Săn Bắn về cuộc săn này, tôi có lưu ý hội viên về 2 điều kiện cần thiết phải có nếu muốn truy kích con cọp bị thương mà không e-ngại bị truy-kích lại.

Thứ nhất, nếu mình cảm thấy sợ hãi thì đừng bao giờ theo đuổi một con ác thú bị thương. Vì với tâm trạng như thế mình đã thua trước nó rồi. Nếu mình không sợ, tim không đập mạnh và tai sẽ không lũng bùng, mình sẽ nghe được hơi thở con vật bị thương từ 15 hay 20 thước trước để dăng đề đề phòng và dự bị tấn công kịp lúc.

Thứ hai là phải tập quen nhận xét. Ở rừng nhất là trong các bụi rậm thường có rất nhiều loại kiến háu ăn máu của loài thú bị thương để lại. Nếu một vết máu kiến còn bu nhiều, kiến còn đang ăn là dấu báo hiệu con thú

không xa, vì các giọt máu con thú bị thương để lại kén có thể ả sạch mắt trong đôi ba phút đồng hồ.

Tuy vậy gan lì và sự lạnh mắt vẫn chưa là đủ mà vẫn cần phải có sự may mắn thêm vào Tôi đã may mắn bắn một con cọp có mang gần ngày sinh đẻ, và may mắn là phát súng đầu tiên tuy không trúng vào chỗ ghệt mà trúng vào hai chân sau. Đó là yếu tố đặc biệt quan trọng giúp tôi thâu được kết quả mong muốn mà không phải liên lụy đến sinh mạng hay là thể xác.

Người ta còn nói chuyện cọp báo thù, và điều đó thật hay chăng? Tôi không bao giờ tin tưởng như thế. Nhưng nhiều người đã căn cứ vào các rủi ro mà tôi và gia đình của bạn tôi vấp phải để cố biện minh cho sự tin tưởng dị đoan của họ. Người bạn mà tôi mang xác 4 con cọp về trong đêm giao thừa đã gặp phải 3 tai nạn nặng nề cả ba. Giữa năm ấy, bạn tôi cũng là một người săn bắn — trong chuyến săn mìn ở Kampot, bên kia sông Đa-nhim, đã bị con mìn không lồ mà bạn tôi bắn trọng thương trở lại tấn công. Sau khi bắn hụt phát súng thứ hai, bạn tôi trờ qua một bên chạy đi như kẻ mất hồn, để rồi mười lăm phút sau quay lại hốt xác của người dẫn đường bị con mìn đâm bẻ ngực và dậm nát người. Dĩ nhiên ngoài chuyện lỗi thôi với pháp-luật, bạn tôi còn phải bồi thường sinh mạng cho gia đình kẻ xấu số. Sau tai nạn ấy bạn tôi không còn cảm thấy ham thích cái môn thể thao nguy hiểm này nữa, và kể từ đó anh bỏ luôn nghề săn bắn. Và cũng trong năm anh phải thôi làm giám-đốc một cơ quan tài-chánh quan trọng vào bậc nhất ở Việt-nam, vì bất đồng ý-kiến với chính-phủ và không tìm thấy thuận hảo với

các nhân-viên cùng một cơ-quan. Cuối năm, người vợ — chính bà chủ nhà mở rượu mừng sự giết cọp của tôi — chơi hội và bị mất tiền trong vụ bà Kỳ, bà Tài giật hội. Số tiền đã mất trong hai vụ này tính hàng mấy triệu, gần cả tài sản mấy năm ky cốp làm nên.

Phần tôi, người đã chính tay hạ sát bốn mẹ con cọp ở tại Pang-Xim thì ngòi cái trận kiệt lý khốn đốn vào đầu năm Sửu, phải đợi qua đến năm sau, tức là năm Dần, năm của loài cọp, (1962), tôi mới bị hại. Vì cuối năm ấy tôi bị chính phủ Ngô đình Diệm cắt chức và cho một số báo chí tha hồ bôi nhọ, xuyên tạc, không chỉ cá nhân của tôi mà cả gia đình.

Sau khi mất chức, tôi về ở một gian phòng tại đường Tự Do, đem bộ da này treo trên vách phòng. Và chính ở đây sau ngày Cách Mạng 1-11-65 tôi bị cơ-quan an-ninh bắt giữ. Còn bộ da cọp thì được xếp lại đem gửi ở Hội Văn Hóa Bình Dân.

Ngày 7 tháng 7, 1965 dọn những đồ gửi trên Hội, tôi thấy bộ da còn tốt, sợ bỏ trong kho hư hao nên mang về nhà ở đường Pasteur phơi phong, chả bụi rồi đem để trong phòng ngủ. Năm ngày sau, tức ngày 12 tháng 7, 1965 tôi lại bị bắt giữ lần thứ 3, rồi đem an trí ở tại Tân Hiệp, Bên Hòa, đem ra tòa xử rồi đưa về Khám Chí Hòa và chính tại đây tôi đã viết những dòng này những khi rảnh rỗi,

Tôi chẳng bao giờ tin ở dị đoan, và nghĩ rằng các sự việc không may xảy đến cho tôi là do « linh hồn thời cuộc » hơn là « linh hồn của cọp », và nếu tôi không giết con cọp cái ba con thì những tai nạn như thế vẫn gõ cửa tôi

như thường. Nhưng bà nhắc tôi, vốn là Phật-tử, nên cứ cho rằng tại tôi sát sinh nhiều quá nên bị báo oán, và không oán nào độc dữ cho bằng cái cọp. Nếu cọp biết báo oán thật thì ông Ngô-Đình-Nhu phải đợi đến hồn con cọp thứ mười ba mới vật ông chết, vì trong quãng đời săn bắn của ông, ông đã giết được cả thảy là 13 con.

Nhiều khi vợ tôi nhắc đến chuyện cọp báo oán tôi lại nghĩ rằng một lúc tôi đã hạ được 4 con ác thú là giúp cho làng Pang-Xin một phần rất lớn, nhất là khi bốn mẹ con lại vào ăn heo dân làng một cách bất công. Không ai có thể biện hộ rằng vì mẹ cọp bụng mang dạ chứa khó lòng bắt đặng hươu nai một cách dễ dàng nên đành xoi tạm heo của bà cụ làng Thượng. Dù sao nó đã ngang nhiên xâm phạm quyền lợi đồng bào bằng cái thế lực độc hiểm của nó và cây súng tôi đã làm một việc phân xử công-bằng, đâu còn lý do gì để oán thù tôi nữa! Giữa đồng bào Thượng và loài ác thú, tất nhiên tôi phải bảo vệ cho cái quyền sống của những đồng loại, đồng bào của tôi. Đó là lý lẽ làm cho lương tâm tôi được thoải mái, bình yên.

Vài hôm, sau khi đã về Sài-gòn, tôi viết thư cho vợ tôi ở Anh và gửi cho vợ tôi vài tấm ảnh chụp tôi và con cọp ở Pang Xim để vợ tôi cùng chia sẻ nỗi vui và có một dịp khoe khoang với các bạn bè bên ấy. Trong một bữa ăn — sau này vợ tôi thuật lại — vợ tôi đã làm công việc phô trương như thế với một số bà người Anh. Lập tức một bà hỏi liền: « Chớ ảnh ở nhà bắn cọp để để làm gì vậy? » Nghe câu hỏi hàm ngụ ý trách móc, vợ tôi cố gắng giải thích là tôi phải giết các loài ác-thú để mà

bảo vệ tài sản cũng là sinh mạng đồng-bào, đặc biệt là đồng bào Thượng, mấy bà người Anh tức thì nhao nhao hỏi ngay:

— Nếu vậy, sao chính-phủ ở bên ấy không dời đồng bào đi một nơi khác, có phải hơn không?

Dời đồng bào Thượng ra khỏi núi rừng để mà tránh cọp, đó quả là một ý nghĩ khôi hài có thể sắp xếp vào mục khôi hài lỗ bịch bậc nhất thế giới. Nhưng không, các bà ấy không muốn cười một tí nào cả. Vợ tôi chắc đã mất hết hứng thú và không sao trả lời được câu hỏi lạ lùng như thế. Nhưng rồi vợ tôi chợt nhớ rằng mấy bà người Anh này chắc đều là hội viên của Hội Bảo-vệ Thú vật, một hội lớn vào bậc nhất ở Anh mà các hội viên đồng đảo luôn luôn có thừa thái độ lỗ bịch, buồn cười.

Phần tôi, dù ai nói gì thì nói, tôi vẫn cho bộ da cọp Pang Xim là một báu vật của tôi. Vì nó chính là kết quả của sự quyết tâm và những cố gắng gần như vượt quá sức người của tôi. Nó còn là một kỷ niệm, là một danh dự, là một bài học cho cả đời tôi. Thật ra, sau cuộc săn này, nhất là sau 24 giờ của ngày cuối cùng năm Tí, tôi cảm thấy mình gầy đi trên đôi ba kí và già đi đôi ba tuổi, nhưng nơi lòng tôi luôn luôn có niềm thỏa mãn và sự êm dịu.

Ngày nay nếu có ai hỏi rằng tôi ước ao gì nhất thì không ngần ngại, tôi sẽ trả lời: « Trông sao cho mau thái bình để tôi sớm được trở lại Pang Xim, sống nhiều ngày giữa thiên nhiên và bắn cho được một con cọp đực to lớn hơn con cọp cái ba con này nữa ». Và đó là điều tôi hằng ao ước trong nhiều năm nay.

HUỶNH VĂN LANG

(trích hồi ký: « Nhân chứng một chế độ »)

Bài cậ̣y đ̣ang :

« Khi người điên trả thù »

THƠ ĐIÊN

cúng BẠN đọc THỨ THIỆT (1)

Đến đây, đã hết « Thơ điên » (...thứ thiệt), tập số zách, một nhịp cầu mà chúng tôi thử bắc qua hai thế giới Tỉnh, Điên.

Tin rằng Bạn không dửng dưng với chút việc làm tập thể này mà sẵn lòng cho chúng tôi biết ý kiến, nhận xét, cảm nghĩ, cùng đề nghị để chúng tôi được thấy chút việc làm mở màn của mình không đến nỗi vô ích, vô duyên, và để rút kinh nghiệm cho sau này, cho nên chúng tôi xin có lời cảm ơn Bạn trước.

Và để duy trì nhịp cầu mới bắc, chúng tôi xin thực hành một ý... bất thường này :

Cố ý cho in sai chánh tả : mười chữ ở phần in với chữ quốc ngữ thông dụng, năm chữ ở phần in với chữ quốc ngữ của Thái-bình-diên-quốc (tự nhiên những chữ viết không đúng với những nguyên tắc chủ trương đã nêu cũng đều bị xem là sai chánh tả, kể cả có hay không gạch nối.)

Vậy, mời Bạn mỉm cười làm bạn với « Thơ điên »... thứ không giả này lần nữa. Bạn tìm đủ số lỗi rồi, xin Bạn gửi đến chúng tôi trước ngày lễ Giáng sinh năm Chó 70 này, thêm trả lời hai câu hỏi phụ sau đây : 1. Bạn có thấy gì khác thường ở phần dưới ruột tập thơ này, và tại sao có sự khác thường ấy? 2. Tiếp theo « Thơ điên » (...thứ thiệt), Bạn muốn nhà **KI-GOB-JÓ-CÌ**... sẽ có tác phẩm như thế nào ?

Bảy bạn : ở bốn vùng chiến thuật, ở thủ đô miền Nam, ở hải ngoại và ở Thái-bình-diên-quốc cho biết đúng những lỗi chánh tả, chỗ khác thường ở dưới ruột tập thơ, lý do điều ấy và góp ý « lạ kỳ » loại số... zách cho cuốn sách thứ hai..., sẽ được tặng bảy món quà văn chương không... tầm thường.

Lời giải đáp, chúng tôi đã niêm phong và gửi tại tòa soạn Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng, Sài-gòn, ngày sách phát hành, 20-5-1970.

Kết quả, sẽ xin công bố trong tạp chí này, số Tết năm Heo 71. Xin mỉm cười chào Bạn và xin gửi lại địa chỉ để bắc cầu :

Nhà xuất bản **KI-GOB-JÓ-CÌ**...
do bác sĩ Nguyễn-Tuấn-Anh
156A, Quộ́c lộ 1 — Biên-hòa

(1) Do Ô. Minh-Hiền Nguyễn-Việt-Hùng 166/1/10A Lý-Thái-Tổ, Sài-gòn

Bên này sông

Thơ PHẠM-NHUẬN

1.— Nhớ những chiều ngồi bên này sông
Trời ở bên kia trời rất hồng
Ta tưởng mỗi em chiều Đà-lạt
Ta ở dưới này ta nhớ mong

2.— Nhớ những chiều ngồi bên này sông
Mùa xuân âm-u gió ngủ trong lòng
Ta nhớ vô cùng những thằng bạn chết
Mai giỗ tụi nó bây nhớ về đông

3.— Nhớ những chiều ngồi bên này sông
Cây cầu thân yêu gãy xuống giữa giòng
Tà áo em bay trắng màu góa bụa
Như tang tóc về giữa phố người đông

4.— Nhớ những chiều ngồi bên này sông
Những chiều đi lên chiều rất nồng
Lửa đã đốt lên lòng chưa ấm lại
Nghe điệu ru hò than nỗi diệt vong

5.— Nhớ những chiều ngồi bên này sông
Nhìn hoàng hôn xuống, hoàng hôn trong
Mắt biếc có trăm chiều đồ bóng
Em với khăn sô đã khóc hồng

6.— Nhớ những chiều ngồi bên này sông
Ngó nước đi lên nước ngược giòng
Mây uống chưa xong đã đi đánh trận
Tụi tau về ngày nhớ ngày trông

7.— Những thằng còn lại buổi chiều ngồi qu nh
Uống tiếp cho quên bên chiếc bàn tròn
Mây lên TAIGÔ, A-SAO A-LƯỚI
Hãy đợi ngày về uống nốt giòng sông

T R Ề N H Ồ

Thơ TU-KẾ-TƯỜNG

Ta muốn trở lại một thời thơ ấu
Làm học trò ôm cặp sách rong chơi
Lửa mùa hè cháy thiêu bờ dưới cũ
Bao thơ ngây ta gửi hết cho trời

Nghe tiếng chim đoán ra mùa gió sớm
Những hàng cây trở bóng ngấm chiều xa
Chim thánq giếng lúa ruộng đồng thánq lán
Ta bàng hoàng theo một đám mưa qua

Chưa hiểu hết những gì trong sách vở
Hồn là gương tim óc chỉ bao dung
Ta không biết ta đing làm trẻ nhỏ
Nên cửa đời như một khoảng chân không

Ai có biết khi cửa trường đã khép
Là một đời trẻ dại bỏ ra đi
Bao thương mến chứa trong bầu ngực lép
Vỗ một lần theo những cánh chim đi

Bạn bè xưa mỗi thánq nay mỗi ngán
Có đứa về ôm nắm mộ quê hương
Có đứa qua sông nhẹ nhàng như lá
Không trở về - ôi những đứa ta thương

Ta nhớ hết những mái đầu dạo ấy
Mỗi chỗ ngồi mỗi kỷ niệm chưa nguôi
Mùa sao khô bông quay về cùng vầy
Nhưng riêng ta nhìn nắng biết ngậm ngùi

Ta ở lại với những ngày cơn áo
Sống cho người nhưng chết chỉ cho ta
Khói năm thánq lên mắt buồn lơ láo
Đời rộng dần như mặt biển bao la

Ta muốn trở lại nhìn đời hoa cũ
Tóc tung bay trên một quāng đường chiều
Lúc mặt trời trở nghiêng tia nắng rú
Lòng học trò phơi phơi lúa đang reo.

Phát hành hàng tuần, Ngày thứ Năm :

SÁCH THIẾU NHI

HAY VÀ ĐẸP NHẤT HIỆN NAY
CHÀNG TRAI TRƯỜNG SƠN

truyện miền núi của Hoàng Thu Đông

BẢY BỘ XƯƠNG NGƯỜI

truyện rừng rợn của Lưu Nghi

DŨNG SĨ LÀNG BÀNG SƠN

truyện dũng cảm của Phong Sơn

ÔNG BA - MÓNG

truyện thú vật của Hoàng Trúc Lý

của nhà xuất bản **TRÙNG DƯƠNG**

do nhà văn **LƯU NGHI** chủ trương

21.5.1970 / đã phát hành tập sách thứ nhất

TRUNG TÂM NHÂN XÃ

(Anthroposocialism Center)

2 Nguyễn văn Thinh Saigon

Hoàng-Xuân-Việt sáng lập và điều khiển

T.T.N.X. : Là Học viện đầu tiên ở V.N. để xướng giáo dục Hậu học đường và Bổ túc đại học về các khoa Tự Lập Thân. Giảng huấn tại trường và hàm thụ ở xa.

T.T.N.X. : Phổ biến Nhân xã học là môn học được trình bày trong 74 tác phẩm của Ông Hoàng Xuân Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung tâm không liên hệ gì đến chủ nghĩa nhân vị hay đảng phái chính trị hoặc tôn giáo nào cả.

12 MÔN : Do giáo sư Đại học và Học giả tên tuổi dạy tại T.T.N.X. là: 1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo, 4) Dụng nhân 5) Tổ chức, 6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân, 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng.

ĐẶC ĐIỂM : Phòng tổ chức tiện nghi như Đại học. Mỗi sáng có buổi nhựt có thuyết trình. Học sau mỗi giờ có uống trà. Hai tuần mỗi tối chúa nhựt khóa sinh Hội thoại bàn tròn về các môn học. Học cách học và luyện tinh thần.

Nhập khóa : 1/4, 1/5 1/6, và 1/7

Phong trào tranh đấu của thanh niên Mỹ VÀ ĐƯỜNG LỐI NGOẠI GIAO CỦA HOA KỲ

(Tiếp theo trang 13)

những nước nghèo nàn đó, thì thợ thuyền ở Hoa-kỳ mất hưởng lợi sẽ có dịp nổi lên. Cái nhìn giản-đơn đó thể mà cũng được nhiều người trong giới trẻ hưởng-ứng. Theo ông Kelman, không phải vấn-đề dân-quyền mà chính vấn đề VN đã làm cho phái-tả khuynh biến thành một phong trào quần-chúng. Chính chiến tranh V.N đã đưa phong-trào này từ chỗ tự-do, khuynh-tả, đến chỗ cá-h mạng chuyên-cờ. Tại sao? Bởi vì, qua những thất-bại liên tiếp trong việc chống chiến tranh V.N. giới khuynh tả đã luôn luôn tự hỏi: "Tại sao ta thất bại?"

Họ đi tìm câu trả lời từ lý-thuyết của C. Wright Mills đến chủ-thuyết của Lénine về đế-quốc chủ-nghĩa và họ đã tìm được giải-đáp: "Cuộc chống đối của chúng ta không thay đổi được chính-sách đối-ngoại của Hoa - kỳ bởi vì chính sách đó dựa trên quyền-lợi kinh-tế của giai-cấp thống-trị". Nó không phải là một vấn-đề «sửa chữa sai lầm» hoặc «giữ thể-diện» mà là một vấn-đề tính toán kỹ-lưỡng, bình-tĩnh, căn cứ trên quyền-lợi kinh-tế.

Theo họ, các tập-đoàn tư-bản Hoa-kỳ, theo nguyên-tắc «lợi đâu đến đó», đã đổ xô đến các vùng chậm-tiến để thu hoạch về nhiều lợi-tức hơn, Hoa-kỳ đến VN là cốt để bảo vệ đầu tư của mình ở trên toàn thế-giới. Họ cũng chấp nhận thuyết chủ bài (théorie du domino). Nếu VN mất thì toàn thế-giới thứ ba cũng mất theo. Đứng trên quan-

điểm tư-bản chủ-nghĩa thì việc Hoa-kỳ can thiệp vào VN là hợp-lý và điều đó rất nghĩa vì sao mọi cuộc chống đối đều thất bại.

Ông Kelman đã kịch liệt đả phá thuyết này viện dẫn những con số để chứng minh việc cho rằng Hoa-kỳ can thiệp vào Việt-Nam với mục đích trục lợi là một sai lầm lớn. Nhưng ông cũng phải thành thực công nhận sự thành công của nhóm này trong việc lôi cuốn thanh niên, nhất là nhóm thanh niên Tự-do, vì giới trẻ Hoa-kỳ, nói chung, không cắt nghĩa được một cách có hệ thống vì sao họ thất bại trong cuộc tranh đấu đòi chấm dứt chiến tranh VN nên họ chấp nhận lối giải thích của nhóm khuynh tả. Từ đó họ đi đến việc giải thích nhiều hiện-tượng quốc-tế khác như vì sao ở Cuba không có đình công, vì sao cần phải ủng-hộ phong-trào giải-phóng Ả-Rập, vì sao phải chỉ trích thái độ của các lãnh-tụ cải cách Tiệp-khắc chủ trương tiếp xúc với các đế quốc phương Tây.

Thái độ của họ trở nên mỗi ngày một cứng rắn và khuynh tả thêm, đến chỗ hoàn toàn ủng hộ đường lối tranh đấu của Cộng-sản quốc-tế không những đối với chiến tranh VN mà còn đối với nhiều vấn đề quốc-tế khác.

oOo

Như ta đã thấy, trong cuộc tranh đấu, thái độ của phe Tả khác hẳn với thái độ «mặc ai nấy làm» (do-your-own-thing-ism) của phái thanh niên Tự-do. Nhưng

họ vẫn lồi cuồn được đa số thanh niên theo họ vì những người này tuy có tham gia tranh đấu mà không có một đường lối nhất định nào và không hiểu rõ những nguyên nhân đưa đến thành công hay thất bại. Họ không có ý thức chính trị vì trước kia họ chỉ biết có học đường. Nhiều khi họ không đồng ý với những tư-tưởng quá khích của phe Tả, nhưng họ ngầm thán phục phe này vì tinh thần đấu tranh và lòng hy-sinh của họ, vì lập-luận có hệ-thống và mạch lạc của họ.

Do đó mà ta thấy trong cuộc tranh đấu đã có một sự liên-kết trên thực-tế giữa cánh Tả và cánh Tự-do của phong trào thanh niên theo đường lối của phe Tả. Những cuộc tranh đấu gần đây của thanh niên sinh viên Hoa-kỳ đòi chấm dứt chiến tranh V.N. đều chịu ảnh hưởng rất nhiều của phe Tả, cả về sách lược lẫn tư tưởng. Tuy nhiên phong trào đó vẫn giữ được tính cách tự do phóng khoáng của nó là vì có sự tham gia tích cực của phái Tự do.

Qua những ý-kiến của ông Kelman, ta cần nêu lên mấy nhận xét sau đây :

Bắt đầu những năm 70,

1) Hoa-kỳ, một nước tư-bản phồn thịnh nhất thế giới, đang đứng trước một đe dọa trầm trọng của các tư-tưởng tả khuynh. Các tư-tưởng này lại do chính thanh-niên của họ đem đến, không phải từ bên ngoài mà do từ cuộc tranh đấu nội bộ mà ra.

2) Các nhà lãnh đạo Hoa-kỳ đã không đủ khả-năng đứng hẳn lên trên để giải-quyết những khủng-hoảng trầm-trọng mà mỗi ngày xã-hội Hoa-kỳ mỗi ngày ngập sâu thêm. Họ bị chi phối bởi các thể-lực tư-bản nên đã tỏ ra lúng túng không dứt khoát bất cứ vấn-đề nào. Do

đó họ không thỏa mãn được những đòi hỏi của giới trẻ đang cần tìm những giải-pháp hợp-lý, bảo-dảm cho hiện-tại và tương-lai của giới trẻ.

Các nhà cầm quyền cũng không thỏa mãn được nguyện - vọng của các tầng lớp khác nên bắt buộc phải hứa hẹn mà nhiều khi không giữ được lời hứa. Do đó khủng hoảng cứ mỗi ngày một trầm trọng thêm và thanh niên sinh viên tranh đấu mỗi ngày một thêm nhiều hậu-thuần.

3) Những vấn-đề cấp bách của xã hội Hoa-kỳ như vấn-đề kỳ-thị chủng-tộc, vấn-đề kiến-thiết đô-thị, vấn-đề dân quyền... kèm theo vấn-đề chiến-tranh VN. đều liên-hệ mật thiết với nhau, không thể giải-quyết vấn-đề này mà không giải quyết vấn-đề kia. Ngày nay vấn-đề chiến tranh VN lại có vẻ được đặt lên hàng đầu. Giới thanh-niên mỗi ngày một tranh đấu mạnh mẽ đòi chấm dứt ngay cuộc chiến-tranh tại V.N. Cuộc tranh đấu đó mỗi ngày một thêm khuynh tả mà các nhà cầm quyền Hoa-kỳ không thể dùng lối đàn áp trắng trợn được, vì những hành vi đó chỉ gây thêm phẫn nộ và làm lợi cho những nhóm quá khích tranh đấu dưới hình-thức dân-chủ. Việc cảnh sát bắn 4 sinh viên biểu tình và gần đây thêm 2 sinh viên da đen nữa đã chứng tỏ điều đó. Cuộc đấu tranh của sinh viên học sinh sôi sục hẳn lên và hứa hẹn nhiều cuộc biểu-tình trong mùa hè nóng nực sắp ới.

Hệ nay giới sinh viên khuynh tả đã có những tổ chức to lớn và phát triển mau lẹ. Họ có nhiều tờ báo, nhiều nhà in phát hành sách báo khắp nơi. Hệ-thống tổ chức của họ bao gồm khắp các

trường Đại-Học Hoa-kỳ. Bởi vì thiếu lý-
tưởng tranh đấu, nên đông đảo thanh niên
Hoa-kỳ đã nghe theo họ. Mặc dầu sự
khôn khéo của T. T. Nixon, tiếng nói của
nhà cầm quyền đã không thấm được vào
các họ-đường. Chưa bao giờ một vị
Tổng-thống Hoa-kỳ phải đứng trước
một áp lực mạnh mẽ như vậy; áp lực
đó có vẻ cứ mỗi ngày một tăng-gia
nếu ông Nixon không giữ trọn được các
lời hứa.

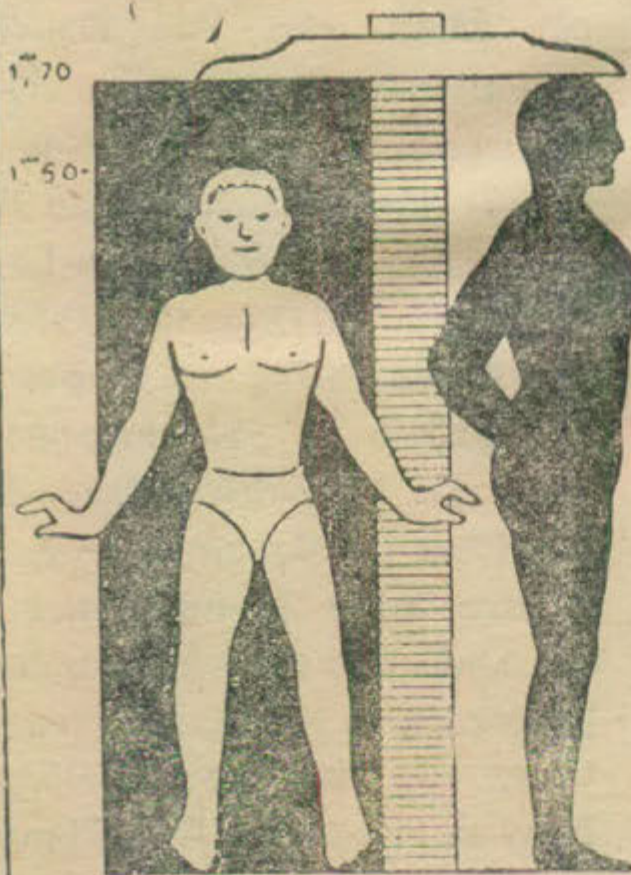
Vấn-đề không phải chỉ là sự thất cử
của đảng Cộng-hòa mà có khi còn là sự
sụp đổ của cả chế-độ dân-chủ ở Hoa-
kỳ, nếu Tổng-thống Nixon và các
cộng sự viên của ông không sớm tìm ra

một giải pháp, không giải-quyết trọn
vẹn được các yêu-sách của thanh-niên
thì ít ra cũng xoa dịu được dư-
luận sô-bông của dân chúng. Cuộc tranh
đấu của sinh viên học sinh càng kéo dài
càng biến tịch và sẽ trở nên cơn ác
mộng số một của các nhà cầm quyền
Hoa-kỳ. Nếu nguyện-vọng của họ không
được thỏa mãn, tất nhiên các tầng lớp
thanh-niên Hoa-kỳ sẽ dần dần thấy con
đường tranh đấu duy nhất của họ là con
đường của thanh-niên tả phái. Lúc đó
nhà cầm quyền có chụp mũ họ thì cũng
đã muộn rồi.

VIỆT - PHƯƠNG

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHỔI .
- MỆT MỎI .

S6 KN 28 MBYT/QCPD

Thời-sự Thế-giới

T U R - T R I

Việc Tổng-thống Hoa-kỳ quyết định đem quân sang tiêu diệt các hệ thống của Việt-cộng và quân Bắc-Việt ở Cam-bốt tới nay đã được một tháng, nhưng dư luận quốc-tế cũng như dư luận Hoa-kỳ vẫn tiếp tục bàn cãi sôi nổi. Hơn nữa sáng kiến của ông Nixon lại còn có những kết quả bất ngờ trên trường quốc-tế, nhất là trên chính-trường Á-châu. Thật vậy, tại Trung-Đông sự can thiệp mỗi ngày một mạnh của Nga tại các quốc-gia Á-Rập đã là một trong những lý do khiến ông Nixon phải biểu dương lực lượng. Và sau khi Hoa-kỳ quyết định đưa quân sang Cam-bốt quân đội Do Thái hình như đã được một phần nào khích-lệ trong các hành động chống trả quân Á-Rập.

Tại Á-châu, sự can thiệp của Mỹ ở Cam-bốt đã khiến cho Nam-Dương sau 5 năm lull mờ, được dịp tái xuất như một đại cường. Bất ngờ nhất là sự can thiệp của Mỹ ở Cam-bốt làm cho cuộc tranh chấp ý-thức-hệ Nga-Hoa, lắng dịu từ khi ông Krouchtchev bị hạ bệ vào tháng 12-1964, tới nay lại có dịp bùng lên.

Chiến-tranh tiếp-tục mở rộng sang Cam-bốt

Gần một tháng sau khi lên quân Việt-Mỹ tràn sang Cam-bốt, các chiến dịch «lùng bắt và tiêu diệt địch» vẫn tiếp tục. Tuy các cán bộ cao cấp Cộng-sản đã trốn thoát khỏi vòng vây của quân đội Việt-Mỹ hay đã tẩu thoát trước, nhưng một số rất lớn các cơ-sở quân

sự của phe Cộng-sản đã bị phá hủy; vũ khí, đạn dược, thuốc men bị tịch thu; tính đến nay; trên 7000 quân cộng-sản đã bị tử thương. Trong những ngày đầu, liên quân Việt-Mỹ không gặp một sức kháng cự nào mạnh vì địch đã rút lui trước, nhưng giờ đây họ đã bắt đầu chống trả mãnh liệt.

Trước sự phẫn nộ của Thượng Nghị-vận, trước các cuộc biểu tình đẫm máu của sinh viên và học sinh trên toàn quốc, ông Nixon đã ở trong một tình trạng vô cùng khó khăn. Tại ngoại quốc, nhiều đồng-minh của Hoa-kỳ cũng không ủng hộ ông. Tại Đan-Mạch, một quốc-gia hội viên của Minh-ước Bắc-Đại-tây-dương, một tờ báo đã viết rằng: «Giờ đã đến lúc người ta phải nhận định rằng mối đe dọa lớn nhất cho tự-do là ông Nixon». Ngoại-trưởng Hòa-Lan Joseph Luns tuyên bố rằng: «Tuy thông cảm với ông Nixon nhưng chính phủ Hòa-Lan không bắt buộc phải ủng-hộ hành-động của ông». Tổng-thống Pháp Pompidou, khi được tân Đại-sứ Hoa-kỳ Arthur K. Watson trình ủy-nhiệm-thư đã vượt qua hình-thức nghi-ễ của buổi diện kiến bằng cách tỏ ra lo ngại trước sự «leo thang của bạo-lực ở Đông-Dương». Ngay cả Thủ-tướng Anh, Harold Wilson, người xưa nay luôn luôn ủng hộ chính sách Việt-Nam của Hoa-kỳ, cũng phải tuyên bố trước Quốc-hội là ông rất ngại ngưng và lo lắng về vụ này.

Tại Thuợng-viện Mỹ, người ta cũng đang có phong trào tu chính Hiến-pháp để giới hạn quyền của Tổng-thống trong lãnh vực quân sự. Đồng thời trên toàn quốc, các sinh-viên học sinh biểu tình phản đối. Tại tiểu-bang Ohio, 4 sinh viên của trường Đại-học Kent State đã bị cảnh sát bắn chết. Ngay trong nội các của ông Nixon có nhiều Bộ trưởng cũng tỏ ra bất đồng ý kiến với ông. Bộ trưởng Nội-vụ Hickel đã gửi một bức thư cho Tổng-thống Nixon để tỏ cảm tình của ông đối với sinh viên và học sinh. Ông Hickel còn được hậu thuẫn của Bộ trưởng Ngoại-giao Rogers và Bộ trưởng Quốc-phòng Laird.

Trước những sức chống đối mạnh mẽ như vậy, ông Nixon chỉ có một lối thoát là thắng lợi lớn ở Cam-bốt. Ông hy vọng rằng những chiến thắng ở Cam-bốt sẽ làm cho dân chúng thông cảm với tinh thần trách nhiệm của ông và đồng thời cũng tha thứ lỗi lầm cho ông. Thật vậy, lỗi lầm của ông Nixon là không chuẩn bị dư-luận trước khi quyết định mà lại đặt quốc-dân trước một sự đã rồi. Mười hôm trước khi tuấn bố rút 125.000 quân trong vòng một năm tới, ông cho người ta cảm tưởng rằng chiến tranh đang xuống thang. Và mười ngày sau, ông đột ngột quyết định mở rộng chiến tranh sang Cam-bốt chỉ là để bảo đảm cho cuộc rút quân được vẹn toàn và an ninh, nhưng dân chúng không hiểu nổi những khúc mắc của chính-trị như vậy.

Tuy nhiên, thời gian hầu như đã chứng-minh được là ông Nixon có lý. Những vụ chống đối đã lắng dịu song song với những chiến-lợi-phần của cộng-sản bị tịch thu, những cơ-sở của cộng sản bị phá vỡ. Thuợng-viện đã quyết nghị là quân đội Mỹ phải triệt-

thoái khỏi Cam-bốt vào 30 6-1970 đúng như dự-tính của ông Nixon. Tổng-thống Nixon hy vọng rằng từ nay tới ngày 30 6-1970 ông sẽ ra trước quốc-dân như là một người chiến thắng.

Có một điều khích-ệ ông Nixon hơn cả là phản-ứng quá yếu ớt của Nga. Trong buổi họp báo đầu tiên từ khi lên nắm chính quyền, Thủ-tướng Nga Kossyguine đã lên án ông Nixon là «không hành động phù hợp với chính-sách đối-ngoại mà ông đã công bố». Các quan-sát-viên đều đồng thanh cho rằng những lời lẽ của ông Kossyguine chỉ là một sự tố-cáo chiếu-lệ mà thôi. Vì tuy nói rằng «hành động của ông Nixon có thể tạo một tình-hình quốc-tế rắc rối» nhưng ông Kossyguine không hề đề-cập tới phản-ứng của Nga. Người ta có cảm tưởng rằng Nga « trả lễ » Hoa-kỳ sau vụ Tiệp-khắc vì vào tháng 8-1968, khi Nga xâm lăng Tiệp-khắc, thì Mỹ cũng có thái-độ như Nga hiện thời.

Trung - Đông : kỷ - niệm năm thứ 22 ngày thành lập quốc-gia Do-thái

Hàng năm cứ mỗi lần kỷ-niệm ngày lập-quốc, dân-tộc Do-thái lại vui mừng vì nhờ tinh-thần chiến đấu của họ, quốc-gia Do-thái đã thọ thêm một năm nữa. Nhưng họ cũng không kém ưu tư trước tương lai. Họ tự hỏi không biết vào ngày này sang năm họ còn được kỷ-niệm ngày lập-quốc nữa hay không ?

Thật vậy, từ đầu năm nay không-quân Do-Thái không còn mạnh mẽ như huyền-thoại mà người ta đã tạo ra về nó nữa. Nhờ có Nga tích-cực ủng-hộ quân-sự, các địa-điểm trọng yếu của Ai-cập giờ đây đã được bảo-vệ hữu hiệu bằng

những dân lỏai-tiểu « địa-không » (S.A. M-3) vì vậy mà không những không-quân Do-thái khôn, đim tấn-công Thủ-đô Le Caire, thành phố Alexandrie, đập Assouan, mà còn lo sợ Ai-cập dùng hỏa-tiểu « địa-địa » để oanh tạc lãnh thổ Do thái nữa.

Tuy không đim phiêu-lưu vào sâu trong lãnh-đồ A.-cập, nhưng Do-thái lại dồn mọi nỗ lực quân-sự để tấn công Ai-cập ở vùng kênh Suez. Mặt khác vì quân giải-phóng Palestine luôn luôn tấn công vào các nô-lợ-trại của Do-thái ở vùng Galilée nên chính phủ Tel-Aviv đã quyết-định chinh-phạt Liban. 800 quân Do-thái và 60 chiến-xa đã xâm nhập vào lãnh-thổ Liban để mở một chiến-dịch chưa từng thấy từ năm 1967 tới giờ. Cuộc hành-quân này đã kéo dài 32 tiếng đồng hồ nhưng không mang lại kết-quả gì nhều vì không những số địch quân bị giết hại rất ít mà ngay sau khi quân Do-thái rút về quân giải-phóng Palestine đã lại xuất hiện.

Tại Liên-hiệp quốc, Hội-đồng Bảo-an đã đồng thanh yêu cầu Do-thái phải rút khỏi lãnh thổ Liban. Đại-diện Nga đã nổi lên hai vụ Cam-bốt và Liban bằng các tổ cáo « Mỹ xâm lăng Cam-bốt cùng một lúc với Do-Thái xâm lăng Liban ». Nhưng cũng vì Nga nổi lên 2 vụ Liban và Cam-bốt nên tại Hoa-thịnh-đốn người ta hy vọng rằng, sau khi Mỹ kho trương lực-lượng tại Cam-bốt Nga sẽ dè dặt hơn trong việc can thiệp của họ ở Trung-Đông.

Á châu : cả phe cộng sản lẫn phe tự-do bắt đầu hoạt động mạnh

Vụ Hoa-kỳ can thiệp tại Cam-bốt đã khiến cho các lực lượng chống Cộng tại Á-châu thức tỉnh và ý-thức được

những đe dọa của Cộng-sản. Thật vậy, sau 5 năm trời lu mờ trên trường quốc tế vì những khó khăn nội bộ, Nam-Dương đã tái xuất hiện với tư cách một đại cường quốc Á-Châu. Nhân vụ Cam bốt, chính phủ Djakarta đã triệu tập một hội nghị 12 quốc gia Á châu gồm có Tân-tây-lan, Úc, Nam-dương, Nhật, Phi-lật-tân, Mã lai Á, Thái-lan, Tân-gia-ba, Đại-hàn, Nam-Việt Lào và Cam-bốt, để tìm một phương thức bảo-vệ nền trung-lập của Cam bốt. Tuy thật sự không ai hy vọng gì ở hội-nghị này, nhưng Nam-Dương đã lợi dụng cơ hội để xuất hiện trên trường quốc tế, lấy lại uy tín đã mất. Nhưng nếu ngày trước Nam-Dương, dưới sự lãnh đạo của Sukarno, là một đại-cường thuộc phe trung lập thân Cộng, thì giờ đây Nam-Dương của tướng Suharto đã xuất hiện bên cạnh các quốc-gia chống Cộng.

Sau 4 năm cầm quyền, tướng Suharto, Tổng-thống Nam-Dương hiện đã ổn định được tình-hình và đã bắt đầu nghĩ tới việc tái lập uy-tín quốc-tế cho nước ông. Trong khuôn-khò chính-sách đối ngoại mới ông Suharto đã viếng thăm Thái-lan và Mã-lai-Á. Ông sẽ đi thăm Hoa-kỳ để củng cố liên lạc giữa Hoa-kỳ và Đông-Dương đồng thời bàn cãi về vấn-đề tiếp tục viện trợ kinh tế cho Nam-Dương.

Với vai trò mới của Nam-Dương trong phong trào chống Cộng tại Á-châu, khỏi các quốc-gia chống cộng-sản ở Á-châu ý-thức được những đe dọa của khối Cộng sản, nên họ đã bắt đầu tổ chức một Mặt trận thống nhất để làm rào cản bước tiến của Bắc kinh. Tổng-trưởng Ngoại giao Cam bốt đã sang Saigon và sẽ sang Bangkok để bàn cãi về chiến lược mới cùng nổi lại bang-giao với hai nước láng giềng. Phó Thủ-tướng

Thái-Lan cũng đã cầm đầu một phái đoàn quân sự sang Cam-bốt thăm dò tình hình tại chỗ.

Phe Cộng sản cũng hoạt động không kém. Thái tử Sihanouk đã hội đàm với Phạm-văn-Đông, Nguyễn-hữu-thọ, và Souphacuvong để lập một Mặt trận Cộng sản Đông Dương. Trước thái độ quá hòa-hoãn của Nga đối với Mỹ, trọng tâm của cách mạng vô sản đã chuyển từ Mạc-tư-khoa sang Bắc-kinh. Trung-cộng nay được hãnh diện là có Thái-tử Sihanouk và « Chính-phủ hoàng-gia » của ông đặt đại bản-doanh tại Bắc-Kinh.

Ngày 20-5 vừa qua, chính Mao-Trạch Đông, trong một bản thông-điệp, đã chủ trương chiến đấu đến cùng. Với bản thông-điệp này Mao đã tuyên chiến với Mỹ và đích thân cầm đầu phong trào cách-mạng cộng-sản tại Á-châu và Phi-châu.

Nhưng cũng vì vậy mà cuộc tranh chấp ý-thức-hệ giữa Nga và Trung-Cộng lắng dịu từ nhiều năm qua, đã lại bùng lên. Từ khi Krouchtchev bị hạ bệ tới giờ, cuộc tranh chấp Nga-Hoa chuyển

sang giai-đoạn chính-trị, nên không có những bài n'ò quan trọng về lý-thuyết. Đến ngày 17-5 vừa qua, trong một bài dài 6000 c'ữ, tờ Pravda đã đả kích Trung-Cộng gây hấn, chủ trương chiến tranh để thực hiện giấc mơ Đại-Hán.

Trong ngày 19-5-1970 trong bản thông-điệp gửi Trung-ương Đảng Cộng-sản Bắc-Việt nhân ngày kỷ-niệm sinh-nhật thứ 80 của Hồ-Chí-Minh, Đảng Cộng-sản Trung-hoa đã chủ trương đánh đến cùng và ngày 22-5 nhân dịp kỷ-niệm năm thứ 50 ngày thành lập đảng Cộng-sản Nam-Dương, Trung Cộng đã gửi cho Trung-ương Cộng - đảng Nam-Dương một bức thông-điệp cho rằng chỉ vì đường lối xét lại của Nga mà đảng Cộng-sản Nam-Dương bị tan rã.

Nga-sô càng hòa hoãn, càng chú trọng đến chính-sách sống chung hòa-bình, thì hố sâu giữa Trung-Cộng và Nga-sô lại càng được khơi rộng, phong trào Cộng-sản quốc-tế lại càng rạn nứt lớn hơn.

TỪ-TRÌ

Sách thiếu nhi

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được, do nhà xuất bản Trùng Dương gửi tặng, một số sách thiếu nhi sau đây:

— **Bảy bộ xương người**, truyện rừng rợn của Lưu Nghi.

— **Dũng sĩ làng Bằng Sơn** truyện dũng cảm của Phong Sơn.

— **Chàng trai Trường Sơn**, truyện miền Thượng của Hoàng Thu Đông.

— **Ông Ba-Móng**, truyện thú vật của Hoàng Trúc Ly.

Những sách trên đây khổ 24×31 dày 32 trang, nội dung rất hợp với thiếu nhi, bìa do Duy Liêm vẽ rất đẹp. Giá mỗi cuốn 20đ.

SINH HOẠT

THỜI SỰ KHOA HỌC

Rắc rối về chiếc vòng xoắn

Người đàn bà có một lựa chọn ngộ nghĩnh : thà có trong bụng một chiếc vòng xoắn còn hơn là có một đứa con trong đó. Chiếc vòng xoắn hình ruột gà mềm mại, một khi được đặt bên trong tử-cung rồi thì rất dễ bị quên lãng. Tuy vậy nó là phương-pháp ngừa thai thông dụng đứng hàng thứ hai sau vai trò của viên thuốc ngừa thai và không gây hậu-quả tai hại gì cho người dùng.

Trong một cuộc nghiên cứu mới đây của bác sĩ William Ober, ông nhận thấy chiếc vòng xoắn không hoàn toàn vô hại như trên lý-thuyết. Trong một nhóm phụ-nữ được khảo-sát, ông thấy 25% sau khi dùng vòng xoắn trong khoảng một năm rưỡi, người đàn bà cảm thấy đau ở dạ dưới và đôi khi chảy máu bất thường. Một tỉ lệ khá lớn có màng tử-cung bị biến đổi ít nhiều do sự cọ sát trực tiếp với vòng xoắn. Sự biến đổi này có thể dẫn đến việc xuất hiện của các cơ-cấu ung-thư trong tử-cung.

Cho hay việc cai đẻ cũng muôn phần rắc rối.

LSD : Thalidomide của thế-gới hippie

Cách đây không lâu, giới y-học đã nêu lên một trường hợp quái thai mà cha mẹ là 2 đảng hippies chính-hiệu và đã quy-định tội-trạng cho loại L.S.D, thứ ma túy mà các đảng hippies đang

xài như điên để quên đời. Người ta cũng tưởng đó chỉ là một trường hợp tình cờ không có liên quan gì đến quá khứ hippie của cha mẹ đứa bé xấu số. Trong một cuộc khảo cứu mới nhất về độc tính của LSD trên các trẻ sơ sinh của hai bác sĩ Cecil B. Jacobson và Cheston M. Berlin : quái thai không còn là một chuyện tình cờ nữa. Trong số 112 sản phụ trước đó đã có dùng một số liều LSD khá cao, Berlin nhận thấy có 12 trường hợp xảy thai, 53 trường hợp phải cho sanh non để cứu người mẹ. Tỉ-lệ xảy thai như thế cao gấp 2 mức bình thường và trong số 14 trường hợp phải cho sanh non được đem ra nghiên cứu, có tới 1/3 hài nhi đã được coi như bất thường. Những bất thường này hay có ở não và tủy xương sống. Như chứng não - thủy - thủng trong đó óc đứa bé bị hủy hoại và đầu bị phình to ra vì có nước trong các não-thất.

Về phương - diện di - truyền - học, những nhiễm-sắc-thể của các đứa trẻ này lại bình thường. Đây là một điều khá bất ngờ, vì cách đây 3 năm một cuộc khảo-sát khác đã chứng tỏ rằng những người dùng LSD đều có một số lớn tế-bào chứa những nhiễm-sắc-thể bị gãy vỡ.

Nghiệp hippie không chừng sẽ bị thất truyền !

Du đấng bầm sinh

Nếu các người điên khùng, trong những cơn mê loạn được đồng loại nhìn với con mắt thương hại và tha thứ thì các đấng hippie, du đấng, những đứa trẻ hay gây gỗ và chống đối cũng phải được những cái nhìn tha thứ như vậy. Bởi vì cả hai hạng người trên đều là nạn nhân của bệnh tật, của số phận khốn nạn đã dành cho họ — họ không thể không điên khùng cũng như không thể không du đấng.

Vấn-đề bắt đầu từ lúc các nhà khảo cứu người Anh nhận thấy một số lớn đáng ngạc nhiên các người tội phạm trong xứ họ có một mẫu nhiễm-sắc-thể là XYY thay vì XY như những kẻ bình thường. Tên sát nhân khát máu nhất trong lịch-sử hiện-đại của Mỹ đã từng giết và hãm hiếp một lúc 8 người nữ y-tá trong một cơn bất nã, cũng có một mẫu nhiễm-sắc-thể XYY. Như thế phải chăng khoa-học đã xác nhận có một hạng người, từ lúc mới chào đời, đã mang trong mình mầm mống của tội ác. Tội ác không còn do ảnh-hưởng của sự giáo-dục, của môi-trường xã-hội mà đứa trẻ đang sống, tội ác không còn từ đầu óc của tên sát nhân nữa — nó đã được thành-hình từ lúc đứa bé còn trong trứng nước và đứa bé được sinh ra để sau này trở thành một con người chống đối xã-hội, để trở thành một tên sát nhân. Nếu đó là sự thật thì những tên sát nhân đó phải được trắng án trước tòa-án, như những người điên không chịu trách-nhiệm về hành động của mình.

Tại Hoa-kỳ, trong tháng vừa qua dư-luận của giới phụ-huynh đã chống đối dữ dội ý-kiến của bác-sĩ Arnold

Hutschnecker khi ông này định tổ chức một cuộc khám-nghiệm tâm-lý quy mô cho những đứa trẻ sớm phạm tội. Cha mẹ của chú g tin tưởng rằng con cái của họ vẫn có thể trở thành những công dân lương-thiện như mọi người, chúng phạm tội vì trí óc chưa đủ khôn lớn. Dư-luận chống đối chưa kịp dịu xuống thì một tháng sau, một nhà di-truyền-học, bác-sĩ Digamber Borgaonkar của bệnh-viện John Hopkins, lại muốn khảo sát những đứa trẻ có khuynh-hướng chống đối xã-hội về phương-diện di-truyền-học. Ông muốn tìm một bằng cứ chính-xác cho giả-thuyết tội ác bẩm sinh, do sự hiện-diện của các nhiễm-sắc-thể XYY. Cuộc khảo-sát được thực-biến trên 6500 đứa trẻ từ 8 đến 18 tuổi bình thường và 6500 thiếu-nhi phạm-pháp. Dự định của Borgaonkar bị chống đối dữ dội và phải bỏ dở nửa chừng.

Tuy nhiên kết quả sơ khởi cho thấy trong số 1.500 thiếu-nhi được thử-nghiệm không có trẻ nào có mẫu nhiễm-sắc-thể XYY cả.

La-de : một thánh-được để trị bệnh già

Một ông cụ già suốt đời không uống một ngụm rượu bỗng đứng trở chứng chén thù chén tạc cả ngày 1 m cho con cháu cứ tưởng ông cụ uống rượu tiêu sấu. Mà quả « dụng tửu phá thành sấu » thật. Nhưng ông cụ không phải uống như ngày xưa Phạm-Thái cố mượn men nồng để quên đi hình bóng của nàng Quỳnh-Nương. Ông cụ cần uống để tỉnh chứ không phải để say.

Phần lớn những bệnh thần-kinh của người có tuổi là do chứng cứng mạch máu làm cho số lượng máu nuôi dưỡng tới óc bị giảm xuống, các tế-bào thần-

kinh mong manh sẽ bị chết dần và hậu quả là trí óc không còn minh-mẫn nữa. Bác-sĩ Ching-Piao-Chien, gốc người Trung-hoa, nhận thấy số bệnh-nhân quá 65 tuổi đến điều trị tại các bệnh viện thần-kinh nhiều gấp đôi bệnh nhân ở các lứa tuổi khác. Các loại thuốc an thần và các phương-pháp vật-lý trị liệu tỏ ra không thích hợp. Bác sĩ Chien nhận thấy rượu có tính chất làm cho các mạch máu dẫn nở (uống rượu thường hay bị đỏ mặt) nên cho rằng nó có thể có ích cho việc trị-

liệu chứng bệnh thần-kinh nơi người già. Trong một cuộc thí nghiệm của ông trên 40 bệnh nhân, tất cả đều quá thất tuần, tác dụng của rượu vượt xa các phương-pháp trị-liệu cổ-điển.

Trong bệnh viện của ông tại Boston, rượu bia đã được liệt-kê như một thứ thuốc: dành riêng để trị liệu các chứng bệnh thần-kinh cho các bệnh-nhân có tuổi. Liều thuốc: mỗi ngày 1 hộp (nhiều hơn một xí!).

TỬ D.ỆP

THỜI SỰ VĂN-NGHỆ

Phim của Robbe-Grillet

Alain Robbe-Grillet mỗi lúc một say mê thêm công việc làm phim. Người của tiểu-thuyết-mới đang biến hóa thành một người của điện-ảnh-mới.

Cuốn phim mới nhất của Robbe-Grillet là *L'Eden et après*. Đây không phải câu chuyện ở vườn địa đàng. Eden chỉ là tên một quán cà phê. Nhưng ở quán cà phê hay ở vườn địa đàng vẫn có chỗ giống nhau: vẫn có những trường hợp không cần y-phục cho người.

Phim của Artur London

Thứ điện-ảnh-mới của Robbe-Grillet có lẽ lúc này không còn làm dư luận chú ý mấy nữa, ít ra là không chú ý bằng phim *L'Aveu* của một số nhà văn khác.

Đây cũng lại là phim của nhà văn. Rất nhiều tên tuổi: nào là Artur London, nào là Jorge Semprun, Yves Montand, nào là Simone Signoret. Phần nhiều là những nhà văn tả phái, lắm kẻ đã là đảng viên Cộng-sản. Và họ làm phim *L'Aveu* để

tố cáo mộ. khía cạnh xất xa của Cộng-sản.

Trên tạp-chi này, chúng tôi đã có lần nói về cuốn *L'aveu* của Artur London. Tác giả là đảng viên cộng-sản Tiệp-khắc, đã từng chiến đấu trong hàng ngũ kháng chiến Pháp chống Đức quốc-xã, đã từng làm Thứ-trưởng Bộ Ngoại-giao của Tiệp-khắc. Thế rồi, một hôm ông bị mật vụ bắt, tra tấn, hành hạ đủ điều, đưa ra một phiên tòa xử với những trò man trá trắng trợn: cả nhóm 14 người, 11 người bị xử treo cổ. Tác giả bị án chung thân.

Năm 1968, dưới thời Dubcek, vụ án được xét lại, và Artur London được trả tự do. Ông viết hồi ký, và Costa Gavras đem hồi-ký ấy ra làm phim.

Tất cả những nhà trí thức tả phái này không nhằm đả phá chủ nghĩa cộng-sản; trái lại họ nhằm bênh vực cộng-sản. Cuốn phim kết thúc bằng giọng chữ mà thanh niên Tiệp-khắc đã kẻ lên các vách tường Prague, ngày mà thành phố này bị xe tăng Nga

sô tràu ngâp : «Hỡi Lénine, dậy mà xem, bọn chúng phứt đ ên cả rồi. »

Nhưng « b. n chúng » là tất cả những người điều khiển các nước Cộng-sản, còn tổ cáo bọn chúng lại chỉ là những kẻ mơ về một chế-độ Cộng sản chưa bao giờ có.

Tổng-thống bị đem bán

Vừa rồi Tổng-thống Pháp Georges Pompidou đã kiện đòi thu Lỗi một số báo *L'Express* không phải vì một bài công kích chính phủ, xuyên tạc chính-sách, loan tin bậy, hay khiêu dâm v.v.. Mà chỉ vì một cái hình quảng cáo.

Nguyên một hãng làm du thuyền đã lợi dụng một bức hình chụp G. Pompidou để quảng cáo cho máy hors board của mình Tổng-thống Pháp không muốn bị đem ra bán như thế. Tòa chiều ý ông.

Việc chiều ý ấy lắm lúc rất tế-nhị. Tòa đã không chiều được Henri Charrière, tác giả cuốn *Papillon*, khi ông ta kiện đòi tịch thu tác phẩm của Georges Ménéger vì đã tiết lộ đời tư của ông. Tòa đã không thỏa mãn Günther Sachs, ông chồng cũ của Brigitte Bardot, khi ông ta kiện đòi tịch thu một số báo *Lui*.

Vấn đề bảo vệ đời tư của cá nhân bây giờ là một vấn đề rắc rối trước pháp luật. Bởi vì phong trào viết Hồi-ký, phóng-sự, nhật-ký v.v... đã nhất tề xông vào đại-náo đời tư của các danh-nhân. Nhiều khi lại do chính các danh nhân gây ra. Và phong-trào ấy khó ngăn chặn, vì rõ được quần-chúng hoan nghênh, nó đáp ứng đúng sự tò mò của quần chúng, nó phát triển đúng theo chiều-hướng nhu cầu của kỹ-nghuyên thông-truyền đại-chúng (mass-media).

Nước Nhật : địa-chi của tương-lai

Đi dự hội-chợ Osaka về, Françoise Giroud phát ngán về sức đọc của dân Nhật : mỗi ngày họ ngốn 45 triệu tờ báo. Trong khi ấy dân Pháp chỉ đọc 12 triệu tờ : Ít hơn 4 lần !

Còn đồng bào ta, dường như mức tiêu - thụ chưa đến nửa triệu tờ báo mỗi ngày : Ít hơn Nhật 20 lần, đối với một dân số tương đương.

Triết - gia cộng - sản Pháp, Roger Garaudy, cũng vừa đi dự hội chợ Osaka. Thực ra là ông đi họp một cuộc hội-nghị ở gần đấy : tại Kyo'ô.

Hội nghị họp một tuần, qui tụ 280 nhà tương-lai-học (futurologue) trên thế-giới để bàn về cái ngày mai của nhân-loại.

Không biết các vị học-giả có thỏa thuận được với nhau về một hướng tiến về tương lai chăng, chỉ biết trong hiện tại họ có nhiều dị biệt. Ngay cả cái quan-niệm của họ đối với môn nghiên-cứu của họ, cũng đã khác nhau. Ông Hoa-kỳ Herman Kahn thì tự xưng là nhà tương - lai-học (futurologue). Ông Đức Robert Jungk thì cho mình là một tiên-liệu-gia (prév.sionniste). Ông Pháp Bertrand de Jouvenel thì tự xem là nhà nghiên cứu về «những tương lai khả dĩ » (futuribles). Futuribles đúc kết hai chữ futurs possibles : ý nghĩa cao thâm là thế.

Sự rắc rối về danh-từ cũng phản ảnh dăm ba sự rắc rối khác : ông Pháp chê ông Mỹ Hermann Kahn là học-giả có khiêu buôn bán, lòe đời. Ngược lại, Pháp chỉ có sự khiêm tốn và những lời... chỉ trích vừa rồi !

Thơ điên

Tập thơ dị kỳ này, do "Thái Bình Diên-Quốc" xuất bản, góp lại một số thơ tuyển của 7 người điên thực, trong thời kỳ các nhà thơ này được điều trị tại Dưỡng-trí-viện Biên-hòa — cũng do đó mà có tên là "THƠ ĐIÊN... THỨ THIẾT". Trong số 7 tác giả có 2 người rất quen thuộc với bạn đọc là Bùi Giáng và Nguyễn Ngụ Í.

Mỗi bài thơ đều có in đối chiếu, một bên là in theo cách viết thường của "thế giới người tỉnh" một bên là in theo cách viết đặc biệt của "Thái Bình Diên Quốc" (thí dụ: Ki-Gob-Jó Cl...)

Mỗi tác giả đều có tiểu sử và có nhận xét của bác sĩ Nguyễn-Tuấn-Anh về bệnh trạng của nhà thơ qua các bài thơ in trong tuyển tập.

Bác sĩ Nguyễn-Tuấn-Anh, Giám đốc Dưỡng-trí-viện Biên-hòa, là người đã bỏ ra ngót 200 000đ để xuất bản tập *Thơ Điên* trên. Tính ra mỗi cuốn giá vốn đã gần 200đ mà giá bán cũng chỉ có 200đ. Người bỏ vốn chắc là bị lỗ rồi, dù cho có bán hết cả số sách xuất bản. Đó cũng là một việc làm khác thường của một bác sĩ tận tâm với những người bệnh khác thường.

Nhà văn Nguyễn Hiến Lê khi đọc tập *Thơ điên* này có ngỡ ý tại: sao Bác sĩ Tô Dương Hiệp chỉ viết có 2 trang mà lại không làm một bài nghiên cứu độ vài ba chục trang về các nhà thơ điên

— Vì đâu họ điên? Lo điên trước rồi mới chữa đời? Rồi xã hội mới làm cho điên thêm chứ?

— Hạng điên trong thời bình có khác hạng điên trong thời loạn ra sao không?

— Thi sĩ, văn sĩ điên, có khác người thường mà điên không?

— Thi sĩ, văn sĩ điên phe đàn ông có khác phe đàn bà không?

— Khi họ điên, họ làm thơ làm văn ra sao? Viết một mạch, có sửa chữa gì không? Họ có cảm giác, cảm xúc gì?

— Làm thơ làm văn xong, họ thấy dễ chịu không?

— Thi sĩ, văn sĩ điên có dễ trị hơn hạng người thường mà điên không?

— Bùi-Giáng điên theo cách thức ra sao? Khác Ngụ-Í điên thế nào? v.v...

Đề góp với Y-khca và cũng đề thỏa mãn óc tò mò của độc-giả.

Xuất bản hấp hối

Với giá chợ đen giấy báo tăng lên trên 1.000đ (trước đây 380đ), với công in tăng theo giá giấy, các nhà xuất bản không chuyên nghiệp hoặc chuyên nghiệp mà chú trọng về văn-hóa hơn là thương mại đều đang hấp hối. Nhưng trước khi rút hơi thở cuối cùng các nhà xuất bản này muốn cất lên một tiếng kêu than căo thấu tới tai các bạn đọc của mình.

Đó là lý do của cuộc họp mặt của một số nhà xuất bản, Lá Bối, An Tiêm Thái Độ, Ca Dao, Thời Mới v.v... với các nhà văn vào chiều ngày 31-5-70 này để "thảo luận và góp ý về những khó khăn của sinh hoạt văn nghệ hiện tại."

Trước năm 1970 các nhà xuất bản đều chuyên nghiệp, có vốn lớn và số lượng có thể đếm trên đầu ngón tay. Rồi sau một thời kỳ bế tắc — có tác phẩm mà không ai nhận xuất bản — đến thời kỳ xuất hiện các nhà xuất bản nhỏ, nhà xuất bản do những người viết văn đảm trách để trước hết in lấy tác phẩm của mình... Rồi tới các năm 64, 65, 66 là thời kỳ thịnh đạt nhất của ngành xuất bản

— Cũng là thời kỳ mà các nhà xuất bản đua nhau săn tìm tác phẩm; các nhà văn ăn khách được o bế, có khi được trả tác quyền trước khi có tác phẩm. Các năm 67, 68, 69 là năm đông đảo nhà xuất bản nhất mặc dầu vì biến cố Mậu-Tân, vì tình hình kinh tế xuống dốc, mãi lực của người đọc sách sút kém, nên sách bán nói chung rất chậm. Bây giờ tất nhiên sẽ chỉ còn lại mấy nhà xuất bản chuyên nghiệp có vốn lớn, và ngành xuất bản lại quay về tình trạng như hơn 10 năm trước!

Giải thưởng Văn chương của Tổng thống năm nay có lẽ sẽ chỉ còn phát cho những sách do Trung Tâm Học Liệu của Bộ Giáo dục và do Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa ấn hành vì chỉ có nhà xuất bản nhà nước là còn hoạt động được mà thôi.

Giải thưởng 1970 của Bút Việt

Năm nay Trung tâm Văn bút Việt-Nam (36/59 đường Cô Bắc Saigon) đã quyết định treo giải thưởng về 2 bộ môn: *Thi Ca* và *Nghiên-cứu Lịch-sử*:

— Một giải thưởng độc nhất về Thi ca: 60.000đ.

— Một giải thưởng độc nhất về Nghiên cứu Lịch sử 60.000đ

Các tác phẩm dự thi đều là những bản thảo chưa từng xuất bản (xuất bản lúc này cũng khó quá!). Thời-hạn dự thi từ nay đến 15-11-70 và ngày tuyên bố kết quả là 15-12-1970.

Người ta còn nhớ năm vừa qua (1969) 2 giải biên-khảo đã được trao cho tác giả Lê Hương và Lê Quang Nghiêm (đều có bài đăng trên Bách-khoa ở số này). Hai người được giải cũng là hai anh em ruột.

THU THỦY

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ-huật, bài "Nghĩ về phong trào sinh viên" của Giáo sư Nguyễn Văn Trung phải dành cho số tới. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn đọc và giáo sư Nguyễn Văn Trung.

Tòa soạn Tạp chí BÁCH KHOA

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

từ tháng 5/70

trên bản nguyệt-san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	3.000 đ.
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2.000 đ.
o o o				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2.800 đ.
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1.400 đ.
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	700 đ.

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên, có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty quản-lý tạp-chí Bách-Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ. T. 25.539

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Tôn giáo là gì?** của John Yale viết theo lời của Đại sư Vivekananda, bản Việt dịch của Vương Gia Hân, do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 390 trang gồm 7 chương và phần ngữ-vị, có lời giới thiệu của Christopher Isherwood, Giá 420đ.

— **Ngày đó chúng mình yêu nhau** tập tuyển 14 bài hát tình yêu của Phạm Duy, (nhạc và lời) phụ bản của Duy Thanh, bài của Nguyễn Trung, ấn loát rất mỹ thuật do An Tiêm xuất bản Giá 150đ

— **Phép lạ Nhật Bản** của Nguyễn Quốc Dân do tác giả gửi tặng Sách dày 53 trang nói về kinh nghiệm phát triển kinh tế của Nhật-bản. Giá 100đ.

— **Đâu là căn nguyên tư tưởng?** hay « con đường triết lý từ Kant đến Heidegger » của Lê-Tôn-Nghiêm do Trình Bầy xuất bản và gửi tặng. Sách dày 450 trang gồm 4 chương biên soạn công phu. Bản đặc biệt. Giá bản thường 380đ.

— **Henri Dunant** Thủy Tồ Hồng thập Tự của Bà Minh-Quân, do Tủ sách Hồng Thập Tự Việt nam xuất bản, và tác giả gửi tặng. Sách dày 48 trang gồm nhiều hình ảnh, nội dung lôi cuốn người đọc.

— **Hóa đạo** cơ quan truyền bá Chính pháp của Tổng vụ Hoàng-pháp Giáo hội P.G.V.N.T.N, số đặc biệt kỷ niệm Phật Đản 2514, Chủ nhiệm: H.T. Thích Trí Thủ Chủ bút: T.T. Thích-Đức-Nhuận. Tòa soạn: 243 Sư Vạn Hạnh Chợ Lớn. Mỗi số dày 120 trang gồm nhiều bài tiểu luận và biên khảo về Đức Phật và Phật giáo. Bản đặc biệt.

— **Thơ điên** (... thứ thiệt) tập số sách do các bác sĩ tại dưỡng trí viện "B.S.

Nguyễn-văn-Hoài, Nguyễn-tuấn-Anh, Tô Dương Hiệp, Trịnh-văn-Ling thực hiện với thơ các bệnh nhân: Thiện Quang, Thích-Áo-Giác, Hồng-Đức Tâm, Lê-Hoàng Thúy, Phan-Trần-Tu-Hương, Bùi Gián, Nguyễn-Ngu-Í, vì họa của binh nhân B. V.T, Ki Gop Gio Cl... xuất bản, do bác sĩ Nguyễn tuấn Anh gửi tặng bản đặc biệt (giá không nhất định) và nhà xuất bản gửi tặng bản thường (nhất định, giá 200đ, nhưng sự thật nó vốn là... vô giá).

HỘP THƯ

Tạp chí Bách-Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây:

Mai - hương - Dương; Triệu - Vũ, Vương-Phong-Lan; Trần-thế-Quang; Phạm-ngọc-Thương-Anh; Đông-Ngô; Phạm-Hoàng-Chương; Hoà-Nhã Liên-Vấn; Phương-Đinh; Phạm-Cao-Hoàng; Hoàng-Đức-Hòa; Diệp - Thế - Phiệt; Chu-Vương-Miêu; Phương-Hoa Sử; Tô-Minh - Hồ; Nguyễn - Trọng - Đa; Trần-dạ-Lữ; Ly-Trân; Cung-Đỉnh; Hà-Nghiêu-Bích; Bản-Lãng; Nguyễn-Sa-Mạc; Nguyễn-Đức-Nhân; Phạm-Đình-Dương; Phạm-Công-Giang; Cao-Ngọc-Sa; Võ-Như - Hạ; Trần - Nh - Hạnh.

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn. Những bài nào đáng được, chúng tôi sẽ trả lời bằng thư riêng hoặc nhắc tin trên hai số báo tới đây.

— **Ô Bùi Đăng** (Quảng Ngãi). Anh có nhận được đầy đủ các số BK gửi về đường Nguyễn-Thái-Họ không? Rất mong tin anh. L.N.C.

— **Ô Hằng Ngọc Tuấn** (Đồng Đế - Nha Trang). Bao giờ ra trường? Mong thư anh. L.N.C.

Thư ký Tòa soạn: TÔN-THẮT-HÀM
Quản lý: NGHIÊM-NGỌC-HUÂN
NGUYỄN-HUY-NHÂN